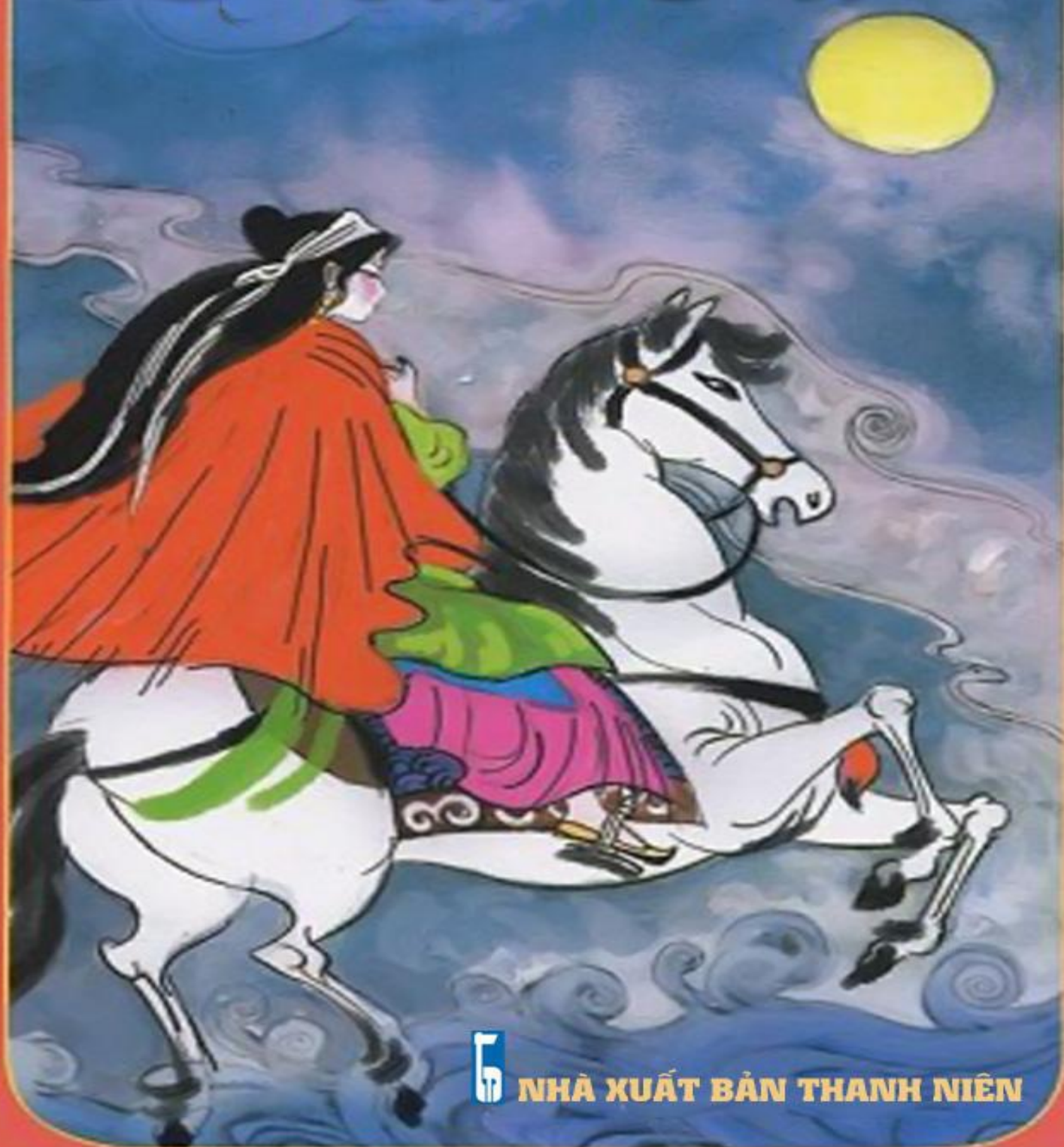


NGUYỄN HUY TƯỜNG

An Tư



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Table of Contents

[AN TU'](#)

[Tác Giả](#)

[Tác Phẩm](#)

[Bối cảnh lịch sử](#)

[Lược sử truyện](#)

[Ghi công](#)

[Trong văn học](#)

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Nguyễn Huy Tường sinh ngày 6 tháng 5 năm 1912 trong một gia đình nho giáo ở làng Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Năm 1930, ông tham gia các hoạt động yêu nước của thanh niên học sinh ở Hải Phòng. Năm 1935 ông làm thư ký nhà Doan (Thuế quan) ở Hải Phòng, sau đó quay về Hà Nội. Năm 1938 ông tham gia Hội Truyền bá Quốc ngữ và phong trào hướng đạo sinh ở Hải Phòng. Năm 1943 ông gia nhập nhóm Văn hóa cứu quốc bí mật và được bầu làm Tổng thư ký Hội Truyền bá Quốc ngữ Hải Phòng. Sau đó ông tiếp tục hoạt động ở Hà Nội, Nam Định và Phúc Yên.

Tháng 6 1945, Nguyễn Huy Tường tham gia ban biên tập tạp chí Tiên Phong của Văn hóa cứu quốc. Tháng 8 năm đó, Nguyễn Huy Tường đi dự Đại hội quốc dân ở Tân Trào. Ông còn là đại biểu văn hóa cứu quốc, giúp biên tập các tờ báo Cờ giải phóng, Tiên Phong. Tiếp đó ông giữ chức vụ Tổng thư ký Ban Trung ương Vận động đời sống mới. Cách mạng Tháng Tám thành công, Nguyễn Huy Tường trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Hội văn hóa cứu quốc.

Nguyễn Huy Tường là đại biểu Quốc hội khóa 1 năm 1946. Tháng 4 năm đó, vở kịch Bắc Sơn của ông được công diễn ở Nhà hát lớn Hà Nội đem lại thành công lớn. Tháng 7, ông được bầu là Phó thư ký Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam.

Tháng 12 năm 1946, toàn quốc kháng chiến, ông tổ chức và đưa Đoàn văn hóa kháng chiến lên Việt Bắc. Tiếp tục hoạt động văn hóa, ông là ủy viên Thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam, thư ký toà soạn Tạp chí Văn nghệ và tham gia tiểu ban Văn nghệ Trung ương Đảng.

Năm 1951, ông tham gia chiến dịch biên giới. Trong hai năm 1953, 1954 ông công tác giảm tô trong cải cách ruộng đất. Sau hòa bình 1954, ông làm Ủy viên ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa 1. Ông là người sáng lập và là giám đốc đầu tiên của Nhà xuất bản Kim Đồng.

Nguyễn Huy Tường mất ngày 25 tháng 7 năm 1960 tại Hà Nội. Năm 1995, Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội đã đặt tên cho một phố của thủ đô là phố Nguyễn Huy Tường, nối từ phố Vũ Trọng Phụng cắt ngang qua phố Nguyễn Tuân đến đường Khuất Duy Tiến. Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 1996.

• Tiểu thuyết

- Đêm hội Long Trì (1942)
- An Tư công chúa (1944)
- Truyện Anh Lục (1955)
- Bốn năm sau (1959)
- Sống mãi với Thủ Đô (1961)
- Lá cờ thêu sáu chữ vàng

• Kịch

- Vũ Như Tô (1943)
- Cột đồng Mã Viện (1944)
- Bắc Sơn (công diễn 6 tháng 4 1946)
- Những người ở lại (1948)
- Anh Sơ đầu quân (tập kịch, 1949)
- Lũy hoa (1960)

Cùng nhiều truyện và ký sự khác: Truyện phim Lũy hoa (1961), Ký sự Cao Lạng (ký, 1951), Chiến sĩ ca-nô, An Dương Vương xây thành ốc, Truyện anh Lục, Tìm mẹ.

Tác Phẩm

Bối cảnh lịch sử

Nội dung trích dẫn trong Đại Việt Sử Ký:

Cuộc đời của An Tư, sử Việt chép rất sơ lược, như Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên chỉ ghi: Tháng 2 (Ất Dậu)... sai người đưa công chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát Hoan, là muốn làm giảm loạn nước vậy.

Trong Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ cũng chỉ ghi: ... Thoát Hoan lên sông Nhị Hà, cột liên bè vào làm cầu, cho quân qua sông; quân ta theo hai bên sông lập đồn để cự lại, không được; ngày đã về chiều, quân giặc qua được sông vào kinh thành, vua sai đưa An Tư Công chúa cho chúng, để thư nạn cho nước.

Lược sử truyện

Đầu năm Ất Dậu (1285), quân nhà Nguyên đã đánh tới Gia Lâm vây hãm Thăng Long. Thượng hoàng Thánh Tông và vua Nhân Tông đã đi thuyền nhỏ ra vùng Tam Trĩ, còn thuyền ngự thì đưa ra vùng Ngọc Sơn để đánh lạc hướng đối phương. Nhưng quân Nguyên vẫn phát hiện ra. Ngày 9 tháng 3 cùng năm, thủy quân Nguyên đã bao vây Tam Trĩ suýt bắt được hai vua.

Chiến sự buổi đầu bất lợi. Tướng Trần Bình Trọng lại hi sinh ở bờ sông Thiên Mạc. Trước thế mạnh của đối phương, nhiều tôn thất nhà Trần như Trần Kiện, Trần Lộng, kể cả hoàng thân Trần Ích Tắc đều quy hàng. Chỉ huy cục thủ Đỗ Khắc Chung được sai đi sứ để làm chậm tốc độ tiến quân của Nguyên, nhưng không có kết quả. Trong lúc đó, cần phải có thời gian để củng cố lực lượng, tổ chức chiến đấu, bởi vậy, Thượng hoàng Trần Thánh Tông bất đắc dĩ phải dùng đến kế mỹ nhân, tức sai người dâng em gái út của mình cho tướng Thoát Hoan để tạm cầu hòa.

Sau, quân Trần bắt đầu phản công, quân Nguyên đại bại. Trần Nam vương Thoát Hoan, con trai của Hốt Tất Liệt đã phải "chui ống đồng để lên xe bắt quân kéo chạy" để về Tàu.

Chiến thắng, các vua Trần làm lễ tế lăng miếu, khen thưởng công thần, nhưng không ai nói đến An Tư. Không rõ công chúa còn hay mất, được mang về Trung Quốc hay đã chết trong đám loạn quân.

Ghi công

Trong Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, mục từ "An Tư": "... Một ngày trong tháng 2 năm 1285, Trung Hiếu hầu Trần Dương nhận lệnh đi thương thuyết giảng hòa, rồi sai quan hầu cận là Đào Kiên đưa công chúa An Tư sang dinh tướng Mông Nguyên (Thoát Hoan). Chẳng bao lâu, dưới sự chỉ huy kháng chiến của Trần Quốc Tuấn, quân Nguyên Mông bị dẹp tan. Trong chiến công này rõ ràng là có sự đóng góp của công chúa An Tư, người đã hy sinh vì nạn nước”.

GS. Phạm Đức Dương, Chủ tịch Hội Khoa học Đông Nam Á ở Việt Nam, viết:

“Nhà Trần trở thành triều đại vinh quang nhất trong lịch sử Đại Việt vì đã ba lần chiến thắng quân Nguyên, một đội quân đã từng làm mưa làm gió khắp Á – Âu. Trong chiến công chung đó người ta ghi nhận sự đóng góp, sự hy sinh thầm lặng của những người phụ nữ, trong số ấy có công chúa An Tư. Người con gái “lá ngọc cành vàng” ấy vì nợ nước đã ra đi không trở lại. Nhưng trở trêu thay, sau chiến thắng quân Nguyên, tháng 7 năm 1285, vua trở về kinh thành hân hoan khen thưởng những người có công, nhưng không ai nhắc tới công chúa An Tư.”

Nhưng đời sau có người đã ghi ơn công chúa bằng những lời được lưu truyền như sau:

“Dù triều Trần và sử sách có quên nàng thì các thế hệ đời sau vẫn dành cho nàng sự kính trọng, thương cảm. Khoảng trống lịch sử sẽ được lấp đầy bằng tình cảm của người đời sau.”

Trong văn học

Khoảng năm 1943, câu chuyện về người công chúa này đã được nhà văn Nguyễn Huy Tưởng viết thành cuốn tiểu thuyết lịch sử An Tư. Theo nội dung truyện, công chúa An Tư có người yêu là Chiêu

Thành Vương Trần Thông, con cả của Thái úy Khâm Thiên Đại Vương Trần Nhật Hiệu. Và sau khi "người chồng" là Thoát Hoan trốn chạy, "nàng xuống ngựa thắp hương, rồi dập đầu trên nắm đất (ngôi mộ của Trần Thông) mà khóc rũ dươi...". Rồi dưới "ánh trăng bàng bạc, nàng mê man những ngày ruỗi ngựa cùng chàng vào Thanh. Nàng đã đến bên bờ sông Cái, và không ngần ngại văng mình xuống nước..."

Bản về nhân vật này, PGS.TS. Nguyễn Bích Thu viết:

Trong tiểu thuyết... An Tư tượng trưng cho cái đẹp biết dần thân, mang một ý nghĩa lớn lao có thể lay chuyển hàng binh thế trận... Nguyễn Huy Tưởng bằng tình cảm và lòng ngưỡng mộ của mình đã ghi nhận và tôn vinh sự hi sinh thầm lặng nhưng quyết liệt của An Tư, một nữ trung hào kiệt trong tiểu thuyết như một chiến công sánh ngang với Trần Quốc Toản, Trần Bình Trọng và trường hợp của nàng đáng được lưu danh như tên tuổi các bậc tiền nhân nhà Trần.



Chương I

An Tư dùng mũi thêu, tay búp măng vuốt mái tóc đen mới xô xuống má. Công chúa không đeo một mảnh trang sức, son phấn cũng không dùng. Không phải như bà phu nhân nước Hoắc, nàng sợ điểm to làm giảm giá khuynh thành. Đường độ đào tơ, nàng không khinh trang điểm nhưng vì quốc gia gặp nạn, rợ Mông uy hiếp; các chiến sĩ gian lao, cơ khổ ngoài biên, tang tóc gieo hang ngày trên các gia đình Đại Việt, nàng tự xét không có quyền nhớn nhor trong cảnh ảm no, ích kỷ. Không những nàng bỏ được thói xa hoa lười biếng cố hữu của những người trong cung cấm, nàng còn theo gương quốc mẫu và hoàng hậu bán hết những tư trang quý báu, lấy tiền mua vải, thân hành may áo cho những khách sa trường.

Nhưng không phải vì thế mà sắc nàng kém tươi. Trái lại, dung nhan nàng có phần xinh đẹp hơn như vàng trắng không bị vẩn mây mờ. Đôi mắt đen, to là một trời huyền ảo, và đôi môi khao khát là một bến đợi chờ, cổ nàng tròn trắng, thân nàng yếu điệu, lẫn mà không thô. Toàn thể là một sắc đẹp say sưa quyến rũ, âm ỉ nguồn nhựa sống dồi dào và mãnh liệt của những vua tướng anh hùng, đầy bão phụ và dục vọng, đã dựng lên cơ nghiệp họ Đông A.

Nàng đứng lên, sẽ xốc lại chiếc áo vóc mềm cũ; vẻ đẹp không kiêu sức mà đầy duyên thầm kín, hiện ra trong từng cử chỉ. Nàng đặt chiếc kim và bức thêu xuống kỷ, ngáp dài, nước mắt cũng vô tình theo ra, mắt nàng càng thêm xa xăm huyền bí.

Canh chưa sâu, nhưng bốn bề tĩnh mịch, tưởng như đã khuya lắm rồi và ngọn sáp hồng đã sắp hết trên cây nến đồng sáng loáng.

Rét đến cả thâm cung. Nàng rùng mình nghĩ đến những chiến sĩ trên Nam Quan, biết đâu giữa lúc êm ả này, họ không đương giao phong cùng giặc dữ. Núi xương biển máu, bày nên một cảnh âm ty. Đồng thời gió thổi ào ào, như muôn vạn người xoa tóc reo hò, lắng nghe như có tiếng hô “Sát Thát”, quen quen, khi ồn ào, khi rầm rộ, ngân ngư cao thấp tạo nên một khúc nhạc lâm ly hùng tráng.

Nàng liếc nhìn đường thêu trên vuông lụa trắng: đã hiện rõ hình một chàng chiến sĩ uy phong, tay cầm lá cờ đề hai chữ “Sát Thát”. Hai chữ này nàng đã xin của anh nàng, vua Thánh Tông: nét bút gầy nhưng mạnh. Nàng tự hào đã lột được hết tinh thần.

Mấy tháng nay từ độ quân Nguyên sang, An Tư thường hay thức khuya, không đánh bài như trước. Hôm qua, nàng đã dệt xong, tính ra từ khi bắt đầu, hơn một trăm thước vải, không kể nàng còn khâu được bao nhiêu quần áo cho quan quân... Cung tần phi chúa đều biến thành Chức nữ tạm thời, vua Thánh Tông ban lệnh ấy để khuyến khích tướng sĩ. Vốn người nhanh nhẹn, An Tư trong nghề dệt cũng như trên đường kim mũi chỉ, đều xuất sắc hơn chị em.

Nhưng nhìn ngón tay, nàng không khỏi ngậm ngùi. Bàn tay nàng mà dân gian thường ca ngợi, mềm mại dài các, nay đã giảm sắc hồng và ngón tay nay đã thành chai xấu xí. Sự biến đổi thiệt thòi ấy duy chỉ có nàng nhận thấy; người khác ai có hay, vì người ta vẫn thường khen vẻ đẹp kiêu kì của bàn tay An Tư, nhất là khi nàng đưa thoi hay khiến mũi kim khâu.

Bận rộn bấy lâu, nay nàng mới được rỗi mà nghĩ đến một công việc mà nàng vẫn thường ấp ủ, là thêu một trướng sĩ để tặng tình lang. Kể đã muôn, nhưng cũng may, chàng chưa ra mặt trận. Nàng lại ngáp vì đói ngủ đã lâu, rồi đến chiếc kỷ với lấy mảnh lụa định thêu nữa. Đêm đông rét quá, nàng rùng mình, chợt có ai gõ cửa, tiếng nàng hỏi ra:

— Ai?

Tiếng gọi dòn dập:

— Chị Liễu! Chị Liễu!

Quả tim nàng đập mạnh. Nàng nghẹn ngào sung sướng, vì đã nhận rõ tiếng người yêu.

Cánh cửa son vừa mở, gió lùa vào cùng với một trướng sĩ, mắt lửa, mày rậm, nước da ngăm ngăm,

mình cao, vai rộng nhưng hơi gầy, trạc hai mươi hai, hai mươi ba tuổi. Nàng chỉ kịp gài then, tráng sĩ đã ôm lấy nàng; người nàng run vì say sưa thỏa mãn. Trong phút mê mẩn, nàng chợt nằm được đốc kiếm của chàng thanh niên; lòng yêu tràn qua bờ kính phục. Chàng luôn luôn nói:

— Chi Liễu! Chi Liễu!

Liễu là tên húy của nàng, miệng hoa thốt hỏi, sẽ sàng và êm dịu:

— Vương lai kinh từ bao giờ, tôi không biết.

Lâu An Tư gỡ ra khỏi cánh tay sắt, mắt sâu đen áp ủ mặt thanh niên, muôn phần âu yếm, lửa tình nhuộm gò má nàng một màu đào sang.

Chàng cầm tay nàng, kéo lại gần kỷ. Chàng cời kiếm, đặt lên kỷ, rồi ngồi đối diện nàng, mỉm cười tình tứ, mắt nhìn An Tư không chớp, nàng cúi gằm mặt xuống, thỉnh thoảng ngược lên thì lại gặp ánh mắt chàng. Nàng lại hỏi:

— Vương lai kinh từ bao giờ?

— Tôi mới đến ban chiều, sáng mai ra trận nên vào đây vĩnh biệt cùng công chúa.

Nàng sững sốt hỏi:

— Sao lại vĩnh biệt?...

— Tôi không ngờ công chúa còn thức. Tôi đi phen này, báo ơn vua, đền nợ nước, rửa hận cho giang sơn, tráng sĩ một đi không trở về. Không biết rồi ra có còn dịp hội ngộ cùng công chúa như đêm nay nữa không. Vậy nên nói vĩnh biệt.

Nàng nhìn lên, lòng choán một nỗi buồn vô biên. Nhưng thấy chàng hùng kiện và vui vẻ, lại yên tâm, bất giác nàng thở dài:

— Không biết bao giờ cho hết loạn, tôi chúc vương ngựa đến, công thành. Có lẽ nào lại vĩnh biệt, vì lòng trung dân ái quốc nên thốt những lời quyết biệt, nhưng tôi chắc duyên ta còn dài, xin vương cứ vững tâm đi dẹp giặc.

— Thế giặc còn mạnh lắm, tràn qua Nam Quan, phá vỡ Chi Lăng, quân ta nay đương khốn đốn. Muốn đánh đuổi chúng chỉ có cách muôn người như một chống cự đến cùng, coi chết thoảng như về, tận lực thần tử. Vẫn hay không phải ai ra trận cũng chết cả, nhưng tôi cũng phải nói trước, lỡ không còn dịp tái ngộ nữa, thì đây là buổi gặp cuối cùng.

Tuy nói thế nhưng lòng kiên quyết của chàng cũng đã hơi rung chuyển. Càng nhìn nàng, càng thấy đẹp, chàng càng lưu luyến; vừa không nỡ dứt tình; vừa oán thời thế treu người. Tay chàng vẫn còn ghi ấn tượng hơi nóng êm dịu của da thịt tình nương, mịn như lá non, mềm chắc nhu núi đào chín ửng. Vương ai tiếp như một lời an ủi:

— Dầu sao tôi được gặp công chúa đêm nay, thế là mãn nguyện. Nay mai xông pha tên đạn, chém tướng đoạt cờ, dù phải da ngựa bọc thây tôi cũng cam lòng.

Nàng nói và cố giấu tiếng thở dài:

— Chỉ có bọn con gái chúng tôi là vô dụng!

— Chuyện! Trai thời loạn, gái thời bình. Đây là phận sự của bọn mày râu, sao công chúa lại so sánh đàn bà vớ vẩn với chúng tôi được? Chúng tôi vai to, cánh khỏe thì phải gánh vác những việc khó khăn, đó là lẽ thường. Huống chi người đàn bà ở nhà, hầu hạ hai thân, trông nom trẻ nhỏ, chúng tôi yên lòng ngoài mặt trận, công ấy có nhỏ đâu? Ngay như công chúa đây, công chúa dệt may quần áo gửi cho chiến sĩ, làm khích lệ ba quân, sao công chúa lại nhún mình mà tự cho là vô dụng?

— Tôi chỉ tiếc không được như nàng Mộc Lan khi xưa. Lúc quốc gia gặp nạn, có kẻ gì đàn bà, đàn ông, phận sự chung cả.

— Đã đành là thế, nhưng mỗi người mỗi việc, công chúa thực là người ưu thời mẫn thế, tôi tưởng khó có người đàn ông nào bằng, thực là hồng phúc cho triều đình, hoàng tộc.

— Vương lúc nãy nói, tôi mới nhớ ra, mẫu thân ở nhà có được mạnh khỏe không?

Nghe nàng gọi mẹ mình là mẫu thân, vương có cảm giác vô cùng êm ái, tiếng nàng nghe như ru, chàng liên tưởng đến lời nói nhỏ nhẹ, rụt rè của cô dâu mới cưới. Nàng nhận thấy trong mắt chàng một

vẻ buồn, và nàng hiểu ý. Chàng sắp sửa vâng mệnh mẹ già làm lễ thành hôn cùng An Tư thì chiến tranh bùng nổ, việc kia đành tạm gác, rồi đợi đến bao giờ? Đương buổi phong trần, nam nhi không dám tính đường gia thất, vùi đầu trong chăn gối, mà phải mặc áo giáp, cầm đồ binh ra trận, thanh danh của ông cha, lòng tự ái của mình, khiến vương tự ý xin hoãn việc hôn nhân, thời thế éo le, biết đâu sự gàn quải này không báo hiệu một tan vỡ?

Mà không được làm chủ bông hoa kiều diễm kia, An Tư, đẹp nhất trời Nam!... Óc chàng lộn xộn, chàng nghĩ đến ngày cưới tung bùng. Nàng đẹp như một thiên nga giáng thế trên kiệu hoa bước xuống, trông như một vùng hào quang đỏ rực, giữa những tiếng ti trúc dập dìu... chợt chàng lại thẹn với mình: Đã đến nước này thì phải để nàng cho người khác, với toàn thân trong trắng. Chiến sĩ đã gánh nặng hai chữ “quân ân”, rong ruổi với thanh gươm yên ngựa, há lại đi làm lỡ một đời người, nhất là một người yêu quý? Chàng xấu hổ với thái độ sàm sỡ ban đầu, và chàng đứng dậy, tra kiếm bên mình, có ý ra đi.

Nàng cũng đứng dậy sát gần chàng, có chiều trách móc. Vương nhớ ra, hối hận vì chưa đáp lại lời nói. Hương thơm của hơi thở An Tư lại hoàn toàn chinh phục chàng thanh niên. Vương nói:

— Đa tạ công chúa, mẫu thân vẫn được khỏe mạnh, và vẫn thường nhắc tới công chúa luôn.

Chàng rầu rầu và nàng rung rung muốn khóc, trống thành vừa điểm canh ba. Nàng nói:

— Vương hãy ngồi chơi. Đã đi đâu mà vội?

Lời nói thân tình. Vương phục tùng ngồi xuống, liếc trông thấy nàng hơi tái đi và vương ái ngại.

Nàng giương đôi mắt phượng đen như huyền, sáng như gương nhìn chàng run run và nói:

— Nay vương đi, mẫu thân thì già, các em còn trẻ, hay vương cho phép tôi về hầu hạ mẫu thân.

Cảm động quá nàng không nói hết, mím miệng hoa để cầm giọt lệ, như cái máy, chàng cầm lấy bàn tay óng muốt, trắng tinh dưới ánh nến và nói:

— Đa tạ công chúa. Đa tạ công chúa, mẫu thân chắc không nhận đâu, và ai lại thế?

Nàng không để yên cho chàng cầm tay, nghĩ rằng thái độ quy thuận của mình có thể đền bù trong muôn nỗi thiệt thòi của đời chiến sĩ. Vương sợ nàng phật ý, nói lảng:

— Mẫu thân gan như sắt đá. Khi ra đi tôi có ý ngần ngại sợ trong buổi loạn ly này không biết có yên yên không thì mẫu thân nói: “Con cứ đi, mẹ đã có khu xử”. Người không sợ gì, thế giặc mạnh mà người bảo không đáng sợ, rút cục thế nào cũng đuổi được chúng ra ngoài bờ cõi.

Nàng cười đầy tin tưởng:

— Sao mẫu thân biết?

— Người nói, có ba điều khiến ta vững tâm. Thứ nhất, nước ta ngày nay muôn người như một, từ vua đến dân, ai ai cũng một lòng đánh đuổi kẻ thù, cho rằng sống nhục không bằng chết vinh. Hội nghị Diên Hồng càng củng cố thêm tinh thần trung quân ái quốc, một câu “xin đánh” của các bô lão cũng đủ tan hơn năm mươi vạn hung binh của Thoát Hoan. Điều thứ hai là quân đội ta rất mạnh, kỷ luật rất nghiêm, tướng tá kết thành một khối, răm rắp theo lệnh Quốc Công, như đàn con theo cha, than mật hơn trong gia đình, thiếu đâu có đấy, một tiếng mõ rao muôn người ra trận, không khác chi con dê lở vít được ngay, còn làn sóng to nào tràn qua được nữa? Điều thứ ba, ấy là Quốc công tiết chế. Quốc công cầm quân biết tùy lúc tiến lui, trông rõ đại cục, gan bền như sắt đá, lượng rộng như biển trời, được lòng cả ba quân lẫn dân chúng, thực là người cứu nhân độ thế, chế phục được tất cả những khó khăn. Khi xưa Quốc công còn trẻ, mới ngoài hai mươi, đương lúc giặc Ngột Lương Hợp Thai sang xâm, vâng lệnh vua Thái Tông lên giữ mạn Hưng Hóa. Khi ra đi không vội vã, điềm nhiên như khi ta đi chơi, phụ thân đã khen là “dững”, tất làm nỗi đại sự.

— Tôi thấy quân ta thất lợi, vẫn thường lo ngại. Nay vương thuật lại lời mẫu thân cho, như vén đám mây mờ, mẫu thân thực là người cao kiến.

— Huống chi ngoài quốc công ra, còn bao nhiêu người tài trí giúp giập: Mưu lược như Chiêu Minh Vương, Chiêu Văn Vương, Hưng Đức hầu, Hoài Văn hầu, Nhân Đức hầu, tướng quân Lê Phụ Trần, đây là những bậc của tôn thất triều đình, ngoài ra còn những anh hùng như Nguyễn Khoái, Nguyễn Thức, Phạm Ngũ Lão cùng mấy nghìn môn khách của Quốc công, đủ cả văn nhân, mưu thần, dũng sĩ, người

nào cũng dộc long vì nước, kể ra thì nhân tài như rừng không nói hết được. Quân ấy, tướng ấy, có lẽ nào lại chịu khất phục quân thù.

— Còn vương nữa chứ?

— Công chúa nói tôi thêm thẹn. Giặc sang từ tháng một, nay đã gần hết năm mà tôi còn ở đây, thực là đắc tội với triều đình, thẹn cùng chúng bạn. Sau ngày Quốc công duyệt quân ở bên Đông Bộ Đầu, tôi trở về mộ thêm binh, luyện bộ tốt, ai hay giữa lúc giặc sang thì tôi thụ bệnh.

— Đó có phải đâu là mình muốn thế?

— Dầu sao cũng là cái nhục cho tôi, nằm trên giường bệnh ròng rã ngót một tháng trời, tôi tưởng lâu bằng ngàn năm. Nghe kể những chiến công oanh liệt ngoài biên, những chuyện tử tiết, tử chiến, tôi chỉ biết thờ dài, sau lại rõ việc quan quân thất lợi ở Khả Li, Lộc Châu, tôi có lúc thét lên như mình mang tội ấy, lại sốt ruột vì tiếng mõ reo gọi người ra lính, dân gian kéo tòng quân rầm rập ngoài đường. Những thủ đoạn hiểm hách của Hoài Văn hầu, khiến tôi càng ghen tức. Kể vai vế tôi là chú hầu, kể niên kỷ tôi hơn hầu năm tuổi, vậy mà uy danh đã chấn động bốn phương, lá cờ sáu chữ “Phá cường địch, báo hoàng ân” đã vẫy bay trên bao nhiêu trận, giống nổi vẻ vang, quân thù thất đảm, cứ nghe nói đến hầu là tôi lòng lộn, không sao trấn tĩnh được. Có đêm khó chịu và sốt ruột quá, tôi vùng dậy, cố gượng với lấy chiếc bảo kiếm gia truyền treo trên tường nhưng tôi ngã lăn xuống đất, kiếm đề lên mình tưởng là chết, mẩu thân cầm ném đi và vực tôi lên giường, nghiêm sắc mặt, nhưng ôn tồn bảo tôi không nên nóng nảy, yên lòng thuốc than thì mới chóng khỏi. Tôi vâng lời, và mấy hôm sau kịch liệt, li bì, dần dần bình phục. Một hôm, tôi lại với thanh kiếm thấy nhẹ, tôi sung sướng, tuy còn lão đảo nhưng cũng vác kiếm khỏi buồng, trông thấy cỏ cây ánh sáng thực là muôn phần vui vẻ. Quân bản bộ thấy tôi ra reo hò mừng rỡ, tôi nhảy lên ngựa, điều mấy vòng quanh vườn, nhưng tôi hoa cả mắt, ngã ngựa, may Trần Quý đỡ được, chứ không thì khôn. Mười hôm sau, tôi bình phục hẳn, thì ra trong lúc tôi nằm bệnh mẩu thân đã lo hết thầy quân nhu khí giới thầy đều sung sức, lại tuyển thêm quân, lòng mẹ lo cho con thật là chu đáo...

— Mẩu thân thực là hiếm có, hiện nay vương có bao nhiêu quân bản bộ?

— Hai nghìn. Tôi sốt sáng là thế mà khi mẩu thân đặc biệt tiến hành, tôi không sao cảm được giọt lệ. Mẹ thì già, em trẻ dại. Tôi lạy mẩu thân rồi, thấy các em đến chào lạy, tôi quyến luyến không nỡ rời tay. Có người gia nhân trung nghĩa là Trần Quý, trước đã từng theo phụ thân đi trận mạc, nay mẩu thân cũng cho đi theo tôi, tôi từ chối thế nào cũng không được. Mẩu thân trao thanh bảo kiếm của phụ vương cho tôi và nói: “Con ở cửa tướng, nên khí sao cho không hổ tiếng cha con”. Tôi tiếp nhận chưa kịp nói gì thì mẩu thân tiếp ngay: “Mẹ thanh bạch chẳng có gì cho con, chỉ có một vật mọn này con cầm lấy”. Người ban cho tôi chiếc túi này.

Chàng lấy trong bọc ra một túi gấm, mở túi rút ra một vuông lụa bạch, trên chỉ có thêu độc một chữ “Thắng” bằng chỉ vàng. An Tư lóa mắt vì ngạc nhiên. Nàng đồ là một bức thêu đẹp, vì mẹ vương có tiếng là giỏi về nghề này. Nàng không ngờ bà lại có ý tưởng làm một bức thêu xuất ư ý ngoại ấy, kết tinh chí quyết thắng và lòng hy sinh mệnh mạng. Nàng nói:

— Tôi không ngờ! Mẩu thân là một bậc đại trí, đại hiền.

— Khi trao cho tôi chiếc túi này, người dặn: “Con đi nhé, mau diệt tan quân cường khấu, tấu khúc khải hoàn. Cố sao lập nên sự nghiệp, mẹ được thơm lây, ấy là báo hiếu. Con đi đi!”. Tôi dùng dằng mãi mới lên đường, nhờ được mẩu thân dạy dỗ nên lúc nào tôi cũng tin chiến thắng. đoàn quân Tinh Cương của tôi cũng thế, và suốt vùng ai ai cũng chung một ý nghĩ. Vì suốt từ ngày quân giặc sang xâm, thấy ai chán nản là mẩu thân khích lệ, ai nghi ngờ Quốc công thì người giải hết nỗi nghi ngờ, đi đâu người cũng noi một gương nhiệt thành, sáng suốt, hi sinh và tin tưởng.

— Vương thực có phúc được mẹ hiền, tôi mồ côi mẹ thực thiệt thòi nhiều.

— Tôi lúc nào cũng phảng phất hình dung mẩu thân và định ninh lời dặn, lúc nào cũng nghĩ đến việc tận tâm báo quốc, khinh tính mệnh như lông hồng mong không hổ tiếng mẹ, không giảm thanh danh cha. Huống chi tôi mang cờ “Tinh Cương”, đeo chiếc bảo kiếm này, thực không lúc nào dám chểnh mảng và

ngã chí.

Chàng trở thanh kiếm trên kỷ. An Tư hỏi:

— Phải chăng đó là thanh kiếm của Hoàng thúc?

— Vâng, đây là thanh kiếm của phụ vương, lưỡi sắc như nước, kiếm này đã giúp phụ vương phá quân Mông Cổ ở bên Đông Bộ Đầu khi xưa. Chàng tuốt kiếm ra, lưỡi thép loáng như gương, lạnh buốt như băng giá. An Tư và chàng tưởng tượng như trong bong hào quang rầm rộ trận đạo quân chiến thắng của vua Thái Tông thần hung. Chàng tra kiếm vào vỏ.

Gió ngoài ào ào thổi như có thiên binh vạn mã. Chàng chợt nhìn công chúa và nói:

— Có lẽ tôi phải đi. Gần sáng rồi. Công chúa thức khuya có hại cho ngọc thể.

— Không ngại gì. Xin vương hãy ở lại, mới vừa điểm trống canh ba. Tôi muốn tặng vương một vật mọn.

Nàng định lấy bức thêu tráng sĩ, thì có tiếng giày dép bên ngoài, và tiếng gọi nàng léo xéo. Nàng tái mặt nhìn vương rồi dắt vương sang buồng bên và nói:

— Vương hãy tạm ở đây. Các chị em đến chơi...

Vương chưa kịp nói gì, thì nàng đã mở cửa. Những phi tần, công chúa, già có trẻ có, vào buồng nàng hỏi thăm tin tức về tình hình quân sự. Trong suốt tam cung lục viện nàng là người biết nhiều tin quan trọng nhất, lại là người thông minh và hiểu rõ thời cục nhất, vả lại nàng là người nhiệt thành, không lúc nào ngã trí, nên thường thường phải cung cấm hay hỏi ý kiến nàng. Nhất là để tìm chút an ủi, có khi khuya nữa, thấy cửa buồng An Tư còn có ánh đèn là họ kéo vào hỏi chuyện.

An Tư hơi khó chịu, vì họ đến rút ngắn thì giờ đã ngắn mà nàng được hưởng bên cạnh vị hôn phu. Giây phút quá thiêng liêng mà họ phạm một cách phũ phàng. Tuy vậy, nàng cũng phải giữ một thái độ bình tĩnh, đối đáp mọi người và truyền cho mọi người một tin tưởng mãnh liệt vào tương lai. Trống canh tư đã điểm, nàng sốt ruột và oán giận chị em, khi họ trở ra về thì đầu dây đã có tiếng gà gáy sáng.

Khi tiễn họ về, trở vào buồng trong, không thấy chàng, lấy làm lạ. Chợt nghe tiếng ngáy trong giường, nàng rón rén lại vén màn. Trong ánh đèn mập mờ, chàng đang ngủ say, chân găm kéo lên đến cổ, giấc ngủ càng làm nổi bật khuôn mặt dững kiện của người thanh niên. Nàng đứng nhìn không chớp mắt. Lâu lâu nàng rón rén bước sang buồng bên, quạt lò đun nước để chốc nữa pha trà thiết chàng.

Thấy cái đẩy của chàng dưới chân kỷ, nàng tò mò mở ra xem. Trong đấy xếp hỗn độn những đồ lật vật, quần áo, khăn tay, gương lược, nghiên bút, một quyển sổ, một chiếc ấm độc ẩm và hai chén da lươn, mấy con dao, một cuốn Binh thư yếu lược của Quốc công. Nàng ngắm nghía từng chiếc một, một vật đều có một linh hồn, và đối với nàng đều có chút tình quyến luyến. Nàng nghĩ:

— Rồi những đồ vật này sẽ theo vương ra trận. Duy ta không.

Nàng thầm ước ao được đi theo chàng để lo việc cơm nước và cùng chàng chung những nỗi gian lao tận khổ. Dần dần nàng giở cả ra một bộ đồ ăn, một đôi đĩa ngà, một bát và hai đĩa gỗ, ánh chừng mẹ chàng mới sắm cho, vì còn mới, và đều có khắc mấy chữ “Đặng binh cường khẩu”. Chắc phụ nhân sợ con quên làm bốn phận nên khắc chữ vào những đồ nhật dụng này để nhắc nhở con, vì ngày nào chàng chẳng phải ăn hai bữa?

An Tư lẩm bẩm: “Mẫu thân hơn mẹ Nhạc Phi nhiều”. Nàng lấy hộp khăn của nàng có sẵn kim chỉ và mụn vá, để chung vào đấy, hòng khi chàng muốn vá hay đính chiếc khuy. Nàng chắt trên sa trường tung hoành xung đột, áo quần của chàng sẽ rất dễ hư hỏng. Nàng lại cẩn thận để vào đấy một thanh quế tốt, và mười liều thuốc cảm, phòng khi chàng trái gió trở trời...

Chợt nàng lẩm bẩm:

— Chết chửa ta quên rồi, không biết có kịp không.

Nàng nhớ đến bức thêu còn dở, nàng vùng đứng dậy, tóc xỏa trôi theo lưng nàng xuống đất như làn sóng đen biếc, nàng giật mình quay lại thì trong khung cửa thông hai buồng với nhau, chàng một tay nắm đốc kiếm, một tay vịn cửa, chân bắt chéo đứng nhìn nàng bằng con mắt âm thầm không chớp. Nàng nhoèn miệng hoa, má trái lúm đồng tiền xinh xắn, má đỏ ửng vì thẹn thùng.

Chàng nhớ lại ở trong buồng thêu thân mật nhất của An Tư, chàng cảm thấy một hương vị mê ly, sáng khoái trong góc thế giới vô cùng huyền ảo ấy. Đây là nơi mà nàng đã để hết tinh thần để bày biện, vừa ẩm cúng, vừa trang nhã, vừa mơ màng, toàn thể đượm một thi vị kín đáo xinh xinh. Dần dần chàng bước lại gần nơi thiêu liêng nhất, im lìm và chào đón như một xóm đào nguyên. Chiếc giường phẳng phát một mùi hương nhẹ nhẹ mê người với đêm hoa, chăn gấm, gối thêu, trong đêm giá lạnh này, chiếc giường như hữu ý, chăn đệm còn ghi dấu thân hình ngà ngọc, và đầu đây như thoảng hơi ấm của gia nhân, rồi không để ý đến câu chuyện bên ngoài, chàng ngủ lúc nào không biết. Khi choàng dậy, bước ra phòng thấy nàng ngồi xếp gọn lại đồ đạc cho mình, ân cần hơn người vợ chính thức, chàng ngỡ người đứng ngắm...

Chàng bước lại, tươi cười nói:

— Đa tạ công chúa. Lòng ân cần này, xin hẹn đến kiếp sau báo đáp.

Sợ nàng vẫn lại tóc, chàng tiếp:

— Thế gian đồn tóc công chúa đẹp, dài và dài các không có thứ mây khói nào sánh kịp, hôm nay vĩnh biệt, tôi không ngờ lại được ngắm làn tóc tiên. Công chúa ăn mặc sơ sài, không son phấn, trang sức, lại càng đẹp lắm.

Nàng quần vội tóc và nói:

— Tôi thấy vương xếp luộm thuộm nên xếp lại cho đây. Lúc này tôi muốn tặng vương một vật mọn này...

Nàng lấy ra bức thêu, chàng cầm xem, thán phục:

— Đường thêu của công chúa, nồng đậm có phép, tiếng đồn không ngoa. Tôi thực có diễm phúc mà được bức thêu này, hơn anh em chúng bạn nhiều lắm.

— Hiềm vì thêu còn dở...

— Càng đẹp, hai chữ “Sát Thát” này tôi xin ghi dạ. Tôi đi phen này, trong mình mang ba vật báu: Bảo kiếm của phụ vương, bức thêu của mẫu thân, bức thêu của công chúa, mà không làm nên công trạng gì, thì nhục bao nhiêu. Xin đa tạ công chúa. Chỉ nghĩ ân tình thâm trọng không biết báo đáp cách nào. Nguyên xin vì non sông xuất lực, muôn lao nghìn chết cũng không từ.

— Xin vương hãy để cho tôi thêu nốt đã.

— Công chúa cho thế này là đủ rồi, thì giờ đã ít, biệt nhau trong gang tấc, xin để thì giờ nói chuyện.

Nàng tan ra trong nước mắt, cổ trần tĩnh không cầm được. Vương khuyên giải hồi lâu, nàng nghẹn ngào nói:

— Nay vương ra trận, tôi phận liễu bồ, không được theo gót ngựa sớm trưa hầu hạ, thực là hèn.

— Công chúa đừng nên nghĩ thế.

— Vậy trước khi vương đi xông pha chiến trận, xin có lời này. Phận gái chữ tòng, một lời đã ước, xin thủy chung đợi vương cho đến ngày tái hội, mà dù nghề gươm đao bất trắc, vương có vì non sông mệnh hệ nào, tôi xin thề thủ tiết đến già để báo đáp tình nghĩa.

Nàng sụp xuống chân vương. Chàng nâng nàng dậy và nói:

— Sao công chúa lại thế? Tình công chúa mệnh mang như trời biển, tôi là kẻ võ biên, thực không tả hết được chút tâm thành, nếu nay mai tấy khúc khái hoàn, tôi được vô sự, nguyện đem thân khuyến mã đáp ân. Nhưng nếu rủi ro ngoài trận...

— Tôi đã hiểu ý vương, nhưng xin vương đừng nói nữa. Tôi đã quyết định một bề.

Ngoài vườn có tiếng chim hót sớm, và qua khe cửa đã lọt lò mờ ánh sáng bên ngoài. Chàng nói:

— Sáng rồi, đêm vui chóng quá. Tôi phải đi thôi, xin cùng công chúa vĩnh biệt.

Chàng gấp bức thêu của An Tư vào túi gấm bên bức thêu của mẫu thân chàng, rồi cho vào bọc. Nàng thôn thức:

— Vậy đã sáng rồi! Vương đi nhé, tôi một lòng chờ đợi. Chúc vương chóng nên danh anh hùng. Vương hãy uống chén trà cho tỉnh – tôi mới pha. - Chàng tiếp lấy, uống ngon và khoan khoái:

— Đa tạ công chúa, từ này quên khuấy đi. Tôi vào đây chào công chúa, thủy chung muốn lưu tặng

một vật mọn này. Suýt nữa thì không nhớ ra vì lòng hoang mang quá.

Chàng lấy ở bọc ra một chiếc hộp ngà, chạm trổ rất khéo, mở ra trong đựng một đôi vòng ngọc thạch, thận trọng trao cho nàng. An Tư tiếp lấy, cảm xúc quá, không sao nói được. Lâu lâu mới nói:

— Đa tạ vương!

— Tôi xin phép công chúa cho tôi đi. Suốt đêm thức, công chúa ngày hôm nay nên ngủ nhiều cho lại sức, kẻo có hại ngọc thể.

Nàng giúp chàng cho đỡ lên vai. Chàng cầm tay nàng và nói:

— Công chúa ở lại nhé!

— Vương đi!

Mở cánh cửa gỗ màu son, trời đã sáng mờ mờ trận gió đêm qua thổi mạnh, làm rụng rơi nhiều cánh hoa đào nở trước xuân, phủ đặc vườn như tuyết hồng. Chàng bước ra như ngã xuống một vùng sâu lạnh giá, cánh hoa như tiễn bước chàng đi, lòng chàng đau như xẻ một nửa người. Chàng cao, nên phải lom khom đi dưới những cành cây thấp, chàng không nhìn lại, luồn qua một cánh Đại rồi biến mất vào sau bụi tre ngà. Nàng vẫn đứng vịn tay vào cửa, đầu nghiêng nghiêng dõi theo bước tình lang. Vườn buổi sớm như dâng nhựa mới, trông cây cối mung lung như đang trong cơn mưa. Trên cành cây lớn một đôi Vành khuyên nhớn nhơ bay ríu rít. Đôi chim ròi cũng dần dần biến đi, trong mắt nàng còn sót lại bóng đôi lứa tình nhân đang quấn quít vui cùng tuổi trẻ, ý xuân, bên cạnh đào gốc lý. Dần dần hình ảnh ấy cũng phiêu diêu, cũng xa xăm xóa hết vì lệ mờ hoen mắt và nàng đứng nguyên nơi ấy im lìm đẹp như pho tượng giai nhân, má nhung long lạnh như cánh hoa đào trước mặt...

Chương II

Chiêu Thành Vương Trần Thông là con cả Thái úy Khâm Thiên Đại vương Trần Nhật Hiệu. Khâm Thiên khi mất mới bốn mươi bốn tuổi, sinh hạ được bốn con, cả là Thông, thứ là Nhiếp, sau là hai người con gái.

Sinh trưởng ở một gia đình quý tộc, sung túc, Trần Thông tuy mồ côi cha từ bé, nhưng được dạy dỗ chu đáo. Bà mẹ là người cương quyết, thông minh, nên ảnh hưởng về đường giáo dục của chàng rất lớn. Vương cũng có học văn, nhưng thiên về võ hơn và có một tinh thần thượng võ rất cao. Nguyên do cũng vì chung quanh vương, kể từ các vương trần cho đến dân gian ai ai cũng ham luyện tập côn quyền. Vương tinh thông cả mười tám ban võ nghệ, nghe đâu có thầy giỏi theo sát tại nhà. Thường mời những dũng sĩ các nơi đến tỉ thí, ai có môn võ nào hay là học cho bằng được mới thôi. Vương lại rất ham đánh vật, môn thể thao thịnh hành nhất thời Trần, mỗi khi cỡi trần đóng khổ ra sân vật, ai cũng phải trầm trồ khen ngợi thân hình lực sĩ của chàng. Bắp thịt nở nang, lẫn từng núi, da chàng ngăm ngăm, nên trông vững chãi như một pho tượng đồng. Tính chàng lại hiếu thắng, không chịu thua ai, trong các cuộc tranh đấu bao giờ cũng bền bỉ và liều, đối phương nhiều khi bị thua vì thế. Không những chăm luyện tập thân thể, chàng còn sành bơi lội, ham săn bắn, thường đi thám hiểm những hang sâu động lớn, vượt biển đèo sông, hoặc lên núi vào rừng, bắt được hổ báo đem về luôn luôn.

Là một vị vương tước, chỗ chí thân của nhà vua, Trần Thông được quyền mộ các trai tráng trong vùng là quân bản bộ. Trước còn vài trăm, sau năm trăm một nghìn, chàng lấy hiệu quân “Tinh Cương” của Khâm Thiên khi trước. Nền nếp cũ, năng khiếu riêng, sự chỉ bảo của các vị vương hầu thạo hơn, và sự đọc sách nói về nghệ binh đã giúp chàng luyện được một đoàn quân có kỷ luật, có sức chiến đấu rất mạnh, hoàn toàn phục tùng chàng. Tuy còn trẻ, Thông đã tỏ ra là một viên tướng giỏi.

Giáo dục, tinh thần và địa vị đã tạo cho chàng trở thành một người dũng kiện, quả cảm, kinh nguy hiểm, khéo chỉ huy, lúc nào cũng có thể gánh vác được những nhiệm vụ khó khăn.

Tuy còn trẻ, nhưng so vai vế thì vương ngang hàng với Thánh Tông Thượng Hoàng, với Tĩnh Quốc Chiêu Văn vương, với Quốc công Hưng Đạo, và đứng vào hàng chú vua Thiệu Bảo. Thánh Tông thương chú mất sớm nên không bỏ lỡ một dịp nào ban xuân lộc cho em. Mỗi khi chàng về đến kinh, Thượng hoàng giữ chàng mãi mới cho về, khoản đãi rất hậu. Anh em chị em tôn thất đối với chàng cũng rất là mến ái.

Cuộc tình duyên giữa chàng và An Tư đã bắt đầu được ngót một năm nay, và mỗi ngày một thêm đắm thắm. Họ đã yêu nhau với tất cả sự nồng nhiệt của tuổi trẻ, với tất cả sức mạnh của rung động, tâm hồn hoàn toàn buông lỏng. Sự thân mật giữa anh em chị em trong họ hàng, sự dễ dãi của một phong tục tự do thoát hãm ra ngoài luân lý đạo Khổng, không khí êm đềm, nhàn hạ, phong lưu trong cung, tất cả những điều kiện ấy đã giúp cho cuộc tình duyên nảy nở. Hoặc cùng nhau hội yến, đàn tay nhảy múa, hay ngồi đánh bài trong cung nghe hát, hay đua thuyền hóng mát trên Hồ Tây, đôi mắt lửa tìm đôi mắt nhung, bóng ngang tàng chỉ hòa theo bóng liễu.

Vương thỉnh thoảng mới về kinh, về những dịp kỵ lập hay những ngày lễ vạn thọ, mỗi năm chỉ độ ba bốn lần, sự xa cách càng thêm nung nấu tình yêu đôi lứa, kích thích bởi nhớ mong. Mỗi khi đến Thăng Long, chàng không bỏ lỡ một dịp nào mà không lên vào cung riêng tình tự cùng với người chị con nhà bác ruột.

Ở cung An Tư đi ra, Chiêu thành Vương ngây ngất như một người say rượu, hồn chàng phiêu nhiên bay bổng trên mây từng mây. Mắt chàng mơ màng, những màu hồng vui như nhảy đón trước mặt chàng. Cánh tay chàng còn đượm sức nóng của thân nồn nà, tai còn nghe tiếng sáo của lời nàng, mũi chàng còn phảng phất hương vị ngây ngất của xác thịt, toàn thể con người như được bao bọc một làn phấn ái tình êm dịu. Chàng không nhìn thấy gì ngoài hình ảnh vinh quang hiện trong khung cảnh rực rỡ của xóm

đào, chàng không nghe thấy gì ngoài khúc nhạc tung bừng của tình ái. An Tư hiện trước mặt chàng trong trắng kiêu lệ, chàng tự hào hơn chúng bạn vì được một giai nhân tuyệt thế ấy để lọt vào mắt xanh. Dù phải phơi thân ngoài chiến địa, chàng có tiếc gì.

Trong phút say sưa, chàng tưởng như nàng ở trước mặt, giơ tay, để vuốt ve làn tóc đen dài. Một tiếng gọi, kéo chàng từ chín tầng mây xuống thực tế. Chàng giật mình e hèn vì đã qua cửa Dương Minh và một người lính trong đội cung thần hỏi:

— Hoàng thúc làm gì đấy?

Cờ quạt dần bày, kiếm kích ngời sáng. Gã tình nhân ngây thơ đã biến mất và Trần Thông hiện nguyên hình là một chiến sĩ giữa một quang cảnh sức mùi chinh chiến. Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chần, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Khổng Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo.

Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:

— Xin hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:

— Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội.

— Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

— Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắng, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi...

— Hạ thần xin tuân thánh chỉ.

Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bê son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan quân. Vì thế Vương ngượng ngịu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

— Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.

— Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kéo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.

— Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bẩm mệnh Thượng hoàng.

Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phụng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ “Tinh Cương”. Chàng tiến lại, Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hờ bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị “giam cầm” nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng.

Trần Quỹ trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quỹ và bảo mọi người:

— Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các người mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nán nà chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các người nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các người chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh

thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.

Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh.

Khi Chiêu Thành vương đến cửa Dương Minh, thì vua Thiệu Bảo đang đi đi lại lại chờ đợi. Thấy vương, vua nói:

— Nào ta đi cho được việc.

Vương theo vua ra bến sông Cái. Dân gian biết là vua đi, kéo nhau lũ lượt theo sau, khắp các phố phường người ta đổ ra, tiếng hô vạn tuế vang lừng, vui vầy và đầm ấm. Nếu là ông vua khác, thì dân chúng đã phạm vào tội bất kính, nhưng vua Thiệu Bảo lại thấy thế làm thích. Vua vốn người nhân hậu, công chính, hàng ngày thường cúi xuống bách tính, xem xét dân tình, có khi vi hành để thân dân. Vua không bỏ lỡ một dịp nào để giúp họ: đói kém thì phát gạo, rách rưới thì ban quần áo. Vua không nề hà điều gì, vào cả túp lều tranh âm thấp, trò chuyện cùng ông già bà cả, có khi ẩm đưa trẻ nhỏ giữa những tiếng cười hồn nhiên của đám người bình dân.

Thượng hoàng nhiều khi quở trách, các quan nhiều lần can, nhưng vua vẫn không sao bỏ được thói quen khả ái ấy, phát sinh từ lòng hồn nhiên bác ái không bao trùm đẳng cấp. Vì vua hay gần gũi với dân gian, nên mỗi khi đi đâu, bách tính kéo ra theo như nước. Những lúc ấy vua không bao giờ cần hộ vệ, để được hoàn toàn chung sống với những người chất phác, thành tâm quyến luyến. Họ đã coi vua như một Thế tôn, một Bồ Tát đầy lòng từ bi hỉ xả, họ chỉ đợi dịp báo ơn vua nhân hậu.

Được gần vua, họ biết tính tình vua, cả những thói quen của vua. Từ mấy năm nay, lòng dân yêu vua lại càng tăng nữa. Họ biết nhà Nguyên sách nhiễu, sứ Mông vô lễ, kinh động triều đình, họ còn nhớ rõ thái độ ngỗ ngược của viên thượng sứ Sài Thung khinh người như cỏ rác. Vậy mà vua Thiệu Bảo cứ chịu nhục, đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, không phải vì vua sợ chúng. Dân gian đã biết vua là một người quả cảm, cương nghị, nhưng sợ dĩ vua phải chịu nước lép vì – họ đã biết rõ – vua không muốn chiến tranh. Vua muốn dàn xếp khôn khéo đem tài ngoại giao mua lấy cuộc hòa bình, tránh cho bách tính cái thảm họa binh cách. Ngày thường cần còn chưa lo đủ cho dân no ấm, huống chi còn chuốc lấy một việc hung. Vốn là nhà chính trị khôn ngoan và sáng suốt, vua Thiệu Bảo biết chiến tranh tàn hại, khốc liệt, không lợi gì cho kẻ dự chiến, bên thắng cũng như bên bại và ông vua giỏi không phải là một người cùng binh độc vũ, mà là người biết mưu hạnh phúc cho dân gian trong không khí yên lành.

Vì thế, vua tuy không phải là thiếu dũng, cứ trù trừ mãi, mặc dầu sự yêu sách của Hốt Tất Liệt trở nên gay gắt vô lý. Việc quân Nguyên đòi mượn đường sang Nam đánh Chiêm Thành là một việc không thể nào chiều được. Dân đều biết đức vua lo nghĩ. Họ sốt ruột và sôi nổi vô cùng. Họ không chịu được thể nước lép vế. Họ giận thâm gan tím ruột quân Mông cổ và sứ thần hống hách của chúng, họ lấy làm nhục để vua phải nhường nhịn kẻ thù, và muôn người như một họ nung nấu lòng căm ghét, chỉ mong đạt đạo giúp vua: thà chết cả chứ không chịu nhục, dù yếu nhưng không chịu thua mạnh, đó là tâm lý chung của dân chúng kinh thành. Lòng muôn người đều nghĩ đến việc tận trung báo quốc, để cho vua đỡ lo, vai đỡ nặng, mặt đỡ buồn. Họ chỉ đợi một chiếu hưng sự là sẽ bỏ ra trước cờ, xin đi đánh giặc.

Vua Thiệu Bảo đã qua bao nhiêu đêm suy tư, cái thế đã giục triều đình tuốt gươm đáp lại những uy hiếp của nhà Nguyên. Vua đã quyết định, dân chúng mong manh tin đều thờ dài sung sướng. Họ muốn quây ngay lấy vua, xin ngài đừng lo ngại. Họ đã sẵn lòng vì vua ủng hộ ngôi báu và giang sơn và quân Nguyên sẽ không qua được nước Nam một khi hơi thở của người cuối cùng chưa tắt... Giữa lúc ấy thì một tờ chiếu ban ra: Trước khi quyết định, triều đình cho triệu bô lão trong thiên hạ để trưng cầu ý kiến.

Dân gian ngờ đâu có sự phi thường ấy. Họ còn nhớ rõ như hôm qua, cái ngày trọng đại, trong khi bóng hung tợn của quân Mông Cổ đã hiện rõ ngoài biên, kinh đô đã được trang hoàng như một ngày

hội lớn, cờ quạt tàn tán la liệt trong các cung điện, cửa ô và ngoài mặt hoàng thành: Mười vị lão thành chủ chiến. Bốn cửa thành mở rộng, để đón đại biểu, các nơi binh lính tấp nập dẹp đường để giữ gìn trật tự.

Các cụ dần dần tới cả, người thì đầu tóc bạc phơ, người thì hoa râu lông đốm, ai nấy đều mặc những quần áo mới, hoặc sắm lấy hoặc dân làng sắm cho. Họ từ những hang cùng ngõ hẻm, từ những xóm tre núi đỏ, ở khắp các đường các ngã đi lại, gần thì đi bộ, già quá thì chống gậy trúc, xa thì đi thuyền đi ngựa hay đi cáng, người nào cũng có dân đình hay con cháu cấp táp mang điếu theo hầu. Mặt người nào cũng nghiêm trang, vì tuổi cao cũng có, nhưng vì sứ mệnh lớn lao mà họ mang trên vai già yếu thì nhiều. Tất cả ba trăm cụ hơi ngơ ngác vì cảnh sa lệ của thủ đô, và vẻ lịch sự của khách kinh kì. Nhưng họ đã được những người này chào đón bằng nét mặt đầy cảm tình, bằng những cử chỉ thân ái, bằng những câu cười tiếng nói niềm nở, bằng khước mắt thân mật, người ta kiễng chân giờ tay. Trong những tiếng ồn ào thường luôn luôn tuôn ra một điệp khúc rất quen.

— Các cụ xin đánh cả nhé. Xin đánh.

Các cụ gật đầu, miệng nở một nụ cười đồng điệu, họ không ngờ tính tình của những người xa cách hằng bao nhiêu quan san lại có chỗ giống nhau đến thế.

Các cụ đã tiến vào trong điện Diên Hồng, một ngôi nhà uy nghiêm rộng rãi mà vua làm sở tiếp các đại biểu tôn kính của dân gian. Thêm rồng cột tia lân đầu tiên chào đón kẻ quê mùa, chôn xán lạn huy hoàng phản ánh những nét mặt sạm phong trần bày nên một cảnh tượng kỳ thú. Một bữa tiệc đế vương dọn tiếp, các vị chí tôn cùng tất cả danh công cự khanh thân ngồi bồi tiếp. Thiên tử, đại gia và bình dân ôn tồn trò chuyện, thân hơn một bữa ăn trong gia đình. Vua hỏi tuổi hỏi gia thế, con cháu mọi người, cả việc làm ăn ruộng nương chợ búa, cười nói tự nhiên, lần đầu ngài được thỏa cái tinh thần nhân dân của mình.

Đối với các vị bô lão, thì đây là một vinh dự hãn hữu mà phần lớn quan liêu cũng không bao giờ được hưởng. Họ dăm dăm chờ đợi câu hỏi chính của nhà vua. Mãi đến khi tiệc lớn đã tàn, mọi người đang uống nước, ăn trà, vua mới đứng lên, nói rõ về sự uy hiếp của quân Mông, sức mạnh và tài chinh chiến của họ, sau cùng là tả những nỗi nhục mà triều đình phải chịu đựng, phác quang tình cảnh non sông và cái thế khiến cho mình do dự và tiếp:

— Nay quốc gia nguy ngập, trăm và triều đình không quyết nổi, vì quốc gia là của chung nên trăm phải triệu liệt vị vào đây để hỏi ý. Thế của ta nay chỉ có hai cách: cho nó mượn đường hay đánh lại, xin liệt vị chỉ giáo cho.

Tiếng đáp đã sẵn sàng ngay từ khi bước chân lên đường, các cụ đồng thanh, muôn người một miệng:

— Xin đánh!

Lời đáp vắn tắt, đánh thép, đánh tan mỗi do dự của quân vương, khích lệ tướng sĩ, thôi thúc nhân dân, vẫn còn văng vẳng bên tai mọi người và quện trong núi rừng ngoài biên ải như một lời cảnh cáo quân thù... từ khi các bô lão về, người tòng quân mỗi ngày một đông, các chiến sĩ ra công luyện tập và các mõ gọi trai tráng ra đình ngày đêm không ngớt tiếng rao.

Dân chúng Thăng Long vẫn còn nhớ như in cảnh tượng ngày lịch sử ấy, các bô lão đã thay họ đặt đạo lên cứu trùng ý kiên quyết của bản dân thiên hạ. Họ ngày nay chỉ nghĩ làm sao giúp vua đánh kẻ thù, vì họ đều cảm thấy mang trách nhiệm lớn trong cuộc chiến tranh.

“Sát Thát” đã thành hiệu lệnh chung của tất cả mọi người dưới trời Nam.

Sau hội nghị Diên Hồng, vua Thiệu Bảo bác thư Trần Nam vương mượn đường, xuống chiếu kẻ tội quân Nguyên, khuyên mọi người trong nước đồng tâm phá giặc. Và đáp lại thái độ tự vệ ấy của người Nam, theo lệnh truyền của Hốt Tất Liệt, Thoát Hoan kéo năm mươi vạn quân hung hổ tiến sang chiếm Nam Quan, xâm lấn Lạng Giang, cướp ải Chi Lăng, tràn xuống Bắc Giang, uy hiếp Vạn Kiếp, thế mạnh như vũ bão. Nhưng tất cả chiến thắng cùng những độc ác của quân thù không làm gây nổi ý chí của dân gian, trái lại, họ càng quây quần chung quanh vua trong một mối đồng tâm sắt đá. Bắt đầu từ ngày khởi chiến, lấy tư cách là đại biểu của toàn quốc, mang trách nhiệm lớn lao hơn cả mọi người, vua Thiệu

Bảo sông cuộc đời khắc khổ hơn một vị tu hành: ăn không dùng miếng ngon, mặc không đòi thứ ấm, bỏ hết những xa hoa phú quý, đêm đêm nằm nghỉ trên một chiếc giường thô kệch. Vậy mà vua vẫn thấy mình còn sung sướng hơn mấy vạn chiến sĩ ngoài biên. Vì vua biết còn được ở cung cấm, xa cách ngàn dặm cõi sa trường, thì cuộc đời dù cực khổ đến đâu vẫn còn là thần tiên so với cảnh huống của chinh phu.

Vì thế mà cảm tình của dân chúng đối với vua càng thấm thiết. Và sáng hôm nay thấy vua vội vã ra đi, không tiền hô hậu ủng, đoán ngay có sự gì quan trọng chi đây. Họ lũ lượt kéo theo vua như làn sóng dềnh lên bờ sông Cái.

Vua tới bờ sông, dừng lại, cảm động vì lòng quyến luyến của dân gian. Tiếng hô “vạn tuế” vang lừng trên khúc sông, thốt từ trong thâm tâm thành kính. Vua đứng nhìn mọi người một lượt, gật đầu, tươi cười rồi giơ tay ra hiệu cho họ về, nhưng họ vẫn đứng nhìn theo. Vua đã cùng Chiêu Thành vương và tên tiểu tót Trần Lai lúc nào cũng theo hầu cận xuống một chiếc thuyền nan, trên thuyền có hai người thủy thủ. Các thuyền xung quanh cũng nhao nhao tiếng hô “vạn tuế”.

Vua còn đứng trên thuyền nhìn lên bờ sông đưa mắt chung quanh bên nước, chỗ nào cũng là những con mắt êm dịu, chứa chan thiện cảm mà hồn nhiên ngỡ ngàng biết bao! Họ im lìm, không biết tỏ lòng trung thành đối với quân vương bằng cách gì hơn. Ông già gù chống gậy dật trẻ, bà lão còng cháu, những thiếu phụ ôm con, họ chỉ cho lũ hài nhi ông vua thân mến. Và đẹp biết bao những con mắt trẻ trở ra, long lanh tìm kiếm, ngón tay xinh xinh, theo tay người lớn trở về phía thuyền vua. Cũng có đứa lấy làm thích, nhảy nhót vui mừng, lại có ông lão ghé và tai cháu nói thầm, đứa trẻ cất tiếng se se trong trong, hô “vạn tuế”.

Trước sự phát biểu chân thành ấy, vua dùng dằng mãi mới truyền lệnh nhỏ sào. Họ vẫn dăm dăm nhìn theo lo ngại cho vua, vì chiếc thuyền bất trắc mong manh. Tuy vậy, thấy bên cạnh đáng thiên tử có một vị thân vương uy nghi theo hầu họ cũng yên tâm đôi chút. Những miệng không răng và những miệng còn hơi sữa lại đồng thanh cất tiếng hô:

— Vạn tuế, quan gia vạn tuế. Xin chúc quan gia bình an vô sự!

Họ còn đứng mãi trên bờ cho đến khi thuyền khuất hẳn, và vua cũng đứng trên thuyền nhìn mãi về phía kinh thành chào cho đến khi bóng người lẫn lộn với không gian. Thuyền vua vun vút như tên. Vua bảo Chiêu Thành vương:

— Trẫm bậc đức, nghĩ thật không xứng đáng!

Vương tâu:

— Quan gia dạy quá khiêm. Hạ thần cảm kích lắm, đó không phải là triệu mất nước. Được lòng dân thì còn, mất lòng dân thì hỏng, lòng dân như thế có đáng lo gì quân giặc?

Vua cùng Chiêu Thành vương trò chuyện, trong khi thuyền lướt đi trên sóng đục. Ban ngày dần dần đã qua, chiều đông u ám càng tăng vẻ thê lương của tất niên. Hai bên bờ sông, cánh đồng chỉ còn tro góc rạ, thỉnh thoảng nhấp nhô một chợ chiều vắng ngắt, hay một quán bỏ không. Đường quanh co vào thôn xóm không một bóng người, cỏ đã héo vàng, và cây trơ lá. Sương cũng xuống cùng với khí chiều bốc làm tăng lòng buồn của người lữ thứ, nhất là một người mang nặng ưu tư. Vua Thiệu Bảo mơ màng nhìn các lũy tre, chưa bao giờ vua thấy vắng tanh và đượm vẻ lạnh lùng nhuộm màu tang như thế. Lòng vua thấm thía, vua quay bảo Chiêu Thành vương:

— Hai mươi tư Tết rồi. Tết năm nay buồn quá.

Trước mắt vua, hiện rõ một bức tranh tiêu điều. Mọi năm đến bây giờ gia đình vẫn đang quây quần ríu rít, nay người ta đương thôn thức hay lo âu?! Chỉ còn trơ những mái tóc điểm sương tựa cửa, những khăn yếm chạy quanh, những miệng thơ gọi bố. Người ta thiếu một kẻ thân yêu gân guốc, trụ cột của gia đình. Lại còn nhiều nhà mang khăn trở, vì tin dữ đã đưa về. Biết bao quý không đâu đang bơ vơ bên mộ phần tiên tổ! Những người còn sống ngẩn ngơ trước bàn thờ giá lạnh, nhớ đến kẻ thân yêu không bao giờ trở về nữa! Mà đã biết đâu, rồi ra nếu quan quân thất lợi mãi, giặc dữ tràn vào, còn bao nhiêu cảnh tiêu đàn. Những thảm họa thực không sao tả hết được.

Vua bỗng xúc động trong lòng, và cảm thấy một niềm thương vô biên, bao trùm cả chúng sinh cây cỏ. Càng nghĩ càng lo, lòng vua càng hoang mang rối như canh hẹ. Bất giác không trấn nổi được tiếng thở dài.

Chiêu Thành vương nói:

— Quan gia hãy vững tâm, đợi gặp Quốc công xem sao, đã có điều chi lo ngại đâu?

Khí chiều càng lạnh. Dần dần vua thấy đói. Vì lo việc nước, từ sáng hôm nay, vua chưa dùng một miếng cơm. Liếc nhìn Chiêu Thành vương vua ái ngại: Chắc cũng như vua, suốt ngày vương nhịn đói. Mình chịu được nhưng vương thì tính sao? Vua hồi hận mình quá hoang mang, quên khuấy cả một việc tối cần. Vương vẫn cung kính ngồi bên, không tỏ một chút gì nóng nảy khó chịu.

Chợt tên tiểu tốt Trần Lai nhìn vua, có ý khác. Vương không để một việc gì lọt mắt, vì vương là người tinh tế, lại mang một trách nhiệm thiêng liêng. Vương đã nắm đốc gươm, giữ thế. Lai đã buông mái chèo, xô lại gần vua. Vương định nắm đầu tên tiểu tốt, nhưng xem ra thì không có điều gì quan ngại, tuy vậy thanh kiếm đã tuốt khỏi vỏ. Lai ngập ngừng muốn nói rồi lại thôi. Y còn trẻ, bộ áo lính nghiêm nghị và hơi lùng thùng không làm giảm được vẻ ngây thơ mẫn sũ.

Vua hỏi:

— Con muốn tâu gì bẩm, Lai?

Tiếng run run không rõ.

— Tàu quan gia, tiểu nhân không dám tâu, tiểu nhân có việc này...

Lai bỗng ôm đầu gối vua, òa khóc nức nở. Vua nói giọng hiền như cha:

— Có việc gì con khóc đó, Lai?

— Tàu quan gia, — Lai vừa nói vừa nức nở, — tiểu nhân thấy quan gia từ sáng ngày chưa ăn... Đến như tiểu nhân là kẻ hèn mọn mà còn no bụng. Mẹ tiểu nhân sợ tiểu nhân đi xa, đã nắm cho tiểu nhân một nắm cơm đỏ để ăn đường cho đỡ đói. Tiểu nhân tuy tay chèo nhưng lòng vẫn nghĩ đến quan gia, quan gia dẫu lo việc nước, cũng không nên biếng ăn quên ngủ, ngọc thể có làm sao thì non sông trông cậy vào ai? Tiểu nhân trăm sợ có nắm cơm đỏ đã mấy lần muốn dâng, hiềm vì nỗi thân hèn, vật mọn nên không dám. Nhưng sợ quan gia đói, từ sớm chưa ăn, nên tiểu nhân đánh bạo tâu lên, tiểu nhân thực là đáng chết...

Rồi Lai phủ phục dưới chân vua, thiếp đi vì sợ hãi, hai tay dâng lên một nắm cơm đỏ lớn bọc lá chuối xanh.

Vua Thiệu Bảo xoa đầu Trần Lai, mắt vua đã rơm rớm lệ. Vua nhìn Chiêu Thành vương khi ấy đã tra gươm vào vỏ. Ân cần vua tiếp lấy nắm cơm, rồi lay tên tiểu tốt:

— Lai con ngừng đầu lên nghe bẩm bảo.

Trần Lai ngừng đầu, đôi mắt giàn giụa, run bắn người lên. Vua phán:

— Trẫm cảm ơn con. Con đừng sợ. Có lẽ nào trẫm lại quả người có lòng thảo như con. Con chưa hiểu trẫm, trẫm có khó tính đâu. Cơm gạo là của quý, xấu nữa trẫm cũng ăn, trẫm thấy con trung thành có nghĩa, trẫm vui lòng lắm, chỉ có việc này trẫm cũng đủ no rồi. Cơm của mẹ con nắm cho là của quý, con nên giữ lấy mà ăn thì phải hơn. Nhưng trẫm không muốn phụ lòng con, sợ con tủi, nên trẫm nghĩ thế này: Trẫm nhận ăn nắm cơm dâng, nhưng trên thuyền ta có năm người, trẫm, vương gia, con và hai người kia, không cứ trẫm mà năm người cùng đói cả. Trẫm tính chia nắm cơm đỏ này thành năm phần, mỗi người một ít thế mới công bình.

Nói xong vua bóc lá chuối vớt xuống sông, tuốt chiếc bảo kiếm đeo bên mình, chia cơm nắm thành năm phần, trao cho mọi người. Giữa khúc sông im lặng, trong bóng tối lạnh lùng lần đầu tiên vua ăn một bữa cơm đạm bạc ngon lành hơn cả cao lương mỹ vị đã nếm qua...

Nửa đêm, vua tới Hải Đông. Các quan hay tin vua giáng lâm tấp nập ra đón ngài vào hành cung. Vì lao tâm lực liên tiếp mấy ngày ròng, vua gầy gầy sệt. Vua muốn đi thẳng vào Vạn Kiếp, nhưng các quan khuyên can đành tạm nghỉ lại ở Hải Đông rồi truyền cho Quốc công về hỏi chuyện. Ở Hải Đông, biết thêm tin tức mới, vua càng lo ngại. Đến đây vua mới càng nhận thấy sức mạnh tuyệt đối của quân

Nguyên, đánh đầu được đây, thực có cái thể trúc chẻ, ngói tan. Còn quan nhà thì từ ngày thất thể trên mặt Bắc, thua ở Chi Lăng, tướng sĩ tan vỡ, phần thì chết chóc, phần thì bị bắt, phần thì trốn tránh tan nát, mười phần không còn được một. Những người trung nghĩa theo Quốc công về Vạn Kiếp thì ốm yếu già tật, tình hình rất nguy khốn.

Quân Nguyên có khí giới tinh xảo, binh lính quen chiến đấu, lại thêm đại bác trợ lực, phá thành cướp trại dễ như trở bàn tay. Đã thế giặc lại tàn ác, Thoát Hoan giận vì triều nước Nam ngang ngạnh, được dịp trả thù dung túng cho quân tàn nhẫn, thành thử quân Mông Cổ tự do hoành hành, tàn hại lương dân, phá từng làng từng tổng, đi đến đâu là lửa cháy rực trời. khói bốc ngùn ngụt, làm tội cả đến tiêu nhi, hãm hiếp đàn bà con gái, những thảm họa ở vùng Bắc chỉ có những cảnh âm ty địa ngục sánh kịp.

Vua thở dài thương cảm, lui vào hành cung, nhưng trần trọc suốt đêm. Hết chợp mắt lại mê thấy cảnh dân gian chạy loạn, quân Mông Cổ hung ác đuổi theo, ngọn giáo dài xâu những xác đầu lâu mới chém, những tướng hình dung dữ tợn: Ô Mã Nhi, A Bát Xích, Áo Lỗ Xích, với những tên quý quái như quý sứ nhà trời...

Trong một lúc vô cùng đau đớn, vua rên rỉ một mình:

— Trời ơi! Dân có tội gì?

Và thốt lời nguyện:

— Dẹp giặc mạnh xong nguyện xin thể phát xuất gia, phổ độ chúng sinh, cầu cúng cho oan hồn tử sĩ.

Sáng hôm sau vua trở dậy, người đau đớn như dầm. Vua cùng Chiêu Thành vương ra bến sông chờ đợi, nóng nảy và sốt ruột, vua đi đi lại lại, dăm dăm nhìn về phía Vạn Kiếp, hơi một tiếng động nhỏ cũng giật mình như Hưng Đạo vương tới. Đợi đã lâu, vua là người có tiếng thuận hòa, vậy mà lúc ấy cũng sinh gắt gỏng, gần trưa, các quan dâng cơm, vua nể lời mời nhưng chỉ dùng một lưng. Giữa lúc lòng vua khó chịu đến cùng độ thì Trần Lai se sẽ tới:

— Tâu quan gia, hình như thuyền Quốc Công.

Vừa bước xuống tận bờ sông. Xa xa, hai chấm đen dần dần hiện rõ, hai chiếc thuyền vun vút đi lại, một chiếc tới gần. Hưng Đạo vương đeo kiếm đứng trước mũi thuyền, gió đánh bạt chòm râu đen dài tuyệt đẹp. Dã Tượng, Yết Kiêu đứng hầu. Thuyền vừa cập bến, Quốc Công nhảy xuống, tiến lại phía vua, định sụp lạy.

Vua Thiệu Bảo đỡ đại vương và nói:

— Quốc Công không phải giữ lễ.

Lòng vua đã trở lại bình tĩnh như thường. Quốc công như có một uy quyền kì dị. Giữa lúc mọi người hoang mang, hoài nghi và chán nản, đại vương đem lại một nguồn nghị lực dồi dào. Lòng tin đã bị lung lay trong thâm tâm vua đã gần như chôn vùi. Chiêu Thành vương liếc mắt nhìn Quốc Công: Đại vương như tất cả đàn ông họ Trần, người cao lớn, nhưng đặc biệt nhất là vai rất nở, mắt rất tinh, tuổi già càng thêm quắc thước. Vương đã nhiều lần gặp Quốc Công, nhưng không bao giờ thấy vị đồng nhung đẹp và khôi vĩ như thế. Có lẽ trường chinh chiến ác liệt đã làm rắn tâm can và mài rửa thêm hung tài sẵn có của đại vương.

Quốc công tâu:

— Đề quan gia phải nhọc thân, lão phu thực mang tội chết.

Vua nói:

— Quốc công trăm nghìn việc không mỗi lúc rời quân sĩ được, đáng lẽ thì trăm phải đến Vạn Kiếp mới phải...

— Quan gia không luận tội là may. Lão phu thân làm đại tướng mà đến nỗi hao binh tổn tướng, bỏ thành mất đất, thực là hổ thẹn vô cùng. Chẳng hay quan gia vời lão phu đến có việc gì?

— Trẫm thấy nói thể giặc mạnh, lo lắng. Không phải quân ta không có sức, tướng sĩ không tận tâm, nhưng vì quân giặc quá nhiều, lại thạo nghề chinh chiến, mấy bữa nay lòng trẫm lại càng thương cảm. Trẫm nghe: “Tranh đất cướp quyền, giết người nơi đồng nội”. Dân ta có tội tình gì, nghĩ đến cha mẹ không người nương tựa, trẻ thơ toàn một lũ mồ côi, trẫm ái ngại lắm. Huống chi họ ta lên làm vua, ân

huệ chưa thi đủ cho thiên hạ, mà bắt bách tính làm thân cơ cực như thế này trăm càng không nổi...

Ngập ngừng một lát, vua nói tiếp:

— Hay là trăm hãy tạm hàng đi đã rồi sẽ liệu sau...

Vị đại vương mà tất cả biên cố trong đời đều không làm rung chuyển được lòng, nghe vua nói đến đây cũng hơi biến sắc mặt. Quốc công nhìn vua, lâu lâu chậm rãi nói:

— Quan gia nói thế thật nhân đức, nhưng còn tông miếu xã tắc thì sao?

Lời nói thấm thía vô cùng! Rồi chuyển giọng, Quốc công tụt khăn quỳ xuống, cất lời khẳng khái tâu rằng:

— Quan gia muốn hàng, xin trước hết chém đầu lão phu đi đã.

Giọng Quốc công đã hay, lời Quốc công lại mạnh, câu nói đánh thép đầy tự tin, như gọi một luồng sinh khí vào ông vua héo hon vì do dự. Bao nhiêu lòng hoài nghi tan hết, vua như choàng tỉnh từ một cơn mê. Vua nâng đại vương dậy, then thò vì lời nói hèn nhát của mình. Tất cả những người đứng chung quanh ngậy người vì câu đáp rắn rỏi, họ hướng cả vào Quốc công, lòng kính ái và mạch máu cuộn cuộn say sưa phấn đấu. Tiếng đáp như còn quyện trong gió mây, Chiêu Thành vương cũng ngạc nhiên vì câu nói bất ngờ của vua Thiệu Bảo, chàng cảm nhận được nỗi then của nhà vua. Chàng có cảm tưởng rằng lúc đó Quốc công là một bó đuốc dẫn đường. Ngay trong lòng chàng, những tro tàn chán nản cũng biến thành than hồng tin tưởng.

Vua hỏi:

— Trăm hối đã làm phiền Quốc công. Chỉ vì trăm quá lo và thương dân nên mới có ý quy hàng. Xin Quốc công lượng cho.

Hưng Đạo nói:

— Quan gia lo là phải, thương là phải, nhưng lão phu liệu thế giặc, xem tình hình nước, non sông chưa đến nỗi nào. Quân giặc có được, quân ta có thua, đất cát có mất, tướng sĩ có nạn, dân tâm có chấn động, tình thế có nghiêm trọng, nhưng cái đó chỉ là bề ngoài và nhất thời. Nội tình của ta vẫn vững vàng và thực lực của ta có thể đánh lại quân Nguyên; chúng như quả đẹp, nhưng con sâu đã đục sẵn ở trong. Riêng vì sự bạt thiệp sơn xuyên, đài tải nặng nhọc, cũng đã yếu rồi. Còn quân ta như quả đương chín, mới trông xanh, có nhận rõ mới biết nhựa sống rất nhiều. Riêng một việc cả nước đồng tâm, tướng sĩ một lòng phò tá cũng đủ đuổi giặc rồi. Đó là cái thế thắng sau này, sao ta lại nỡ phụ ý dân để chuốc tiếng xấu cùng thiên hạ? Vả lại, giữ được có còn cơ thúc thủ, bỏ đi thì mất không bao giờ lấy lại được mà trong việc đánh nhau, người thắng không cần sức khỏe mà cần phải dai. Quan gia chắc còn nhớ gương Cao Tổ nhà Hán vậy. Đến như việc thương dân, lòng từ bi hỉ xả của quan gia, lão phu thực không sánh kịp. Nhưng chỉ nghĩ: Thương dân không cứ phải thương kẻ đương thời, còn phải thương đến con cháu muôn đời sau nữa. Đó là suy rộng mà nói thôi, thực ra tình thế vẫn vững. Lão phu về Vạn Kiếp, quân tướng cũ còn nhiều, lại mới khởi quân mới tất cả được mười vạn quân. Kể cả số quân đóng ở kinh thành và các nơi, tổng số trên hai mươi vạn còn đủ tranh hùng cùng rợ dữ, bảo vệ xã tắc, đã có điều chi đáng ngại, cúi xin quan gia cứ yên tâm. Việc rồi ta gỡ dân rồi cũng được. Lão phu quyết không phụ lòng ủy thác của quan gia và lòng dân tin cậy. Lão phu đã có mưu đuổi giặc.

Lòng vua thắt chặt, đến đây hoàn toàn cởi mở. Vua cảm thấy một nguồn vui mệnh mang tràn ngập lòng, vô cùng êm dịu. Tất cả những khó khăn đều có thể san phẳng được, trong ý vua. Mặt vua mấy bữa nay rầu rầu đột nhiên trở lại tươi tỉnh, lời nói biến thành mạnh mẽ.

Vua phán:

— Trăm nhờ Quốc công giảng cho điều hơn thiệt, như được người trích cho nhọt độc vỡ, vén làn mây mờ. Trăm không còn nghi ngại gì nữa, ý trăm đã quyết, trăm thề cùng quân giặc không đội trời chung, chống cự đến cùng, trừ khi nước sông này chảy ngược trăm mới sai lời thề.

Hưng Đạo tâu:

— Lão phu cũng xin vì quan gia lo liệu đại sự, kỳ cho đuổi xong giặc dữ, rửa nhục cho non sông mới thôi.

Vua mừng rỡ, muôn ngổ cho mọi người biết lòng vui cuồng nhiệt của mình. trong lúc nhiệt thành, vua nhớ đến niềm hậu thuẫn của non sông, vùng Hoan Ái hiểm trở, tiềm tàng một sức mạnh dồi dào chưa dùng đến, ẩn trong những bắp thịt nở nang, những nghị lực phong phú, óc vua bỗng nảy hai câu thơ hùng kiện.

Vua giữ Quốc công ở lại uống rượu, Quốc công tâu:

— Lão phu được về đây, diện kiến quan gia, đã thỏa bụng khao khát lắm rồi. Việc quân đang bách, không chóng thì chầy Thoát Hoan sẽ đến Vạn Kiếp, lão phu không thể nán ná được nữa. Cúi xin quan gia miễn tội cho.

— Trẫm không dám giữ Quốc công, trẫm sợ xin nhờ vào Quốc công cả. Chỉ mong chóng thái bình, trẫm được nâng chén rượu giai lão mừng Quốc công mới thỏa nguyện.

Bây giờ trời đã về chiều, mây ám phủ đầy bốn phương đặc một màn sát khí, xa xa về phía Vạn Kiếp rực rỡ một ánh hào quang như ngọn đuốc đỏ giữa đêm đông lạnh. Vua quyến luyến không nỡ rời tay, cùng Quốc công nói chuyện mãi. Khi tới bờ sông, vua bỗng cầm tay Hưng Đạo vương nói:

— Xin Quốc công hãy dừng lại. Trẫm mới nghĩ ra hai câu thơ này gửi cho quan quân tướng sĩ ở Vạn Kiếp. Trẫm nhờ Quốc công nói cho mọi người rằng trẫm có lời hỏi thăm, và nhân dịp cuối năm có câu thơ chúc Tết, riêng tặng anh hùng. Còn trẫm thì xin theo gương tướng sĩ, đồng tâm phá giặc, tiếp ứng quân nhu, khí giới, nằm gai nếm mật cho kỳ dẹp tan cường khấu, thu phục sơn hà, rửa nhục cho nòi giống, báo thù cho tử sĩ, khi ấy trẫm mới chịu thôi.

Trần Lai nghiêng bút. Vua cúi xuống đuôi chiếc thuyền của Quốc công, trình trọng viết hai câu hùng tráng:

«Cối Kê cựu sự quân tu kỷ

Hoan Ái do tồn thập vạn binh.»

(Cối kê việc cũ người nên nhớ

Hoan Ái ta còn mười vạn binh.)

Hưng Đạo nhìn vua, hiểu ý, lạy vua rồi bước lên thuyền. Vua tôi trông mãi nhau. Vua Thiệu bảo lặng im, như để hồn nhè nhẹ vương theo thuyền đại tướng về chung đặng với những tráng sĩ ở Vạn Kiếp, đang mang nặng một nhiệm vụ thiêng liêng.

Đêm tối đã bao phủ quanh mình vua, vua chỉ nhận rõ thân hình cao cao của Chiêu Thành Vương đứng cạnh. Và vua phán:

— Thôi chú cháu ta về thôi. Bây giờ trẫm mới yên tâm.

Chương III

Trần Thông giờ kiểm trở một dãy núi mập mờ trong khói mưa phùn. Con ngựa nâu cao lớn của chàng bỗng hí vang lừng như mừng với chủ. Chàng quay lại bảo các bạn đồng hành:

— Vạn Kiếp đây.

Vạn Kiếp, nơi phủ đệ của Quốc công, vì thường đi đôi với tên vị anh hùng đã nhiều lần cứu quốc, mà cả nước sùng bái. Vạn Kiếp còn là nơi tụ hội các nghĩa sĩ bốn phương, những người tâm huyết, đã bỏ gia đình đến đây gánh vác một nhiệm vụ nặng nề, những người mà tên tuổi và thủ đoạn đã lừng danh như sấm sét.

Hai nghìn quân Tinh Cương lướt lướt tiến trong mưa, họ đi đã lâu mà mưa càng ngày càng nặng hạt nhưng nghe hai tiếng Vạn Kiếp, họ bỗng quên hết cả rét mướt và đường trường, tinh thần đột nhiên thêm phấn phát. Mắt họ cùng nhìn, tay họ cùng trở, nghìn miệng cùng reo:

— Vạn Kiếp!

Họ rào bước, lòng cởi mở như cách buồm căng gió bễ. Họ đã đến nơi mà lâu nay khi còn ở hương thôn họ vẫn thường khao khát được đề chân tới. Vạn Kiếp có một tính cách thiêng liêng hơn một ngôi đền, những người muốn xứng danh nên trăm nhà không thể bỏ qua, họ đến đây để rèn luyện và buộc mình theo sát kỷ luật của Quốc công.

Trần Thông, sau khi vào yết kiến đại vương trở ra trông nom anh em đóng trại và thu dọn. Tuy đang háo hức mà chàng không khỏi có ý nhớ nhà, lại thêm nổi bỡ ngỡ vì chưa quen không khí ở đây. Những hào cũ làm việc mới nhanh nhẹn làm sao! Họ nói cười duyên thuyên, khuôn vác rất nặng nhọc, nhưng trông họ đẹp vô cùng. Văng vẳng trong khe rừng, trên đỉnh núi là những tiếng ca trong trẻo, hồn nhiên, tưởng như ở đây người ta sống trong hòa bình. Chiêu Thành Vương bắt giặc thẹn vì mình đến muộn, nếu không thì đâu đến nỗi vụng về ban mới này. Trông khỏe mắt, nghe tiếng cười, vương cảm thấy khó chịu như họ chế nhạo vương. Mà thực ra, họ tâm địa gì đâu? Họ niềm nở với những người lính mới, họ còn khen quân Tinh Cương gọn ghẽ, nhanh nhẹn, tuy mới mẻ mà gần như đã được trải qua sự rèn luyện ở Vạn Kiếp.

Nhưng vương và quân Tinh Cương sánh làm sao kịp những bậc đàn anh kia! Trước làn sóng quân thù, họ là những con đê ngăn thứ nhất. Sung sướng thay người lính đã ngã đầu tiên trong buổi giao phong! Trông họ mới nhẹ nhàng mới kiên quyết biết bao! Họ đã dự những trận ác liệt ở Khả Lộc Châu, họ đã chiến đấu anh dũng trên ải Chi Lăng. Họ đã từng đâm chém vật lộn quân thù. Họ giàu bao nhiêu kinh nghiệm, họ phần nhiều mang những vết sẹo vinh quang. Có lẽ họ cũng tự đắc đôi chút, mặt họ dương dương, tiếng cười giòn giã. Thú vị nhất là họ mặc những chiếc áo của triều đình ban, do những phi tần, công chúa may. Có người lại khoe với vương những đường kim chỉ khéo léo của nàng An Tư, đẹp nhất trời Nam. Vương thấy nao nao thứ tình êm dịu của người yêu. Vương phảng phất như nàng ở gần đây, lòng choán một nỗi buồn pha chút ghen tuông, nhớ hão.

Tết đã tràn lán khắp nơi, như một đợt sóng im lìm từ ải bắc đến đồng nam trong những hương thôn đầm ấm, tết đang ghé đến bên bờ Vạn Kiếp. Đêm ba mươi mưa phùn lạnh lạnh, gió thổi đón Đông quân vui vầy. Vương cũng có đôi chút nhớ nhà, và khắc khoải vì An Tư, nhưng rồi cũng tan ngay. Khi một hồi trống nổi, các tướng sĩ kéo vào mừng Quốc công, thì bao nhiêu thói nhĩ nữ trong lòng đều tiêu tan như mây khói.

Trong buổi đầu xuân, Quốc công cùng mọi người nâng chén rượu thề quên thân đuổi giặc. Ý hào hùng của chiến sĩ nhẹ hơn gió xuân, cung kiếm đẹp hơn giò bánh và những tiếng chan chát của cơn quây vui hơn tiếng pháo. Người ta mừng tuổi nhau, người ta hỏi nhau về binh thư, về võ nghệ, quây quần nghe những bạn hát giỏi, đàn sáo hay, vỗ tay làm nhịp hay múa kiếm múa vui. Cho nên ở đây, tuy sặc mùi chiến tranh, hình thần chết phảng phất, mà cuộc đời có một sinh thú vô cùng thiêng liêng cao

quý. Người ta đã hưởng một cái tết lạ lùng ra ngoài khuôn khổ của người thường, người ta cảm thấy cái say sưa kiêu ngạo của chàng thủy thủ đứng mũi thuyền chống chọi với sóng gió vững mạnh lái, cố tránh cho những kẻ ngồi trong khoang ẩm nổi chết dưới vực sâu. Vương đã dần dần thân với những anh hùng mà chàng kính phục và muốn theo gương can đảm. Chàng quyến luyến tất cả mọi người. Những bất trắc của nghề binh đao càng làm cho họ thân nhau, giúp đỡ lẫn nhau, không tính toán, không quản công. Chỉ vài hôm chàng đã hoàn toàn là người con yêu quý trong đại gia đình Quốc công.

Và chính ở đây, chàng mới cảm thấy tất cả cái nghĩa của gia đình, vì ở đây người ta sống hòa hợp nhau, anh em ruột cũng không có những hy sinh như thế. Quốc công quả xứng đáng là chủ cái gia đình ấy.

Chính gia đình riêng của Quốc công thì đã phân ly rồi. Phu nhân và Nguyên quận chúa mà bóng liêu thường thướt tha trong vùng Vạn Kiếp, nay đã tạm lánh vào miền trong. Trong bốn vương tử, một người có tội, đã bị Quốc công đày ra ở một cù lao xa lánh ngoài biển Đông, bạn với sóng gió, chim trời và giặc biển. Ba người ở nhà cũng chẳng hưởng được quyền lợi gì đặc biệt, và thường vẫn chung những nguy hiểm với mọi người.

Ở đây, đại vương để hết chân thành; tướng hồ đơm một màu vô cùng thân ái. Người ta cũng như Quốc công, ai cũng yêu gia đình mới với tất cả tâm can phể phủ. Ba nghìn môn khách của Quốc công cũng đến đây, mong đua thi đấu sức đáp ơn người có độ lượng như Mạnh Thường Quân mà tài trí thì gấp trăm nghìn. Họ vây quanh bên đại vương, tận lực phò tá. Văn tài như Trương Hán Siêu, mưu lược như anh em Phạm Ngộ, Phạm Mai, Ngô Sĩ...

Lại có người như Vũ Trí Thắng, cơ mưu hơn người, ngoài chiến trường là một dũng tướng, Chính Vũ đã dâng lên đại vương một tập địa đồ, do Vũ biên chép rành mạch sau khi phiêu lưu khắp các miền trong nước, tập này đã giúp Quốc công nhiều trong sự bày binh bố trận. Còn bao nhiêu người tài nghệ: Người sành tính toán, người giỏi biên chép, người có tài ăn nói, cả người thạo âm nhạc, người nào cũng có một công việc thích hợp với bản lĩnh riêng, không một người nào thấy mình vô dụng trong “xưởng” hoạt động của Quốc công. Tài mọn nào cũng được đại vương điều khiển và giữa hàng môn khách không có một chút ghen tị nào giữa mọi người.

Sau hàng môn khách, còn có những gia trưởng trung thành. Mỗi khi nói đến Dã Tượng, Yết Kiêu không ai không cảm động. Không biết họ sinh quán ở đâu, có lẽ họ là những đứa bé bị bỏ rơi, được đại vương cứu vớt, rồi lớn lên theo hầu. Nhờ họ mà trong trận thua ở Ki Cáp, Quốc công mới thoát khỏi tay giặc chạy về Vạn Kiếp, giữa mấy lần vây như bao nhiêu vòng thép, tướng sĩ lạc lõng, đại vương chỉ còn có Dã Tượng theo hộ vệ, Tượng đã mang bao nhiêu thương tích, mặt mũi thân thể chân tay, máu chảy lênh láng, vậy mà vẫn chống đỡ cho chủ, hết sức dẹp một đường máu để đưa đại vương đi. Đến khi thoát trùng vây, đại vương tuy đã dặn Yết Kiêu đợi thuyền ở bến Bãi Tân nhưng lại muốn dùng đường bộ về Vạn Kiếp, Dã Tượng nói: Yết Kiêu chưa thấy đại vương chắc chưa bỏ chạy, về Bãi Tân thì hơn.

Quốc công ngần ngại, vì bao nhiêu chiến thuyền do Yết Kiêu quản lĩnh đã có tin bị quân giặc đánh tan, lẽ nào Yết Kiêu còn ở đây.

Dã Tượng quả quyết:

— Yết Kiêu là người trung nghĩa, đại vương truyền đóng quân ở chỗ nào thì dù chết cũng không chịu bỏ. Tiểu nhân đã biết, xin đại vương cứ ra Bãi Tân, có thể mới thoát được.

Quốc công nghe lời, chạy ra Bãi Tân, quả nhiên Yết Kiêu vẫn còn ở đó. Kiêu bị thương cũng nặng như Dã Tượng, chiến thuyền tan cả, nhưng vẫn cố giữ một chiếc liêu chết đợi đại vương. Thấy Quốc công, Kiêu ghé thuyền vào đón, mừng quá ôm lấy đầu gối đại vương mà khóc, rồi rong buồm thuận lái chờ vương về Vạn Kiếp. Quân giặc cũng vừa tới nhưng đuổi không kịp, đại vương nhân việc ấy than rằng:

— Chim hồng chim học bay cao được nhờ lông cánh, nếu không có lông cánh thì cũng chỉ là chim thường mà thôi.

Cho nên đối với Yết kiêu, Dã Tượng, các tướng sĩ có rất nhiều thiện cảm, coi như hai người có công lớn nhất với quốc gia.

Ngoài Yết Kiêu, Dã Tượng, còn có ba gia tướng Cao Mang, Đại Hành, Nguyễn Địa Lô, tất cả năm người thân tùy Quốc công, toàn là những tay võ nghệ giỏi và rất được việc. Những mệnh lệnh của Quốc công đều do họ truyền đi không sai một ly, trong những công cán hiểm nghèo như việc đi dò xem trận giặc họ như đội quân cảm tử, họ thường theo Quốc công và không bao giờ không làm tròn phận sự...

Ba vương tử Hưng Vũ Vương, Hưng Hiếu Vương, Hưng Trí Vương dường như không thua kém những vị kia.

Sau khi thất trận ở mặt Bắc, quân gia tan tác, Quốc công sai ba con về mộ quân ở Bàng Hà, Na Ngạn, Trà Hương, An Sinh, Long Nhãn. Nhờ tài khôn khéo, lòng nhiệt thành phấn phát, chỉ trong có mấy hôm, ba người đã khởi được mười vạn quân. Nhân tài kéo ra như nước, về cả Vạn Kiếp để chịu quyền tiết chế của đại vương. Vì thế mà lỗ hổng trong quân đội do những trận thua lớn ở Bắc Giang lấp được ngay và quân tình lại phần khởi.

Ngoài những người ấy, còn có các tướng của triều đình. Nào là Hùng Thắng, Huyền Du, nào là nội quân Đô Hánh, nào là đại tướng Nguyễn Thức, coi quân Thánh Dực dũng nghĩa. Nào là hai anh em Hưng Đức Hầu Trần Tự Quyền, Nhân Đức Hầu Trần Tự Toàn, dòng dõi Trung Tín Hầu Trần Tự Khánh lúc trước đã lừng danh trong trận tử thủ ở Chi Lăng. Vì lòng quyết chiến, vì những phương sách phòng thủ rất khéo, vì tài biến báo rất nhanh và phong phú, hai hầu chỉ có năm ngàn quân mà đã cầm cự với cả đại đội binh mã của Thoát Hoan tấn công hàng năm, sáu hôm liền. Hai hầu đã nổi tiếng là thiện thủ. Chính Quốc công giao cho hai hầu trọng trách giữ việc phòng thủ Vạn Kiếp.

Vị lão tướng Lê Phụ Trần, người đã cứu vua Trần Thái Tông khi trước, bậc trượng sĩ của hai trận, cũng có mặt bên Quốc công, làm cố vấn cho quan quân. Lê không những là một người lính giỏi, lại có nhiều lần sang sứ nên hiểu tình hình triều đình và quân Nguyên hơn cả mọi người. Nhưng không phải chỉ giữ vai tham mưu thụ động, Lê vẫn hăng hái ra sa trường, treo gương can đảm cho đàn trai trẻ, hoặc vâng mệnh Quốc công thao luyện quân sĩ, làm kinh ngạc mọi người vì sức khỏe tuyệt luân rất hiếm đối với một ông già ngoài sáu mươi tuổi.

Vì lão anh hùng ấy còn được cái vinh dự là thuộc vào một trong bốn hổ tướng khỏe nhất nước Nam, vì chỉ có Lê cùng Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng, Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão là địch được viên tướng kiêu dũng Ô Mã Nhi.

Ba người sau không có mặt ở đây. Họ vâng mệnh Quốc công (***) Quan quân đã về trụ ở Vạn Kiếp từ nửa tháng nay, chinh đồn lại tình thế vậy mà Thoát Hoan vẫn còn lần chân trên mặt Bắc, tiến quân rất chậm, cũng vì thế mà Quốc công đã một lần bảo các tướng:

— Không có Bảo Nghĩa Vương ở đây ta bó tay mất.

*(***) Mất một đoạn trong bản thảo. Tuy nhiên qua nội dung đoạn văn sau đó, có thể đoán được đoạn bị mất nói về các võ công và chiến tích của Trần Bình Trọng, Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão, đặc biệt là công lao của Trần Bình Trọng, trong việc ngăn chặn Thoát Hoan không cho y đánh nhanh xuống (chú thích của người biên soạn)*

Người ta nhận thấy những việc khó khăn nhất trong quân, Quốc công thường hay giao cho Bảo Nghĩa, mỗi khi cử Bảo Nghĩa làm việc gì quan trọng Quốc công cũng yên trí là không có điều gì sơ suất. Cho nên Hưng Đạo hay nhắc đến Bảo Nghĩa Vương, thậm chí Bình Trọng không có mặt ở Vạn Kiếp mà tưởng như là có mặt.

Nhiều tướng khác cũng vậy tuy ở xa mà vẫn phảng phất sống bên mọi người. Họ có nhiều giai thoại trong quân đội nên các tướng sĩ thường đem ra bình luận. Họ hay nhắc tới đảm lược của Chiêu Văn Vương một ngựa bình Mán năm xưa. Họ ca ngợi cảnh tang thương khí khái của lão bán than ở bến Bình than, nay đã phò cố tướng quân Nhân Huệ Vương trấn thủ Vân Đồn, uy danh dậy khắp vùng biển. Câu thơ Tàu dịch mỉa mai vương: “Vân Đồn kê khuyên diệp giai kinh” thì đối với người Nam lại là

lời khen, quân sĩ đọc lấy làm khoái trá. Người ta còn mến Nhân Huệ Vương vì đã cực lực chủ chiến, tán thành ý kiến của Hưng Đạo Vương (***). Nhờ những ý kiến ấy biết đâu tình thế non sông không xoay khác và quân Nguyên không làm chủ được nước Nam rồi? Họ còn truyền tụng cả cái cử chỉ của chàng trai đan sọt làng Ủng mãi tính công việc mà gươm giáo đâm thủng đầu gối cũng không hay... Những giai thoại về những tướng mà họ thường gặp và cũng đang lo cứu nước như họ, những giai thoại ấy đã ảnh hưởng rất lớn và bổ ích cho tinh thần tướng sĩ và càng làm tăng lòng tin tưởng về tương lai của họ.

*(***) Một đoạn trong bản thảo nữa bị mất, nhưng có thể đoán được đoạn bị mất ý nói nếu không có Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư cực lực chủ chiến, tán thành ý kiến của Hưng Đạo Vương thì tình thế có thể đã khác và đất nước biết đâu không mất vào tay giặc (Lời người biên soạn).*

Nhưng người có cảm tình nhất với Chiêu Thành Vương là Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản. Khi vương mới đến Vạn Kiếp, hầu dâng lệnh Quốc công đi do thám tình hình giặc, mãi đến mồng hai Tết mới về. Vương vẫn mộ danh hầu nhưng chưa diện kiến bao giờ vì hầu ít tuổi, không mấy khi đến kinh thành. Lần đó có một dịp được gặp hầu là ngày hội nghị Bình Than, khi ấy vương lại không thèm để ý đến cho là con nít mà vua không cho dự bàn. Vậy mà đứa trẻ ấy đã tỏa sáng từ vinh quang này đến vinh quang khác, những mưu lược anh hùng đã làm cho triều đình kinh ngạc, quân giặc kiêng dè gây được cảm tình của quân đội và quốc dân. Danh hầu đã lừng lẫy khắp mọi nơi. Người ta thường lấy hầu làm gương can đảm cho con trẻ.

“Bằng tuổi này, Hoài Văn Hầu đã đánh bao nhiêu trận, lập bao nhiêu công...” Trẻ con thường vênh tai nghe kể chuyện hầu, từ việc bóp cam cho đến việc chiêu quân mãi mãi, thêu lá cờ đề sáu chữ: “Phá cường địch, báo hoàng ân”. Người con nít ấy với sáu trăm quân và một lòng táo bạo đã từng đối chọi với cả một đạo binh của Thoát Hoan và đã suýt lấy đầu Trần Nam Vương. Người trẻ tuổi nhất trong quân đội ấy, lạ lùng thay lại là người được dân gian nói đến nhiều nhất chỉ sau Quốc công Hưng Đạo.

Chiêu Thành Vương đã đến cùng Hoài Văn Hầu với tất cả lòng ngưỡng mộ. Vương khao khát công danh và rất mong nổi tiếng. Hầu tiếp vương trong trại riêng. Vương đã được nhìn thấy lá cờ thêu sáu chữ lừng danh trong dân gian, đã chính mắt nhìn thấy đứa trẻ kỳ dị. Đã ngưỡng phục vương lại càng ngưỡng phục. Hầu cao dong dỏng hơi gầy, thân thể hoàn toàn chưa nở hết, da trắng môi đỏ mắt sáng loáng như gương, dung mạo có vẻ đàn bà hơn là chiến sĩ. Vương bỗng thấy quyến luyến hầu như một người con trai đối với một người con gái và vương hơi thấy tủi thân, danh đã không bằng hầu mà vương còn xấu xí và già hơn biết bao! Có chút an ủi họa chăng còn có An Tư nhưng lúc này tình cảm ấy như phai nhạt. Tuy vậy cái tủi của Chiêu Thành Vương chỉ thoáng qua trong giây phút. Hoài Văn Hầu niềm nở đón tiếp vương thật thà nói:

— Chú đến bao giờ! Cháu vẫn nghe tiếng chú. Quốc công vẫn thường nói đến chú. Cháu vẫn muốn gặp chú, sao chú đến muộn thế? Bây giờ có chú ở đây, không sợ gì quân giặc nữa.

Ngoài nghĩa gia tộc, một tình bằng hữu thiêng liêng gắn chặt hai người tuổi trẻ ngay từ phút đầu gặp gỡ và cũng từ đó trên hầu hết bãi chiến trường người ta thường thấy lứa anh hùng ấy song song cùng tiến.

Quốc công Hưng Đạo đặt hết lòng tin vào tướng sĩ, chưa bao giờ để lộ một chút nghi ngờ về lòng trung nghĩa của họ. Có lẽ đó là then chốt của thành công trong điều khiển và là nguyên nhân uy tín của đại vương. Tuy vậy, đại vương hiểu hết mọi sự để ý đến từng việc trong ngoài và thường có mặt ở khắp nơi. Người ta tưởng như đại vương có tài phân thân như Tề Thiên Đại Thánh, để chỉ huy quân sĩ. Khi bàn bạc với các tham mưu trong trướng, khi đi thăm các trại, khi xem xét những cơ quan phòng thủ, cả xưởng chế khí giới, bãi đóng chiến thuyền, duyệt những cuộc thao luyện bộ chiến, thủy chiến, những phép công, thủ, chỗ nào cũng ban lời chỉ giáo rất tinh tế hay có lúc cho những huấn lệnh thật nghiêm minh. Những sai lầm nào đại vương cũng nhận ra, lời đĩnh chính mới thân mật làm sao! Những sở trường nào, những tiến bộ nào dù không đáng kể cũng được đại vương khuyến khích, khen ngợi. Hình như đại vương chỉ trông thấy cái hay của mọi người và tìm hết cách để làm nảy nở những tài

riêng. Cho nên đại vương chỉ trông về đại cương thúc đẩy mọi việc chạy rất đều tiền rất nhanh.

Tuy đại vương là một người quyền nghiêng thiên hạ, chỉ một lệnh truyền là có hàng bao nhiêu kẻ rụng đầu vậy mà đại vương ít khi quở trách ai, nếu có thì những quở trách ấy không làm cho người ta tủi mà đem lòng oán thán, người bị mắng chỉ cố sức mong sao chuộc được lỗi mình.

Nói rằng quân sĩ quyền luyến chưa đủ, phải nói họ say mê đại vương, họ có một tình yêu hồn nhiên sâu xa đối với chủ tướng. Họ khao khát trông thấy mặt vị anh hùng, tuy đại vương nghiêm nghị nhưng khi qua chỗ nào thì nơi đó tràn lo âu bỗng sáng, người mỗi mặt bỗng khỏe, những ủy mị bỗng tan, lửa nhiệt tình lại nhóm, những khó khăn hóa ra dễ dàng. Nghe đại vương nói thì không ai không mê, lời rõ ràng khúc chiết, không kiêu cách thâm thía đến tận đáy lòng, khi êm dịu khi hùng hồn. Cho nên bước chân của đại vương thường để lại ánh sáng, hòa hợp và tin tưởng. Mỗi lần đại vương đi khỏi người ta băng khuâng nhớ tiếc như hội vui qua và mong mỗi như con trẻ mong cha.

Mà quả thật nếu đại vương không là cha mọi người, thì sao lại thân yêu họ đến thế? Sao lại thương phạt công minh như thế? Sao lại khéo dàn hòa những xích mích và hiểu thấu lòng họ đến thế? Tình thế nguy ngập, việc quân phiền toái, bao nhiêu khó nhọc đều đổ trên vai đại vương, vậy mà đại vương vẫn còn thì giờ hỏi han quân sĩ, chuyện trò thân mật, săn sóc cả đến việc ăn mặc của họ. Có ai đau yếu hay thương tích nhiều khi đêm khuya trời giá đại vương cũng đến tận nơi tự tay bắt mạch, tự tay bốc thuốc hay xem xét các vết thương, lại có những lời an ủi rất cảm động.

Đại vương bận rộn như thế, ngày nào cũng như ngày nào. Ba quân rất thương đại vương, không mấy khi được nghỉ ngơi, thoát ở Vạn Kiếp thoát ở Chí Linh, thoát ở Pháo Sơn, thoát ở Huyền Đình, ngựa của đại vương tung vó khắp cánh đồng, đỉnh núi. Vậy mà đến đêm, khi mọi người đi ngủ đại vương vẫn còn một mình suy tính bên ngọn đèn xanh, có khi suốt sáng. Ăn uống thì thanh đạm, bữa cơm của vị chủ帥 ba quân sơ sài như bữa cơm của một tên tiểu tót.

Dưới quyền chỉ huy của vị đại tướng thân yêu, quân sĩ tận tâm nỗ lực. Người khuân vác, người luyện tập, tiếng đóng thuyền xen lẫn với tiếng rèn binh khí, tiếng ca vui hòa với tiếng ngựa hí vang lừng. Quân mới đến mỗi ngày một đông sung vào đội ngũ, đa phần rất khỏe mạnh có người tóc điểm hoa râu cũng hăng hái đầu quân. Vạn Kiếp tấp nập trong một bầu không khí tung bừng phấn khích.

Binh khí chất đọng lên trong các kho, lương thảo quyên được của dân gian tải về như mắc cửi, văn quan tới tấp biên chép vào những cuốn sổ dày. Tướng sĩ, dân quân không một người nào rỗi rãi, người nào cũng trở một nỗ lực phi thường, ít người còn có thì giờ thả lỏng hồn theo dòng tình cảm băng quơ. Vì thế, hầu hết tuy khó nhọc mà ngập một niềm vui không bờ bến. Thậm chí có người hăng hái đã nói với anh em đồng ngũ:

— Ở nhà cũng không vui bằng. Ở đây không bao giờ thấy chán, chẳng thiết gì nữa.

Họ hàng, cha mẹ, anh em, họ đều quên hết. Họ chú ý đến một công việc say sưa trong nguy hiểm, có một sức bèn lầy như ngọn lửa, tràn lên từ trẻ cho đến già, từ kẻ nhút nhát đến người can đảm.

Dần dần, những tướng sĩ lạc lõng các nơi cũng về hầu đủ. Nhiều người được trông thấy đại vương, ứa nước mắt vui mừng. Họ đi tìm những anh em đồng ngũ, đồng đội, đồng quân, hàn huyên thân mật, kể lể cho nhau nghe những nỗi trốn tránh đường trường. Họ sung sướng được về đây, nhất là khỏi mang tiếng là những kẻ đào ngũ hèn hạ. Trong những câu chuyện tâm tình, họ nhắc nhớ đến những người quá cố chết không tên tuổi trong những trận giao tranh trên đất Bắc. Họ bùi ngùi nhắc lại những hành động quả cảm, những cái chết lẻ loi toàn đội, những cảnh cứu giúp nhau, những trận cướp thây bạn đem về chôn cất sơ sài trong nấm mộ vùi tạm bợ. Họ cười vì tự đắc, họ khóc suốt mướt những tướng, hay những anh em không bao giờ trở về nữa. Những câu chuyện làm thu hút những lính mới. Dần dần họ lạnh lùng kể cho những người còn bỡ ngỡ về trận mạc, chia sẻ những mảnh khoe riêng: Chớ nên thế nào, đánh nên thế nào, những sở trường sở đoản của giặc, lối hành binh của giặc, lúc nào là lúc dễ đánh bại chúng nhất. Họ làm giàu cho chúng bạn bằng những kinh nghiệm của họ lượm lặt được. Những lính mới chưa ra trận đồng tai nghe chuyện các đàn anh, bỡ ngỡ như những cô dâu ngày sắp cưới.

Tuy vậy, không phải trong đại gia đình ấy, nơi tụ tập tất cả đẳng cấp trong nước, từ con nhà trưởng giả đài các sáng sủa cho đến những bình dân quê mùa cục kệch, ai cũng hoàn toàn cả đầu. Những phần tử xấu không phải ít, những kẻ lười biếng chênh mảng lơ đãng, ham mê cờ bạc, bất tuân kỉ luật cũng lẫn lộn trong những người ý thức về bổn phận và có một tinh thần phấn đấu rất cao. Đại vương cũng lấy làm lo lắng trước tình thế ấy. Tai hại nhất là phần tử xấu phần đông lại là người cũ. Những người mới hồn nhiên, trong trắng, hoàn toàn chịu ép trong kỉ luật, còn những cựu chiến binh hoặc giả làm chán nản, hoặc giả vì khinh nhờn, đã có những hành vi nguy hiểm. Họ đã treo những gương xấu cho kẻ đến sau, nào là mở những cuộc chơi chọi gà, bày ra trò cờ bạc trong quân, hoặc thốt những lời tuy không phải là phản bội, nhưng rất có hại cho tinh thần quân sĩ: Có người mong nhớ gia đình sao những việc luyện tập, không tin vào chiến thắng cuối cùng lại có pha những lời nhạo báng. Nhiều người dám cãi lại tướng mình, mấy ngày cuối năm và đầu xuân, họ lại càng không kiêng nể một tí nào. Tình hình ấy đã thành trầm trọng, như bệnh toi gà lây sang nhiều lứa khác.

Ngay đêm mùng hai tết, nhiều người phá kỷ luật trốn về quê mình hay lên vào những làng quanh đây, trai gái, rượu chè, cờ bạc, làm những việc không xứng đáng với tên gọi quân Hưng Đạo Vương. Quốc công ra lệnh tróc nã. Cũng có người ngang ngạnh trốn biệt, nhưng phần lớn là bị bắt đem về. Cảm động nhất là có một ông già thân hành đem đứa con đào ngũ đến nộp. Đại vương sai quân chính ti chiếu quân pháp luận tội, rồi giải tất cả mấy trăm người ra pháp trường chém đầu đem bêu khắp trại.

Tối hôm ấy, Quốc công cùng Yết Kiêu, Dã Tượng đi tuần khắp các đội ngũ, những lời bênh vực Quốc công, thóa mạ bọn hèn nhát cũng nhiều, những lời oán thán cũng có. Đêm đến trở về, lần đầu tiên trong lòng sắt đá của vị quân vương đầy tự tin và hoàn cảnh tự chủ ấy nổi lên một mối buồn tràn ngập linh hồn không sao dẹp được. Phần thì lo việc quân, thế nước, phần thì băn khoăn vì câu hỏi hoài nghi của vua Thiệu Bảo buổi cuối năm, phần thì cũng e ngại thế giặc, nhất là nỗi nhân tình xao xuyến, lòng vị chủ sủy rất hoang mang. Đại vương vẫn có những phút bần chòn nhưng nhờ lòng kiên định đại vương thường trấn tĩnh và không để lộ bao giờ. Thái độ mấy trăm lính đào ngũ hôm nay đã làm đại vương rung động, đến nỗi tình trạng âm ỷ kia bị phát tiết. Lòng tự ái và kiêu ngạo bị kích thích. Đại vương nửa thương nửa giận những người vừa bị hành hình. Phải chăng chỉ riêng có mấy trăm người? Những phần tử như thế còn nhiều và phải trừ đến tận nọc. Đại vương muốn toàn quân nhất thể, trên dưới một lòng, ai cũng như ai, gác hết những tư lợi, những ích kỷ, chú hết tinh thần và nghị lực vào việc cứu quốc.

Vương đau thương. Tâm hồn cứng cõi nhiều khi cũng có những mềm yếu của kẻ dung thường. Băn khoăn lo nghĩ một mình trần trọc không ngủ được, không bao giờ nghĩ đến cơn phong ba trong tâm trí lại dần vạt đến nhường ấy. Đại vương trở dậy, lại bàn với lấy quyển “Bình thư yếu lược” do đại vương soạn ra vừa mới cho khắc một bản in xong, để phát cho các tướng sĩ. Lần giờ lại quyển sách đại vương dần dần trấn tĩnh lại. Giữa lúc ấy thì đại vương nghĩ đến viết một bài hịch, bèn mài mực cầm bút viết những lời khuyên răn quân sĩ, những lời ấy thật chân thành như lòng vương kì vọng. Khi quãng bút xuống án thư thì trời đã quá canh ba. Nét chữ thảo tung hoành nhanh và sắc nét.

Đại vương cho truyền Trương Hán Siêu vào và nói:

— Đêm qua, ta viết bài hịch này, sợ trong lúc bất định lời văn non nớt, phiền tiên sinh hiệu chỉnh cho.

Siêu cung kính tiếp lấy bản thảo, đọc xong, sụp lạy trước mặt đại vương và thưa:

— Hạ quan cũng thấy lòng sôi nổi. Lời văn đanh thép, khí văn như sóng cuốn, đến kẻ ngoan phu ngoa phụ đọc qua cũng phải phấn phát.

Các văn quan chép lại bài hịch ra thành mấy nghìn bản, chính họ cũng thấy lòng rạo rực muốn tập luyện đao cung để ra trận.

Gà gáy hôm sau, khi quân các trại trở dậy, họ xúm lại chung quanh các tướng, nghe đọc và giảng nghĩa đến đâu lòng họ sôi nổi, bông bột đến đấy, rùng rùng huyết lệ, thấm thía đến những thớ sâu kín của từng người. Kẻ phạm vào những nét xấu kể trong bài hịch đều hổ thẹn, nhiều người khóc nức nở,

nhiều kẻ hời hện đã có lúc chênh mảng việc quân, người ta giận thân đã làm phiền muộn đến chủ sủy, gây thói xấu trong quân sĩ, người ta giết chó săn gà chọi, xé nát hay đập vỡ quân bài lá bạc, tự nguyên rửa mình sao lại hèn nhát khôn nạn, không xứng đáng là một tên quân dưới trướng Quốc công. Bài hịch đã làm thức tỉnh lòng ái quốc âm ỉ của mọi người, kích thích lòng thù ghét quân giặc, khiến họ hiểu chắc được bốn phận. Mặt họ lạnh lùng, chí họ chăm chăm luyện tập, họ thề một chết để tỏ lòng quỳn luyện Quốc công. Ngay khi ấy họ muốn có sức khỏe như Bàng Mông, Hậu Nghệ để giết hết quân thù. Một vài người quá hăng hái thích vào cánh tay hai chữ “Sát Thát” để luôn nhắc nhở đến lời thề chung. Chỉ trong chốc lát tất cả mọi người đều hưởng ứng, và mười vạn quân đều thích hai chữ “Sát Thát” vào cánh tay. Sự cố kết hoàn toàn, sức tranh đấu của quan quân đột nhiên tăng bề mãnh liệt. Ngày luyện tập cô quỳn, đêm quây quần chung quanh chủ tướng, nghe giảng binh thư, ai nấy đều để hết tinh thần vào việc cứu quốc, mười vạn quân như một người, vâng mệnh lệnh, lý tưởng chung. Họ sẵn sàng chờ quân Mông Cổ. Vạn Kiếp vang dội những câu lâm ly hùng tráng của bài hịch:

“Từ nay ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ...”

Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, thấy nhục nước mà không biết thẹn, thân làm tướng phải hầu quân giặc mà không biết tức, tai nghe nhạc để hiển nguy sử mà không biết căm...

Bởi có sao? Bởi giặc Nguyên cùng ta là kẻ thù không đội trời chung, thế mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ đến việc báo thù, lại không biết dạy quân sĩ, khác nào như quay ngọn giáo mà đi theo kẻ thù, giơ tay không mà chịu thua giặc...”

Tướng sĩ đọc từng chữ, từng câu, không ai không thuộc lòng như một bản kinh nhật tụng. Cây cối trong vùng Vạn Kiếp cũng như thì thầm họa lại bài hịch của Quốc công. Dần dần từ Vạn Kiếp phát ra, bài hịch tràn lan khắp nơi như gió, như sóng, không ai cầm lòng được. Dân gian cũng nhiều người thích hai chữ “Sát Thát” thì cũng thích vào cánh tay. Những kẻ trốn việc, thoái chí, lãnh đạm, yên thân, chỉ đọc có vài câu trong bài hịch đều tất thảy mà cảm động, phấn khích đổ xô đến Vạn Kiếp; người nhiều và vui như đi trẩy hội. Và bài hịch cứ truyền tay, truyền miệng đi suốt nước Đại Việt, lọt vào những hang cùng ngõ hẻm, kêu gọi lòng ái quốc của mọi người như bó đuốc truyền đi ngọn lửa thiêng.

Chương IV

An Tư thu mình trong chiếc áo mỏng. Thì giờ gấp rút, nàng chỉ còn mười trống canh để nói chuyện với Chiêu Thành Vương, vì thế nên khi cùng nhau đi, nàng quên không mặc thêm áo. Trời đã gần sáng sương mai phủ đặc cả một góc trời, một vài giọt trên cành rỏ xuống vai nàng lạnh lạnh và chân nàng buốt. Vài tiếng chim sẻ sẻ kêu trong bóng tối, nghe non nớt ai oán như lời than, nhưng cũng có một chút gì ấm cúng khêu mạch máu của người thiếu nữ. Thì thầm đâu đây có tiếng quân nói chuyện, nghe thân mật như những ngày ở thôn quê. Trời đang âm, thì rét bỗng lại trở về qua các cành cây trữu lá và thổi lạnh thêm tâm hồn. Chiêu Thành Vương ái ngại:

— Thôi, ta về vậy, công chúa chắc rét lắm.

An Tư thẫn thức. Phút giây chóng quá và chia phôi đã giơ tay tàn phũ. Trong bóng tối mập mờ của đêm sương, nàng trông rõ nét mặt đăm chiêu nhưng vẫn ngang tàng của người bạn, một tay chàng để trên đốc kiếm, một tay nắm chặt tay nàng, vừa âu yếm vừa bảo hộ.

Nàng chợt thấy cực buốt đến thâm tâm. Nàng nói:

— Về cũng thế, vương hãy ở đây cho hết trống canh. Sao lại rét thế này được?

— Tôi sợ công chúa rét, nên khuyên công chúa về, chứ một khắc ngàn vàng, ly biệt chỉ còn trong gang tấc, lẽ nào tôi lại muốn cùng công chúa chia tay sớm thế.

— Trời trời người, lại còn trở rét. Hay là rét nẩy lộc.

— Hay là rét nàng Bân?

Nàng không ngờ chàng nhắc đến người đàn bà mà chuyện thương chồng cảm động còn truyền tụng trong nhân gian. An Tư mơ màng. Nghĩ đến người vợ may mắn, mà tấm lòng thành đối với người chồng lính thú đã thấu đến hoàng thiên, nàng ao ước đời một đôi vợ chồng yêu nhau trong bóng tối, một túp lều tranh miễn là sum họp, nàng nghĩ đến cảnh nay mai. Thất thân cùng Thái tử nhà Nguyên. Lòng nàng bị tàn phá như một sa trường.

Sương mù nên xa để lộ vài vệt trắng của một sớm mai ác nghiệt. Nàng sát lại Chiêu Thành Vương và nói:

— Chóng quá đã sáng mất rồi!

Một tiếng chim họa mi thánh thót chồn rùng xa, một trận gió lạnh thổi ào ào, vài chiếc lá rụng, trước mặt đôi tình nhân. An Tư bỗng khóc và nói:

— Vương là khách anh hùng, sự nghiệp còn dài, chỉ thương tôi bạc phận, ít lâu nữa rồi cũng rụng như mấy chiếc lá này thôi.

— Sao công chúa nghĩ thế! Công chúa có mệnh hệ nào, thì tôi còn sống làm sao! Sự nghiệp công danh thì làm gì...

— Tôi đi phen này, thất thân cùng giặc, phụ tình vương, trái lời nguyên ước, tôi đã định lấy cái chết để đáp lại tình vương. Duyên kiếp này có thế, xin hẹn cùng nhau đến kiếp tái sinh vậy.

Nàng ôm mặt khóc nức nở. Động mỗi thương tâm, nguồn lệ trào ra liên tiếp, tưởng không cầm được.

Vương giữ lấy nàng, An Tư quá xúc động đứng không vững. Chàng cố nén nỗi lòng, nhưng không biết nói sao, chỉ lúng túng gọi nàng:

— Công chúa! Công chúa! Chị Liễu! Chị hãy nguôi đi, tôi có lời này muốn nói cùng chị.

Chàng lại tiếp:

— Thời khắc đã ít, sáng đến nơi rồi, chớ nhẽ ta lại để nước mắt cuốn trôi hết cả.

Vương lấy làm lạ rằng chính chàng hôm qua đã muốn chết, mà nay bỗng thấy tràn trong người một nguồn hi vọng sáng tươi. Lòng yêu của chàng đã thoát khỏi những thành kiến tầm thường, vượt lên những đỉnh cao bát ngát. Chàng cảm phục tấm lòng vàng của công chúa, nó đã làm cho suốt cõi Thanh Hóa, từ vua quan đến quân đội, dân gian đều cảm kích. An Tư ngồi vinh quang như một Bồ Tát sắp

dân thân vào ngục tối để cứu vớt chúng sinh. Hành động bi hùng không thua Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng.

Chàng lại thấy thương yêu nàng hơn cả bao giờ. Trước cuộc phân ly, chàng không tin rằng nàng đã đi là mất... Thắng được nhỏ nhen, đau đớn, tinh thần chàng trở nên mạnh mẽ đến nỗi chàng có cảm tưởng như là sẽ vá được chỗ rách của tình duyên...

Đêm hôm qua, sau khi biết triều đình đã nhất quyết đem dâng nàng cho Thoát Hoan để cứu năm mươi vạn người bị bắt mà Thoát Hoan sẽ đem giết cả, nếu nước Nam không chịu nộp nàng, chàng giận Thượng hoàng, giận Quốc công, giận nàng, giận thân, chán hết non sông. Tổ quốc, tất cả những lý tưởng đã nuôi sống chàng không còn giá trị nữa. Chàng chạy rong trong canh khuya như con thú mang nặng thương tích. Dần dần chàng không chịu nổi đau đớn. Ý tưởng quyền sinh lớn vồn trong óc chàng đột nhiên thành một ám ảnh. Chàng tự nhủ:

— Không lấy được nàng, thì còn sống làm gì? Chết đi cho trọn tình trọn nghĩa.

Và chàng biến đi. Các tướng sau khi vào yết kiến Thượng hoàng về việc An Tư, trở ra không thấy Trần Thông, bỗng sinh lo ngại, đổ đi tìm. Quốc Toản là người nóng ruột nhất: Hầu đã biết tính vương sôi nổi, phần uất điều gì thì có thể có những hành vi táo bạo và tuyệt vọng. Họ đốt đuốc chia nhau đi tìm các ngả. Quốc Toản có cái may tìm thấy Chiêu Thành Vương trước nhất, giữa lúc vương quyết định quyền sinh. Lưỡi kiếm vừa tuốt ra khỏi vỏ thì Hoài Văn Hầu đã nhảy tới giằng lấy. Mất vương đồ ngẫu như cuồng dại, vương nghiêng răng bảo Quốc Toản:

— Sao hầu lại dính đến việc riêng của ta?

Quốc Toản nói:

— Chú làm thế thì không được. Không đời nào cháu để chú tính đến nước cùng này! Tài trai không tự vẫn.

— Ta không phải là tài trai.

— Chú không muốn cũng phải là tài trai. Chú có tài trời cũng không chết được với cháu. Chú hãy nghe cháu. Chú phải tỉnh ngộ mới được. Chết thì phải chết cho anh hùng, cho đáng mặt tài trai, cho đường hoàng chính chính; chết thì phải chết trên sa trường, sao chú lại chết tầm thường như thế, phí cả công sinh dưỡng, phí cả tiếng nhà, phí cả tài trời. Chú hãy nghe cháu; Gươm của Thái úy không để chú tự tử, gươm báu này dùng để giết quân thù, để rửa hận, chú tỉnh chưa?

Ngọn đuốc mà Quốc Toản vắt bên đường đã tắt lửa, chỉ còn than hồng rùng rục. Kiếm của Chiêu Thành Vương đã bắn ra xa, vương tức bực, không tự chủ được, mắng Quốc Toản:

— Toản, việc gì đến mày?

Hoài Văn Hầu đáp:

— Chú đừng nóng nảy. Chú cứ mắng cháu xin chịu, nhưng chú nên nghĩ lại.

Trần Quỹ cũng vừa tới và đoàn quân Tinh Cương vây bọc lấy vương, người nào cũng ngơ ngác, nhiều người mừng quá ứa nước mắt khóc. Đuốc cháy từng bùng chiếu toàn những nét mặt quen thân quyền uy. Vương tự thẹn với đoàn quân bản độ. Trần Quỹ vẫn một giọng trung thành của người tướng già, lúc nào cũng chăm chú đến người chủ trẻ tuổi:

— Vương gia làm cho chúng con phải một bữa hải hùng.

Vương không nói gì. Vẽ giận dữ pha chiều bẽn lẽn. Chợt có tiếng lệnh của Hưng Đạo Vương đòi Chiêu Thành Vương lên có việc khẩn cấp. Tinh thần trọng kỷ luật rất khắc khổ của vương khiến vương cúi đầu vâng lệnh.

Rầu rầu chàng theo chân sứ lên hầu. Thái độ bất phục, con mắt khinh nhờn, nét mặt khinh bỉ, mỗi lúc một biến đi. Tới trước thềm, vương xin sứ chờ một lát để sửa lại nếp khăn, xóc lại áo giáp mà vương biết là không chỉnh tề. Bước vào, thoát nhìn thấy Quốc công, chàng đã dụ những cơn bão táp trong lòng. Chàng cúi đầu như một học trò có lỗi. Chỉ một lời nói của con người khoan hồng kia cũng đủ làm cho vương trở lại thẳng băng. Lòng hờn ghét Thượng hoàng, ý trách móc Quốc công, thấy đều tiêu tan. Không dám chối cãi, vương chỉ vâng dạ. Khi chàng lui ra, lòng hân hoan nhẹ nhẹ. Chàng thẹn vì quan

niệm hẹp hòi về tình ái, không xứng với giai nhân và chàng chạy đi tìm An Tư, để mong truyền cho nàng một nguồn sống mới...

Tiếng chim ca của họa mi vừa dứt, thì chàng lại nói cũng An Tư:

— Công chúa đừng quá ưu phiền, duyên của ta chưa vỡ.

Nàng ngạc nhiên:

— Vương tể còn gì nữa. Sắp vĩnh biệt...

— Vĩnh biệt là thế nào! Ta tạm biệt nhau hôm nay. Hạ sang, tôi xin hẹn gặp công chúa ở kinh thành.

— Tôi còn mặt mũi nào trông thấy vương nữa?

— Công chúa không nên nghĩ thế, dù sao đời vật đổi, tình nghĩa ta vẫn còn.

— Thất thân cùng giặc...

— Đó là tiểu tiết. Công chúa là bậc anh thư, không nên câu nệ mới được.

— Chiếu thân như nhuộc...

— Trinh bạch là ở trong lòng. Xin công chúa đừng quan tâm đến việc ấy, mà phụ tâm chân thành này.

— Vì vương chân thành, nên tôi lại càng hổ thẹn, không đáng..

— Công chúa nghĩ lầm. Giữ nguyên vẹn tiết trinh như một kẻ thông thường thì ai không giữ nổi? Có gì đáng lạ. Ta ở cảnh biến, không xử sự được như cảnh thường. Trước kia tôi cũng tưởng một khi công chúa ra đi thì không bao giờ chúng ta còn có cơ nối lại duyên, nhưng Quốc công giảng rõ, tôi đã thoát khỏi thói thường. Quan Công hàng Tào đến nay vẫn còn nức gương trung nghĩa.

Công chúa cười chua chát:

— Vương nói quá. Quan Công là chuyện khác.

— Xử sự có khác nhau, nhưng lòng trung trinh là một. Chính tôi cũng đã định quyên sinh, nhưng tôi đã tỉnh ngộ. Chết đi mà uống giận, sao bằng sống để chờ nhau. Đời còn rộng, tình còn dài, duyên ta chưa hết. Công chúa hãy nhẫn nhục chờ tôi, ngày trả thù cũng không lâu. Bao nhiêu điều bất đắc chí ta sẽ rửa được hết, lúc nâng chén rượu khao quân. Công chúa liệu có chờ tôi không?

— Vương, sao vương còn bắt tôi chờ đợi?

— Công chúa vẫn còn câu chấp mãi. Nếu công chúa khẳng khăng một mực, tức là phụ non nước, phụ Hoàng thượng, phụ tướng sĩ, phụ tôi. Công chúa không việc gì phải chết. Việc đời đã đến bước cùng đâu? Non nước chờ đợi ngày chiến thắng, tướng sĩ đợi chờ ngày tuyết hận, công chúa sao không đợi chờ ngày tái hợp?

Lời chàng bỗng trở nên nghiêm nghị. Công chúa se sẽ nói:

— Vương bắt tôi chờ đợi, nhưng khi ấy vương là tướng chiến thắng, tôi là gái nhuốc nhục, mặt mũi nào còn trông thấy vương nữa.

— Công chúa nghĩ lầm.

— Xin vương tránh cho tôi nỗi nhục ấy.

— Công chúa không biết, công chúa có mệnh hệ nào, thì tôi đây cũng không sống được nữa. Nếu công chúa khẳng khăng một mực thì tôi thà chết trước mặt công chúa ngay bây giờ còn hơn.

Vương tốt gươm. Ánh sáng lò mờ chiếu rõ nét mặt đau thương quả quyết của người chiến sĩ. Nàng giữ chàng lại, mắt nhung u uẩn và trên gò má lặn mấy hạt ngọc long lanh:

— Vương, vương.

Mấy câu thánh thót như tiếng chim ríu rít ban sớm. Nàng lại tiếp:

— Vương bắt tôi làm một điều quá nặng.

— Tôi là con nhà tướng, cử chỉ sở sảng, ăn nói thô lỗ, công chúa có thương, xin công chúa nghe tôi.

Nàng nói như nhớ tiếc:

— Trời đã sáng rồi!

Cây cối núi non đã hiện lên luột tuốt trong sương. Vài tiếng gà xao xác. Đâu đây có tiếng quân đầu võ. Một vài con chim sớm bay vút lên không trung và đồng thời, một màu hồng phơn phớt điểm xuyết phía đông, tan trong sương như màu loãng. Công chúa và vương cùng chung một lòng ngao ngán.

Vương vội hỏi:

— Xin công chúa nhớ cho: Đợi tôi hai tháng nữa.

Nàng ngáp ngừng, má như ửng thẹn:

— Nhưng cũng xin ước một điều.

— Công chúa cho nghe.

— Tôi xin chờ đợi, nhưng sa trường bất trắc, nhờ vương...

Chiêu Thành Vương cười ngạo mạn:

— Công chúa lo cũng phải. Nhưng tôi sẽ chẳng làm sao. Khi trước tôi còn sợ giặc, sợ chết, ngày nay tôi coi thường cả. Giặc là kẻ thù không đội trời chung, tôi không chết đâu.

— Nhưng vạn nhất mà vương rủi ro...

Vương không đáp. Công chúa tiếp:

— Tôi xin chờ đợi ngày vương khôi phục kinh thành. Nhưng vạn nhất mà vương rủi ro, thì tôi sẽ theo vương cho trọn nghĩa.

— Công chúa cũng vậy. Nếu công chúa không đợi đến ngày tái hợp, tôi cũng không sống làm gì.

Sáng đã hoàn toàn. Chim chóc sau một hồi do dự, nhịp nhàng ca hát theo một điệp khúc nhẹ nhàng. Cả bầu trời xuân như vọng tiếng hân hoan. Búp non mơn mớn, đất tỉnh giấc ngủ mùa đông, rung mình dâng một mùi thơm hăng hắc. Vẻ đẹp của ánh sáng, nhạc trong của chim ca, màu sắc của cỏ cây và chất thơm của buổi mới hợp thành một ý xuân tươi. Trước mặt hai người thanh niên, trên mảnh lụa mặt hồ, một chiếc chim cuồng xuân xé toạc.

An Tư tặc lưới, nghĩ một mình chua xót:

— Cảnh đẹp quá, sao ta lại phải lên đường trong buổi xuân này? Than ôi, chẳng hên, ta mong gặp chàng mà chẳng muốn gặp chàng.

Mắt nàng như một trời bí ẩn. Và toàn thân nàng như xuyên một nét buồn. Nàng ủ rũ, nhìn vương một lần cuối cùng, lâu lâu chớp mắt để quên từng nét nhỏ tình lang. Mắt nàng uơn ướn, âm thầm.

Chàng tra kiếm vào vỏ, cầm tay nàng:

— Xin tạm biệt công chúa.

Nàng cầm chặt lấy tay chàng như cố níu lấy một lần cuối cùng con người mà nàng đã coi như cách bên kia thế giới. Tâm trí vương bỗng choán một nỗi buồn:

Nhưng rồi ta có cứu được nàng không? Sắc đẹp nhường kia, trời không đúc được một người đẹp hơn thì có lẽ nào, lại bắt nàng đi ngay được? Thông ôi! Người liệu có điểm phúc cướp lại nàng không?

Chàng vẫn vương những suy nghĩ và nàng (bản thảo bị mất đoạn này –BS). Thoát ngoảnh lại thời gian sớm hết. Tần ngần nhìn nhau, họ vô tình rảo bước.

Tất cả mọi người ở Thanh Hóa đều biết Chiêu Thành Vương và công chúa tình tự trên đồi Cổ Hạc. Khi họ lên đồi người ta đã biết, nhưng không ai ngăn trở và cũng không ai chê cười. Một người như An Tư mang một sứ mệnh lớn lao mà thê thảm, ai còn trách móc? Quân sĩ được cắt đi tiền An Tư đã tề chỉnh, thuyền hoa đã túc trực ngoài khơi, mà đôi tình nhân vẫn chưa xuống. Phút giây thần thánh, họ không dám làm loạn, giả sử An Tư và Chiêu Thành Vương đứng mãi trên đồi, có lẽ cũng không ai nỡ phá cuộc chuyện trò. Nỗi éo le của thời thế và sự lỡ dở của một nhân duyên đẹp để nhất đời, đã làm cho người ta bàn tán, người ta thở than, người ta tiếc mướn, nhiều người còn ứa lệ cảm thương. Một người bỗng nói:

— Ai cũng ái ngại cho Ngưu Lang Chức Nữ, có biết đâu tình cảnh công chúa và Chiêu Thành Vương còn thảm thiết gấp trăm, gấp nghìn. Nghĩ cũng không đành lòng.

— Chức Nữ Ngưu Lang còn mỗi năm gặp mặt một lần, còn như...

— Còn như thì làm sao?

— Thì lỡ cả.

— Sao lại lỡ? Hai tháng nữa, ta đuổi Thoát Hoan đi, cứu công chúa, việc lại như xưa. Cái công cứu mười vạn sinh linh (đoạn trên nói “năm mươi vạn” xin được đề yên như bản thảo) , muôn đời còn ghi

tiếng, thì vài tháng thất thân cùng giặc có kể gì? Cũng không quản ngại.

Nàng đã trang điểm rất lộng lẫy, nàng tự tử cho thân phận! Tuy đau đớn trong tình yêu, nhưng nàng không khỏi có chút tự phụ là đã không sống vô ích, giữa lúc tất cả mọi người đang lo toan việc khôi phục. Nàng tự thấy không phải xấu hổ với những người anh hùng hi sinh cho tổ quốc. Hình ảnh nàng Tây Thi phục thù cho nước Việt lảng vảng trong đầu nàng, tuy nàng tự biết không có cái tài của người con gái cán sa. Và thỉnh thoảng nàng không khỏi bằng lòng vì sắc đẹp của nàng. Cái sứ mệnh ác liệt nhưng lớn lao mà nàng mang trên vai, lắm lúc nàng lấy làm vinh hạnh: nó thỏa mãn lòng yêu nước âm thầm của nàng, với tinh thần hi xả bác ái, là tinh thần mãnh liệt chung cho xã hội đương thời, mà tinh thần quốc gia đã thấm nhuần mọi lớp. Mười vạn sinh linh thoát khỏi tay đao phủ, âu cũng đủ khuây khỏa lòng người thiếu nữ, mà lâu dài hạnh phúc đã gọi là hoàn toàn đổ sụp lúc bước chân ra đi.

An Tư sai đánh con ngựa bạch của nàng ra. Nàng không muốn rời xa con vật có nghĩa của nàng. Nước mắt giàn giụa, nàng nghĩ đến đêm trăng rong ruổi bên người yêu, nàng vỗ con ngựa, nó hí vui mừng và không biết đến nỗi khổ của chủ. Nàng nói:

— Con đi với ta nhé!

Rồi cực thân, nàng lại khóc. Tất cả cung tần phi chúa đều khóc vì không biết nói gì để an ủi được nàng. Nỗi đau khổ mệnh mang như bẽ, một lời nói bình thường không giúp gì cho người xấu số. Hoàng hậu dẫn hoàng thái tử và thân ẩm công chúa Huyền Trân, khi ấy đã được sáu tháng ra chào nàng. An Tư vuốt má thái tử và ẩm Huyền Trân. Cô công chúa tí hon này cũng có đôi mắt to và buồn như An Tư. Nét mặt hao hao giống nàng. Trong hoàng tộc ai ai cũng bảo Huyền Trân sẽ đẹp như An Tư. Huyền Trân vươn bàn tay xinh xắn và nhoẻn miệng cười hồn nhiên, nụ cười đã đánh dấu sắc đẹp cực kỳ lộng lẫy mai sau. An Tư hôn hít Huyền Trân mà nàng vốn yêu rất mực.

Hoàng hậu nói:

— Cháu giống công chúa, mỗi ngày một rõ.

Nàng ôm cháu, cười buồn rười rượi:

— Cháu ngoan nhé, cháu đừng như bà trẻ mà khổ.

Nàng cố cầm nước mắt. Khi nàng trao trả Huyền Trân cho hoàng hậu, thì cô bé khóc lên, nhất định theo nàng, nàng lại phải ẩm, như thế đến ba lần. Bảo mẫu phải đem Huyền Trân đi ra chỗ khác. Tiếng khóc của Huyền Trân vẫn chưa dứt. (Về sau công chúa Huyền Trân cũng có số phận giống như bà trẻ An Tư, bị đem gả cho vua Chiêm Thành là Chế Mân! BS)

An Tư lên ngựa ra bến. Theo hầu nàng có sáu người thị nữ. Hoàng hậu và các công chúa, phi tần đều ra tiễn biệt.

Chiêu Thành Vương, Hoài Văn Hầu, văn quan võ tướng cũng theo ra. Hai bên đường, quân sĩ đứng xếp hàng gươm tuốt sáng ngời, giáo dựng lô nhô, bày ra một cảnh cực kỳ hùng tráng. Sau lưng quân sĩ là dân gian bồng bế con cái nghênh đầu lên nhìn, vừa vì hiếu kỳ, vừa vì chút cảm tình đối với công chúa. Không ai nói gì, nét mặt nghiêm trang, phần nhiều buồn bã lặng lẽ. Xa xa trên đỉnh cao, pháp phới ngọn cờ vàng.

Nàng từ từ cho ngựa chạy giữa hai hàng quân sĩ, lộng lẫy trong chiếc khăn đỏ dát ngọc, chiếc áo vóc xanh, đai vàng, xiêm gấm, chiếc quần hồng và chiếc hài nhỏ thêu phượng. Những vàng ngọc và màu sắc càng làm nổi vẻ đẹp khuynh thành, nhất là bàn tay dài các và ngón cổ trắng tinh. Đôi mắt to đen, mơ màng mà buồn rầu kia có phần ngơ ngác, thỉnh thoảng nhìn sang bên. Người nào được nàng nhìn như được một vinh hạnh lớn.

An Tư đột nhiên nhớ mệnh mang cái đất Thanh kỳ lạ này, nơi mà nàng mới đặt chân từ sớm hôm qua, vừa đúng một ngày một đêm. Nàng băng khuâng nghĩ đến cuộc đời lạ lẫm của nàng, nàng âm thầm tự trách và thèm muốn đời những người ở lại. Từ bà hoàng hậu đến các phi tần, từ Thượng hoàng đến tướng sĩ, người nào trước mắt nàng cũng thấy hiện một cuộc đời ảm cúng và chứa chan hi vọng. Và so sánh cảnh ngộ ngang trái của mình với sự sống tung bừng và oanh liệt của các anh hùng Thanh Hóa, nàng oán thán trong thâm tâm sự giàu có của số phận.

Chiêu Thành Vương đi sát cạnh nàng, buồn một vẻ nhẩn nhục. Nhìn tình nhân, nàng càng thêm cực. Nàng thầm cảm cái nghị lực siêu quần của vương.

Nàng biết chuyện vương vì quá nóng đã định tự vẫn, rồi sau vượt được lên đau đớn, cúi đầu trước sự cần thiết mà quốc gia đòi hỏi. Vương tìm sự an ủi trong cái hi vọng cứu nàng nay mai. Nàng thở dài:

— Liệu có thành công không? Ôi vương gia, biết lấy gì báo đáp vương gia.

Nàng trông suốt nỗi đau thâm trọng giấu trong cái thân thể cường tráng của bạn tình. Con ngựa nâu bon bon, tay chàng cầm cương như đùa bỡn, thanh bảo kiếm gia truyền mà chàng đã tuốt hai lần cho nàng xem, thỉnh thoảng đánh vào sườn ngựa, tự nhiên có một âm hưởng êm dịu khác thường. Người chàng nhảy trên mình ngựa. Nàng muốn trong một lúc yêu mãnh liệt, choàng ôm lấy người chiến sĩ, rì vào tai chàng muôn lời âu yếm, và hiến cả thân nàng, không một mảy may thẹn tiếc trong một cuộc ân ái say sưa. Nàng bỗng ân hận đã để qua một trông canh vô nghĩa và đã để lỡ phút duy nhất được hoàn toàn sống với người mình yêu. Nàng tự thấy còn bao nhiêu điều đáng nói... Bốn mắt gặp nhau, má nàng ửng hồng tưởng như người tình hiểu ý.

Tiếng dân gian chỉ trở thì thảo. Chấp nổi những lời lọt đến tai nàng, An Tư biết họ đang khen mình đẹp, tán phục đức hi sinh của nàng, ca tụng hoàng gia và phàn nàn cho cuộc tình duyên. Trông rõ nhiều người như rơm rớm nước mắt. Nàng tự cảm thương thân phận, hai hàng lệ rớt ròng ròng. Đồng thời tiếng sục sùi ở đâu nổi lên, lan từ người gần cho đến người xa, từ dân gian cho đến quân sĩ. Thật là cảm động khi những anh hùng xông pha mưa gió, gan sứt như đá, cái chết lúc nào cũng cảm chắc trong tay, cũng phải nhỏ lệ thương tâm. Nàng lại thôn thức, trước những cử chỉ bất thường và chân thực.

Tướng sĩ uy nghi, cơ nào đội ấy, rõ thực là tề chỉnh. Nàng nghĩ thầm:

— Cứ trông quân sĩ, ta đã thấy trước ngày chiến thắng. Sao mà đẹp và oai phong đến bậc ấy. Thực là một cảnh tráng quan.

Nàng cố nén bảo mọi người:

— Các ông ở lại nhé.

Có tiếng đáp:

— Vâng, xin công chúa ra đi. Công chúa lập công trước, chúng tôi xin nối gót sau, theo gương công chúa. Chúng tôi thề rửa sạch được cái nhục này. Cứu được công chúa mới không hổ tiếng con trai Đại Việt.

Có người quá thương tâm và hăng hái, hô lên như để tỏ hết cảm tình với công chúa:

— Thế nào cũng cứu được công chúa mới nghe. Sát Thát!

Tiếng hô ấy vừa dứt, thì tất cả quân đội đồng thanh hô lớn, ầm ầm như tiếng sắt tiếng gang. Những mắt lệ long lanh, những nét mặt gân guốc, như tươi tỉnh lên vì tiếng hô quen thuộc anh hùng mà họ thường biểu lộ trong những dịp vô cùng tuyệt vọng hay phấn khích. Lửa nhiệt thành như truyền trong máu mọi người, lòng phấn đấu sôi nổi như sóng bão, trong khoảnh khắc thương cảm đã nhường bước cho một tinh thần dũng mãnh tuyệt vời. An Tư không ngờ vô ý thức nàng đã là một trong những mối để kích thích tướng sĩ và đã làm tăng cái sức chiến đấu của những người mang trọng trách giữ vững âu vàng. Hồn nàng cũng hòa theo hồn chung của quân sĩ. Nàng tự thấy hi sinh của nàng không đáng kể đối với những hi sinh nặng nề của ba quân.

Ngựa nàng đã ra đến bến. Ở đấy nàng thấy đức Thượng hoàng, đức Thiệu Bảo, Chiêu Văn Vương, Hưng Đạo Vương, cũng nhiều quan văn võ đang chờ. Nàng thấy Thượng hoàng với nét mặt buồn rười rượi và con mắt bất nhẫn. Đột nhiên nàng thương người anh hữu ái mà nhiều lúc nàng vẫn oán hờn. Hưng Đạo Vương nhìn nàng thân mật. Nàng tấm tắc khen thầm cái hình dáng vững chãi và nét mặt cương quyết của vị chủ tướng ba quân. Đã lâu, bây giờ nàng mới gặp lại Quốc công, một người mà nàng vẫn kính phục. Nàng biết chính Hưng Đạo Vương là người đề nghị dâng nàng cho Thoát Hoan. Không có lời của vương, có lẽ anh nàng cũng không nghĩ đến việc ấy. Vậy mà trước mắt con người kỳ

dị và oai nghi kia, nàng cũng không có một ý nghĩ gi oán ghét. Chiêu Văn Vương thì chạy lại ngay đón nàng theo cái tính niềm nở của vương, nhất là đối với An Tư.

Xa xa là biển mênh mông, bấy giờ đang yên lặng, nhưng không biết sóng gió đến với bao giờ, có khi trong chốc lát. Ngoài bến, một chiếc thuyền rồng hoa lệ đậu bên hai chiếc thuyền chiến. An Tư chưa chắt nhìn trời biển, thuyền rồng. Đến đây là tuyệt vọng, là xa hết người thân và bắt đầu từ đây là biển thù và quân thù tàn ác. Lòng nàng bỗng chết đi trong giây phút.

An Tư xuống ngựa. Trời trên người lại bày ra một cảnh thiên nhiên rực rỡ. Không trung xanh ngắt điểm những bóng mây bạc, biển cả rập rờn những gợn sóng nâu biêng biếc, óng ánh những vẩy vàng. Xa tít chân trời, mây nước hợp nhau trong một đường biển tím. Ánh sáng vàng tươi tុ cả vào cái bên phân ly. Những màu sắc của cờ quạt phẩm phục, nổi trong bầu trời vui như hội. Gió mát thổi reo mừng, và sóng biển đánh vào bờ nhịp nhàng như một điệp khúc.

Người ta đã dắt con ngựa bạch của nàng xuống thuyền. Hoặc vì sợ, hay vì linh tính báo cho nó biết cuộc phiêu lưu của chủ, nó lồng lên không chịu xuống, bốn vó nhảy chồm chồm. Khi người ta cố ấn được nó xuống thuyền, nó vẫn hung hăng. Nghe tiếng hí bắt lực của con vật tinh khôn, không ai không khỏi ngậm ngùi.

Vua Thiệu Bảo là người rất dè dặt về việc An Tư, và phó mặc cho phụ hoàng và Chiêu Văn Vương lo liệu, đến đây không giữ được nổi thái độ khách quan. Ngài vốn giàu tình cảm, nhưng không biết nói sao. Ông vua quả cảm nhất nhà Trần, người đã dám khinh thường quân Mông Cổ và dám bác hết những điều yêu sách tham lam của rợ Bắc, tuy có tài có kết nhân tâm, khích lệ tướng sĩ, nhưng trong gia đình thì rất phục tùng Thượng hoàng, và hơi vụng về trong việc khu xử, nhất là đối với đàn bà. Trong giờ từ biệt, ngài tự thấy ngượng về sự im lặng quá đáng của mình. Ngài rảo bước theo Chiêu Văn Vương, để cho vương chào hỏi An Tư xong, ngài nói:

— Công chúa vì việc nước ra đi. Hoàng gia thương cảm, quân sĩ ái ngại. Chẳng qua là cái tội của cháu đây cả, cháu làm vua một nước mà phải đem dâng hiến một người thân cho giặc, thực cháu lấy làm nhục lắm.

An Tư bỗng hồi tâm can đảm, nàng tâu:

— Quan gia không nên quá ưu phiền vì việc ấy. Nước ta nay mang một thảm họa có một không hai. Từ vua chí dân, người nào cũng lo nghĩ, cốt sao huyết thù rửa hận, đuổi quân tàn ngược ra khỏi bờ cõi. Tôi đây nghĩ mình là phận nữ nhi, không giúp được non sông, trong muôn một vẫn lấy làm tự sĩ; nay được dịp trả nợ non sông, đâu có thiệt thòi cũng không oán thán. Chẳng qua là làm trọn phận sự của một người khi quốc gia có biến đó thôi. Tôi nhận lấy việc này, trăm đau nghìn nhục cũng không quản ngại.

— Công chúa nghĩ thế thực có hơn người, nhưng nghĩ nỗi kẻ đi người ở, sao đành lòng được!

Thượng hoàng cũng nói:

— Cốt nhục phân ly, anh những mong được thay cha mẹ, đứng chủ hôn cho em, ai ngờ...

Ngài như muốn khóc. An Tư cũng khóc. Đêm hôm qua, trong bóng đèn mờ, nàng không nhận rõ nét mặt Thượng hoàng. Ánh sáng mặt trời hôm nay để lộ những nét răn đau đớn và đôi mắt sưng vọt có lẽ vì khóc nhiều. Nàng nói:

— Xin Thượng hoàng bớt thương cảm cho. Tình anh thương em, em đã rõ, em đi đâu có thiệt thòi, nhưng cứu được mười vạn sinh linh, thì dù thất thân cùng giặc, em cũng đành lòng, không oán hận.

Nàng chào Thượng hoàng, vua Thiệu Bảo, Chiêu Văn Vương bước xuống bên, Hưng Đạo Vương bước lại. Nàng cúi đầu kính cẩn trước mặt người cầm vận mệnh của non sông Đại Việt lúc ấy:

— Tôi xin từ biệt đại vương.

Hưng Đạo nói:

— Tôi nghe kể chuyện về công chúa. Công chúa thực là bậc nữ trung hào kiệt, thực là đáng khen lắm. Công chúa đi phen này tức là lập công đầu vậy. Tướng sĩ cũng sắp theo ra, việc khôi phục có gian nan, nhưng tôi đã nắm chắc cái thắng trong tay. Công chúa đợi quan quân, hai tháng nữa tôi sẽ lại

cầm cờ nước trên kỳ đài mới nghe.

— Tôi xin một lòng chờ đợi và xin gửi lời đại vương chúc quan quân hai chữ chiến thắng, chóng tầu khúc khả hoàn.

— Xin vâng lời công chúa.

Nàng đã ra trước bến. Mọi người cũng tiến theo nàng. An Tư nói:

— Thôi, xin Thượng hoàng, quan gia, hoàng huynh và liệt vị về cho. Thế này đã là quá hậu.

Thượng hoàng nói:

— Anh sai gia trưởng của Quốc công là Yết Kiêu hộ vệ em vượt biển Bắc. Yết Kiêu là một thủy tướng thì việc đi biển không có điều chi quản ngại.

Ngài lên tiếng gọi:

— Yết Kiêu tướng quân đâu?

Một tráng sĩ râu thưa, vóc lớn, nhô ra trước mũi một thuyền:

— Xin rước công chúa lên thuyền.

Nàng vô cùng chán nản. Những lời nói can đảm của nàng lúc này chỉ là cái vỏ ngoài che đậy một nỗi bi thương rất lớn. An Tư trông trước trông sau: tỉnh Thanh Hóa quá phũ phàng đã đẩy nàng ra khi nàng tìm đến đây làm chốn yên thân sau những ngày sóng gió. Nàng bất giác thở dài ngao ngán và ngần ngại.

Đằng sau nàng, xa xôi là cả một đạo quân anh dũng, với vẻ mặt buồn tênh, đang nhìn cả về phía nàng. Nàng quay lại nhìn họ một hồi lâu, cúi đầu chào họ một lần cuối cùng.

Quan quân bàn tán:

— Thảm hơn Thái tử Đan tiễn Kinh Kha!

Chợt họ hồi tưởng đến câu thơ “Việt Vương” mà họ thường ngâm, những giờ huyết chiến. Liên tưởng nghĩ đến Tây Thi: Việc ngày nay sao mà phù hợp với việc ngày xưa đến thế, sự tình cờ đã phù hợp thì kết thúc cũng phải giống nhau. Trong lúc tiễn đưa công chúa, họ phảng phất như thấy ngày đạo quân của đại vương hùng hổ tiến vào cửa ngõ môn kinh thành. Thắng xong, cứu công chúa ra khỏi cái lầu mà nàng đang mơ màng giấc điệp, trong khi quân Thoát Hoan chạy như vỡ tổ khắp nơi không thành hàng ngũ.

An Tư chợt thấy Chiêu Thành Vương bên cạnh. Nàng đã đưa mắt tìm chàng nhưng từ lúc ra tới bến chàng không biết đã biến đi đâu. Nàng đang băn khoăn thì bắt gặp con mắt người yêu.

Nàng run run hỏi, giọng thân mật và se se:

— Vương đi đâu từ lúc nãy? Tôi thương vương lắm. Không biết rồi đôi ta có gặp nhau nữa không?

Wương cảm thấy biết bao nhiêu nỗi buồn trong lời người ngọc. Chàng nói:

— Công chúa đừng nói gở. Hè ra, ta sẽ gặp nhau. Công chúa đợi tôi ở Thăng Long, không được sai hẹn. Nhấn nhục mà chờ, con trai họ Trần đã can đảm thì con gái họ Trần cũng phải biết kiên tâm.

Mắt nàng vẫn một mây buồn. An Tư nói:

— Vương ở lại nhé. Thôi tôi đi.

Nàng khóc sụt sùi, rũ rượi, nước mắt nhiều như nước mắt Chức Nữ biệt Ngưu Lang.

Thượng hoàng và mọi người đều ngậm ngùi. Ngài chép miệng than:

— Khôn nạn, sớm hôm qua đến Thanh Hóa hăm hở được gặp anh, tưởng được cái gì, ai ngờ? Tội nghiệp cho em gái trầm, có ai hay nó lại vô duyên đến thế!

An Tư cúi đầu chào mọi người một lần nữa.

— Công chúa đi nhé!

Tiếng nói nhao nhao. Nàng bước xuống thuyền. Không còn hơi sức nữa, vừa vào đến cái lầu lịch sự của thuyền rồng, nàng đã tan ra trong nước mắt. Thị nữ xúm lại lay gọi nàng.

Thuyền đã ra khỏi, nàng nhòm qua cửa sổ về phía bên thành, vẫn thấy hình dáng những người thân đứng đấy trông theo. Trong số ấy, đứng biệt ra một móm đá ăn dài biển nhất là tráng sĩ thân yêu của nàng. Chiêu Thành Vương mà nàng không nhận rõ vẻ buồn, vì thuyền đã xa. Chàng im lặng, thanh kiếm

bên mình, và chiếc bào đỏ gió đánh bật sang một phía.

Nàng nhìn mãi, tưởng như rách mắt. Hình thân yêu dần dần chỉ còn là một dấu chấm con con rồi lẫn với hư không.

Nàng chấp tay vái vọng:

— Thôi lạy vương muôn lạy. Vương hẹn gặp ta, nhưng liệu có gặp nhau? Vương hỡi vương ơi!

Và nàng lịm đi trên đệm gấm, trong tay bấy thị nữ ngẩn ngơ.

Chương V

Đây đã đến nơi sa lộ và u nhã nhất trong các cung điện nhà Trần. An Tư bước qua bức cửa Thái Thanh, mở vào ao Ngoạn Thiên, trèo lên lầu Lâm Ba, rồi tiến vào cung Cảnh Linh là nơi Thoát Hoan đóng. Ở đây vườn hoa, cây cảnh, cầu nước, lầu đài, cùng hòa hợp để vẽ nên một cảnh không kém Bồng Lai, một nơi tuyệt mỹ đến nỗi cảnh trí ở đây trong tưởng tượng của dân gian đã thành một cõi hoang đường.

Cung Cảnh Linh là phần chính trong cảnh tráng lệ này lại là nơi đẹp nhất, sang trọng nhất. Kiến trúc ở ngoài đã nhẹ nhàng trang nhã, trong cung lại bày ra một cảnh huy hoàng. Cột vàng sần tía, sáng soi gương được, bước đi trên thảm gấm, tường có treo những bức thêu quý hay những bức họa tươi. Bình vàng bình ngọc, hay bình sứ đẹp để cắm những kỳ hoa dị thảo. Toàn thể rộng rãi, sáng sủa, kiểu cách, phẳng phát một vẻ gì đài các, trang nghiêm, mà vẫn vui vầy ấm cúng.

Trong cung khi ấy nên trắng đót có hàng trăm cây: trong ánh sáng tung bừng của nến, những vàng ngọc chảy lóng lánh rất vui. Hoa ngoài vườn và hoa trong cung tỏa một mùi thơm kín đáo.

A Thích dừng bước ngoài thềm và bảo An Tư:

— Công chúa một mình vào. Tôi đi đây.

Nói xong đi mất. An Tư còn đang ngơ ngác, thì cửa ngoài đã đóng lại sau lưng nàng, nàng bị giam trong cung đầy ánh sáng. Nàng đứng nguyên một chỗ. Ôi! Trước kia nàng vào đây không ai cấm đoán, sao bây giờ nàng bỗng thấy rợn trong người. Không có ai, duy chiếc đỉnh trầm vàng vẫn bốc khói lên ngun ngút giữa cung. Nàng biết có ai nhìn, nhưng không biết đứng ở đâu. Chợt có tiếng cười khanh khách và sau bình phong, một người bước ra, ăn mặc khinh phục rất lịch sự. Mũ hoa, bào đỏ, đai ngọc, trông lấp la lấp lánh những vàng bạc, chân cũng đi văn hài, mỗi bên thêu một con kỳ lân đóp viên ngọc sáng ở mũi hài. Nàng nhận rõ Trần Nam Vương Thoát Hoan, Thái Tử nhà Nguyên, kẻ thù số một của dân Việt, người tàn ác đã gieo bao nhiêu thảm họa, giết hại bao nhiêu sinh linh, mà ai ai cũng hình dung như một viên tướng hung tợn, mắt to, râu rậm, thân thể cao lớn, kỳ thực chỉ là một người tầm thước, đầu lớn, to ngang, trạc ba mươi tuổi, mũi tai đeo lưng lửng, theo tục Mông Cổ, một viên ngọc quý, một mí mắt hơi nhỏ, lông mày rậm, môi dày, dáng đi có vẻ nhanh nhẹn và mạnh mẽ. Hoan xì xồ, vẫy tay gọi nàng lại. An Tư vẫn không nhúc nhích, hai hàng lệ rỏ xuống ròng ròng. Hoan sấn một bước thì nàng lùi một bước, Hoan đi nhanh thì nàng lùi nhanh, đi chậm thì nàng lùi chậm, chợt vô ý thế nào, nàng chạm vào một cái đôn cao và cả một bình sứ lớn đỏ xuống vỡ tan ra từng mảnh.

Hoan cười như nắc nẻ, vừa đuổi nàng vừa ngón bằng đôi mắt dâm dục sắc đẹp mê hồn của An Tư, mà ánh sáng của mấy trăm ngọn nến cũng không bì kịp cái lộng lẫy vinh quang, Hoan nói:

— Giai nhân, đừng sợ, lại đây, ta sẽ cùng người kết duyên Tần Tần. Âu cũng là một điều lạ trong lịch sử Mông Cổ của ta vậy.

Người đang say, Thoát Hoan chạy đi loạng choạng, lắm lúc phải vịn vào tường hay vào cột. Hoan sốt ruột nói:

— Chả có lý nào ta thua cả.

Hoan thò tay vào bọc, lấy ra một cái dây dài bằng lụa đỏ. Hoan nhẹ nhàng, vừa lẳng lơ vừa khéo léo, ném chiếc dây lại phía An Tư, và nàng đã bị thông lọng, lúng túng không sao gỡ được, và Thoát Hoan đã kéo nàng.

An Tư cau mặt vẻ giận dữ càng thêm phần khả ái. Những bảo vật, vàng ngọc, lụa gấm trong cung như cùng ngừng thở đăm nhìn khách giai nhân giẫy giụa xanh nhợt trong tay người tráng sĩ. Hơi rượu hơi nồng bốc lên làm cho nàng lợm giọng, mặt hoa cổ tránh đôi môi dâm dục, tay áo xanh rũ xuống để lộ một cánh tay như ngà ngọc, và bàn tay xinh xắn cố hết sức đẩy Thoát Hoan ra, nhưng vô lực. Ngực nàng hỏn hển, đôi vú tròn đẹp bỗng nổi lên, hai đầu nhỏ lẩn trên lụa như một đôi nụ mới nhô và chiếc

cô trắng tinh ngả xuống, tóc đen nhánh đồ xô trên sàn tía, dài và nhiều, cuộn cuộn như sóng mây. Môi đỏ chót run lên vì tủi hờn và e thẹn.

Thoát Hoan như ngây như ngất. Chàng không ngờ An Tư lại đẹp nhường ấy, Khi đuổi nàng, chàng cũng cho nàng là một sắc đẹp, nhưng là một sắc đẹp tầm thường; nay nhìn ngắm kĩ. Hoan mới cảm thấy mình nắm trong tay một tuyệt phẩm của hóa công, hoàn toàn từ chân tơ kẽ tóc. Hoan nói:

— Mỹ nhân đừng sợ! Mỹ nhân đừng sợ!

An Tư không biết người Mông Cổ nói gì, nên càng giãy giụa; nàng lấy làm tức bực vì cái lối bắt tằm phủ của Thoát Hoan, thông lọng như một con súc vật, nàng muốn mắng Trấn Nam Vương vô lễ, nhưng ngôn ngữ bất đồng, nói cũng vô ích nên nàng chỉ lặng thinh chống cự, được phút nào hay phút ấy. Nhưng càng cự bao nhiêu, thì nàng lại càng nằm gọn trong tay Thoát Hoan, và chàng ghì chặt nàng trong một cơn mê dục tình mãnh liệt. Nàng thoáng qua thấy hình ảnh cha mẹ, hình ảnh những hoàng thân quốc thích, hình ảnh quân sĩ ở Thanh Hóa và rõ nhất là hình ảnh Chiêu Thành Vương, những bóng dáng thân yêu ấy nổi lên trong óc bị kích động của nàng, như hiện trong trí một người sắp từ giã cõi đời. Nàng lẩm bẩm:

— Chiêu Thành Vương! Lạy vương muôn lạy! Kiếp sau xin đầu thai làm khuyển mã để hầu vương, mong đáp lại tình thâm trọng. Lạy vương muôn lạy. Đây là lúc phụ tình vương.

Hai hàng lệ tuôn ra trên má nhưng kiêu diễm. Mắt nàng âm thầm, như thu hết nỗi buồn của trần thế, và cũng như nỗi buồn, nó vừa êm dịu, vừa sâu xa, vừa bát quái. Qua lệ mờ, nàng trông thấy mặt phet của Thoát Hoan, mắt híp lại, và làn môi đầy dục vọng. Hoan đã kéo nàng đến bên giường, lóng lánh những vàng ngọc, kê trên một thảm gấm rộng. Nàng bị đẩy mạnh xuống đệm êm. Trong lúc say sưa vì rượu, vì sắc đẹp, vì sức mạnh và uy quyền, Hoan xé toạc áo quần của nàng ra, để lộ mấp mòi một vầng quang xác thịt, cân đối và nõn nà, trắng hồng hồng và đường cong mềm mại. Đôi vú chắc và tròn, đầu đỏ chót như son. Nàng không ngờ có sự xỏa xuống đến bực ấy. Mắt nàng nhắm nghiền lại trong một cơn thẫn thờ, tay nàng sẽ cố kéo những mảnh áo quần để che đậy tiết trinh. Nhưng Thoát Hoan đã vứt hết những trang sức của nàng, chỉ còn để vòng xuyên trên cổ tay người thiếu nữ và không nói gì, thái độ lẳng lơ của một người kiêu hãnh, Hoan nằm xuống bên nàng, tay tàn phũ lướt đưa trên mình ngọc.

Chim xuân ríu rít ngoài vườn và chung quanh Cảnh Linh cung nến đã tắt gần hết, chỉ còn vài ngọn lò mờ mà ánh sáng không đủ tranh với ánh sáng bình minh. Thoát Hoan nằm ngủ say như chết, ngáy như sấm và An Tư nằm bên cạnh, đắp chăn hồng, để lộ chiếc thân lỏa lỏa. Người nàng mồi như dằm, sau một buổi bị giày vò, nàng không ngủ được và khóc suốt đêm.

*(***) Một đoạn lại bị mất trong bản thảo.(BS)*

Một buổi sáng cuối xuân, trời oi bức, Hoan sai A Thích đem quân sĩ và cung nữ ra thiết trường ở hồ Trúc Bạch, để cùng công chúa ra đẩy hóng gió, nghỉ mát. Thoát Hoan muốn nhân thể thi ngựa cùng An Tư, chàng đã biết nàng giỏi ngựa và vẫn định bụng độ xem hơn kém.

Khi Hoan và An Tư ra khỏi cung, quân sĩ đều reo hò, cho là một thịnh sự. Họ đã được An Tư; tuy là những chiến sĩ hung bạo, dã man, họ cũng bị quyến rũ vì sắc đẹp thẩm tươi, người nàng đã là sự hòa hợp tuyệt khéo của thanh tao và dục tình khêu gợi; người ta vừa mê vì sắc thần tiên, vừa ngây ngất vì cái hương thầm kín của đàn bà: sắc đẹp đã phối với trời đất, mà vẫn còn tất cả cái dư vị của xác thịt cõi trần... Cho nên mỗi khi An Tư ra, là nột lần quân sĩ hoan hô, người mỹ nữ đã thành một nguồn vui của quân đội.

Sắp đặt xong rồi, Hoan cùng An Tư cũng sắp ra đi, thì có tin khẩn cấp ở trong Nam ra. Hoan thất kinh bảo An Tư hãy đợi mình ở Cảnh Linh cung, rồi ra điện Tập Hiền hội họp các tướng lĩnh để bàn việc Nghệ An. Nguyên Toa Đô đánh Nghệ An mãi không đổ, lại thêm trong quân của Chiêu Minh Vương có Phạm Ngũ Lão là một hổ tướng, kỳ phùng địch thủ, nên không tiến được chút nào, quân sĩ hao tổn, vì thế sai người ra Bắc giục Thoát Hoan đánh Thanh Hóa, hay ít ra cũng cho một đại tướng vào giúp mới có thể thủ thắng được. Hoan nói:

— Nhị Lộ nguyên sủy đã phải biên thư khẩn cấp là một việc không vừa. Phạm Ngũ Lão là người thế

nào?

Có kẻ hàng tướng thưa:

— Phạm Ngũ Lão hiện nay là tướng khỏe nhất trong quân Hưng Đạo. Ngũ Lão chỉ là một tên bạch đình, nhà nghèo, phải đan sọt nuôi mẹ già. Nhưng có chí lớn, giỏi võ hay văn, lục thao tam lược đều thông hiểu. Trong làng có mấy người đồ cao, mọi người đều mừng, duy Ngũ Lão không đến, mẹ hỏi thì thưa: Chí con có phải thi đỗ ra làm quan, vinh thân phù gia đâu, chí con là cứu dân yên nước, lập công danh sự nghiệp, không hổ tiếng nam nhi, không phụ ân sinh thành, những dung tài như ông Thái Học sinh có cái gì là đáng mừng? Được ít lâu, có một hôm quân Hưng Đạo trải qua, Ngũ Lão ngang nhiên ngồi đan sọt bên vệ đường, quân liền hô thét đuổi cũng vẫn không nhúc nhích, quân tức giận lấy giáo đâm vào đùi, nát cả ra, mà cũng không biết, vì khi ấy Ngũ Lão đang trầm ngâm nghĩ về một thể trận. Hưng Đạo lấy làm lạ, cho đòi lại, hỏi han về kinh sử, binh pháp, võ nghệ, ứng đáp như nước chảy, vì thể nạp làm thủ hạ. Trong quân hàng mấy mươi tướng giỏi quây lại đấu cũng vẫn thua Ngũ Lão. Hưng Đạo rất yêu, nên tuy Ngũ Lão chức nhỏ mà được cử vào Nghệ An giúp Trần Quang Khải.

Hoan nói:

— Nó chỉ là một đứa tiểu nhân, không tên tuổi, mà làm cho Nhị Lộ nguyên súy quan tâm, thực là một nhục lớn cho thanh danh ta. Ai dám vào Nam cho ta việc này?

Ô Mã Nhi tiến lên nói:

— Phạm Ngũ Lão là một hổ tướng, không nên khinh địch, phải chọn một tướng khỏe đi mới được.

— Ta muốn nhân dịp này bình định cho xong đất Nghệ An, có phải đâu chỉ là để đánh Ngũ Lão. Việc này phi tướng quân, không ai cáng nổi.

Tuy nóng ruột vì An Tư, Thoát Hoan cũng không quên chức phận của một người chủ tướng. Hoan đi xem xét quân sĩ, hỏi han mọi người, lại phán xử mấy việc bất hòa ở trong quân, nên mãi đến trưa Hoan mới về cung Cảnh Linh. An Tư khi ấy đã tỉnh, nhưng nàng ngồi buồn rười rượi, tay mân mê một đóa hoa trong chậu cảnh. Khi Hoan bước vào, lại gặp lúc nàng lấy tay gạt lệ. Hoan đứng ngắm hồi lâu vẻ buồn hiện thân, nó có một vẻ đẹp thơ ngây cao quý.

Hoan cười khanh khách, bước lại gần giai nhân, hôn cái cổ trắng tinh và cầm lấy tay nàng:

— Công chúa có việc chi mà buồn đến phát khóc thế?

Thấy nàng không hiểu, Hoan lấy giấy bút viết đưa nàng xem. Nàng vốn ít học nhưng cũng võ vẽ chữ Hán, cũng cầm bút trả nhời:

— Khóc vì nỗi nhà tan nước mất.

Hoan an ủi nàng:

— Công chúa không lo, ta sẽ phong cho Chiêu Quốc Vương là An Nam Quốc Vương và lại trả lại nước Nam cho người Nam, chỉ bắt xưng thần tiến cống.

Nàng tạ ân. Rồi hai người bút đàm tiếp mãi, Hoan khen nàng cười ngựa giỏi và rủ nàng một hôm cùng phóng ngựa đi chơi. Nàng nhận lời, cảm ơn Thoát Hoan đã tha năm vạn sinh linh, lại xin Hoan cho nàng biết tin sáu người thị nữ. Cuối cùng nàng tỏ ý kính sợ Ô Mã Nhi, chưa thêm rằng cả nước Việt Nam sợ Ô Mã Nhi hơn chính Nam Vương. Hoan cười và viết:

— Công chúa không sợ, đã có ta bênh vực, thì không sợ gì Ô Mã Nhi cả.

An Tư đã bắt đầu quen với Thoát Hoan và tự chủ được mình; nàng thấy đủ sức quyền rũ và có một lòng tin vững chắc về oai quyền của sắc đẹp nàng.

Hôm sau, Hoan dậy trưa và mãi quá trưa mới ra xét việc. Dần dần, Hoan ở lý trong cung Cảnh Linh; hoặc cùng công chúa đi ngựa dạo quanh vườn Thượng uyển, hoặc yến tiệc ca vũ trong cung, hoặc đứng ngắm trăng trên cầu Lâm Ba, hoặc đi thăm các cung điện trong Long Phượng thành; nào cung Thái Thanh, cung Lệ Thiên, cung Thường Xuân, nào cung Thánh Từ tức Bắc cung, là nơi Thượng hoàng ở, nào điện Đại Minh, điện Bát Giác, điện Thiên An, điện Diên Hiên, chỗ vua tôi nhà Trần thường yến ẩm, nào Lam Đình, một góc nhã thú, còn để nguyên những giường kê liền, những chăn rộng gồi dài, nhắc nhớ những ngày vua Thánh Tông cho gọi tôn thất tới cùng ăn uống vui cười, không phân biệt lễ

vua tôi, rồi cùng ngủ chung ngủ chạ chuyện trò đến tàn canh không dứt...

Tháng ba đã dần dần trôi hết, ngày đã nóng và đêm đêm đã đổ những trận mưa rào: ôi những cơn mưa sùi sụt, giội trong lòng chiến sĩ nỗi buồn tha hương. Trong quân Mông Cổ đã thấy nảy mầm những cảnh chán chường uể oải. Duy Thoát Hoan thì không: chàng đã quên hết nỗi buồn lữ thứ bên giai nhân và những đêm trường, canh vắng, mưa trút âm âm bên ngoài, Hoan ru mình trên gối mộng, hoặc say sưa nhìn má đào của công chúa, hay cặp mắt to đen, ẩn một duyên thâm lợi lả. Nỗi lo về tình thế quân mình ngày mới chiếm được Thăng Long nay không còn nữa, và nhường bước cho một lòng tin chắc về chiến thắng. Hoan còn có cả ý tưởng là xin vua cha phong cho mình làm vua nước Việt để được cùng An Tư sống mãi ở Cảnh Linh cung.

*(***) Một một đoạn nữa trong bản thảo(BS)*

Ít hôm sau Ô Mã Nhi và các tướng xin vào yết kiến. Thoát Hoan vồn vã hỏi Ô Mã Nhi:

— Tướng quân liệu có thể giúp ta được không?

— Tiểu tướng vẫn có ý vào hợp sức với Toa nguyên súy. Thái tử ủy đi, tiểu tướng xin đi. Nhưng trước khi lên đường, xin Thái tử một điều.

— Điều chi?

— Nếu Thái tử nhất định lấy nước Nam, thì phải giết An Tư đi mới được. An Tư không có hại gì, nhưng sự say đắm nữ sắc là mối nguy vong, Thái tử là bậc thông minh, chắc cũng phải hiểu. Tiểu tướng từ nửa tháng nay can ngăn Thái Tử đã nhiều, xúc phạm đến cả thiên uy, tự biết mình có tội, chẳng qua chỉ là lo đến tiền đồ. Xin Thái tử nghĩ lại cho.

Các tướng như Phàn Tiếp cũng nói hùn vào, Thoát Hoan cũng có ý then, vỗ vai Ô Mã Nhi và nói:

— Tướng quân trung nghĩa, ta đã biết. Tướng quân cứ vào Nam, ta xin giết An Tư để yên lòng tướng quân và tướng sĩ.

Mã Nhi nói:

— Được vậy, thực là hồng phúc của quân nhà. Tiểu tướng lên đường cũng được yên tâm.

Hoan phân vân vào cung. Ngựa của Thoát Hoan và ngựa của An Tư đã sắp yên cương lộng lẫy và buộc bên góc liễu bờ hồ Ngoạn Thiềm. An Tư khăn đỏ, áo xanh, quần hồng, ủng đen, đã đợi ở đó, chung quanh là bày thị nữ, Hoan bước qua cửa Thái Thanh, ngầy người nhìn sắc đẹp toàn thịnh của người tình, rực rỡ như sao băng, quyến rũ như ma thuật. Chàng ngần ngại, không có lẽ đưa lưỡi gươm đâm cổ trắng tinh kia, hay phanh ngực mềm mại mà vẻ đẹp đã làm vinh quang cho trần giới và là gối êm dịu của chung tình. Đôi môi không hé nữa thì muôn hoa đua nở cũng bất lực để dâng vui, và cặp mắt to đen ảo huyền, linh động, sáng diệu như trăng thu, nếu nhắm đi thì trời như sụp tối và ánh sáng trên đời cũng thành vô vị.

Nàng cất tiếng trong trẻo, đài các, gọi Thoát Hoan, giọng Mông Cổ mới bập bẹ có một vẻ ngây thơ cảm động. Hoan ngẫm nghĩ một hồi lâu và nói:

— Lên hồ Trúc Bạch hãy hay – Không có lẽ nào lại giết nàng ở đây cả.

Và Hoan tươi cười qua cầu Lâm Ba bước vào. Chàng nói với An Tư:

— Nào ta đi nào.

Thị nữ cởi dây cương, dắt ngựa lại. An Tư nhảy lên một cách nhẹ nhàng, trăm phần kiều mị. Hoan cũng nhảy lên ngựa, bảo kiếm đập vào mình ngựa, Hoan trông đầy sát khí. An Tư nói:

— Thái tử đi chơi mà cũng đeo kiếm ư? Quanh đây còn sợ gì nữa.

Hoan gạt mình, có chút hồi hận. Và nói:

— Nam nhi bất ly đao kiếm.

Thấy nàng ngần ngại không hiểu, Hoan lại phải ra hiệu và giảng mãi, An Tư gật đầu, mỉm cười đầy duyên dáng. Hoan cười khanh khách và nói:

— Có mười hôm mới tập nói mà công chúa nói được, nghe hiểu, công chúa thực là thông minh, ta khen công chúa.

Hai con ngựa đã cầu Lâm Ba, Hoan đi sau, còn ngấm xuống mặt nước trông bóng yêu kiều hiện trên

sông nhỏ. Hoan thở dài bất nhẫn. Họ đã từ từ qua khỏi cửa Thái Thanh, đi bên hai hàng cây cối, vườn tược um tùm, qua các cung điện rồi tiến ra cửa Ngọ môn. Hoan thấy các tướng đứng đây, lại thấy rần tâm can. Trời đã thấy nóng, và hai con ngựa cuốc đất trước Ngọ môn, quân sĩ nhìn anh hùng và giai nhân không chớp mắt. Sau khi trò chuyện qua loa với các tướng, Hoan bảo An Tư:

— Thôi, ta đi.

Qua cửa Ngọ môn, Hoan thấy má nàng ửng hồng, trán rơm rớm mồ hôi, vài sợi tóc bết vào, có một vẻ tự nhiên đáng yêu. Hoan liếc nhìn tay ngọc cầm cương, sóng vú chao đưa nhẹ nhẹ, bỗng cười bảo tình nhân:

— Không ngờ công chúa khiến ngựa tài đến thế, trông nhẹ nhàng, như không khó nhọc gì cả. Những quân kỵ lành nghề cũng kém xa công chúa.

An Tư đáp:

— Thái tử quá khen. Tiếng thế mà cũng mệt lắm. Thiếp nhờ trời có sức, chứ người khác thì chịu sao nổi.

— Công chúa đã mệt chưa? Ta bắt đầu thi ai đến trước, công chúa có dám thi không?

— Thiếp xin tùy ý Thái tử.

Và Hoan cùng An Tư cùng cười. Hai roi cùng đánh, hai con ngựa cùng chồm lên, rồi cùng té như bay trên con đường bụi bốc và đầy ánh sáng xuân vàng. Liếc trông giai nhân chăm chú điều khiển ngựa, mắt môi nheo mắt, bành ngựa cuốn lên, tà áo phát phới, nhạc vàng kêu mau, Hoan say sưa trong vùng hào quang lộng lẫy ấy. Hai đầu ngựa dần dần cách nhau, đầu ngựa của Trần Nam Vương đã nhô lên trước một gang tay, hồ Trúc Bạch đã lộ đằng trước mặt, một chiếc thuyền rộng rập rờn trên sóng nhẹ và trên bờ là một vùng ngũ sắc những cờ quạt, tàn tán và trường gấm ngũ hoa. Hoan đánh ngựa một lần cuối cùng, đầu con ngựa bạch ngang với đuôi ngựa Trần Nam Vương, và khi đến trước hồ, thì ngựa của An Tư tụt lại sau đến một đòn gánh. Hoan cười, và kìm ngựa lại nói:

— Công chúa thua tôi rồi. Nhưng cái tài cưỡi ngựa của công chúa vẫn là hiếm có.

Nàng thở hổn hển, cái vẻ mỗi một cơn phờ lại có một dáng đẹp riêng. Nàng nói:

— Thiếp đành chịu, độ làm sao với một tướng bách thắng, đi ngựa từ thuở trẻ, suốt đời lúc nào cũng ngồi trên mình ngựa. Thái tử khiến ngựa thực khó có ai bằng.

Hoan hỏi:

— Nước Nam thì ai cưỡi ngựa giỏi nhất?

— Thiếp cũng không được tường. Nhưng hình như Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Nhưng vương đã...(Trong bản thảo viết tay của tác giả, ở đây có ghi bằng bút đỏ mấy chữ “An Tư gặp Trần Bình Trọng” Có lẽ là tác giả lưu ý mình khi định chỉnh sửa lại BS).

— Phải, vương quả là bậc anh hùng. Thực là sức khỏe Bá vương. Tiếc rằng vương không chịu hàng, ta bắt đắc dĩ phải chém, nhưng vẫn không nỡ. Những người như vương thực là hiếm ở đời. Ta tiếc lắm.

— Thái tử đối với Bảo Nghĩa Vương, tỏ lòng kính mến, lại cho chôn cất theo lễ tước vương, không ngờ Thái tử trẻ tuổi mà khoan hồng đến thế?

— Cứ gì trẻ mới không khoan hồng? Công chúa nhầm lắm.

Họ cùng cười và tiến vào trong trướng và nàng đã thay quần áo lúc ấy đã đầm mồ hôi. Tiếng trúc đập diu tâu lên, gió mát thổi ào ào. Hoan trông trước trông sau, bảo An Tư:

— Thực là cảnh hữu tình.

Và chàng sóng vai cùng An Tư đi dạo chơi bên bờ hồ, trong người khoan khoái lắm. Một lúc dọn tiệc trong trướng, Hoan cùng nàng đối ẩm. Hoan cố chúc rượu cho nàng say, lòng Hoan như một bão táp: thanh bảo kiếm chàng đã treo bên trướng, thỉnh thoảng chàng nhìn lên. Uy phong của thanh kiếm, vẻ kiêu diễm của giai nhân, hai thứ cùng quý, đối chọi nhau trong óc nóng nảy của Thái tử nhà Nguyên. Lòng Thoát Hoan càng bất nhẫn.

Tiệc xong thì đã quá trưa, Thoát Hoan càng thêm bối rối, phân vân không định. Có lúc thì định hạ thủ ngay nàng đi, có lúc lại tự nhủ không nên tàn phũ, hình ảnh các tướng sĩ chờ đợi đầu lâu người quốc

sắc, và bóng dáng kiều lệ của An Tư trộn lẫn trong óc chàng, mịt mù như đêm giông tố, không biết soi đường nào đi cả. Hoan vốn là người ưa sắc đẹp, và có lòng tôn thờ sắc đẹp, nên tâm tư lại càng dào dạt.

Gió mát bên ngoài đem lại chút bình tĩnh trong người chàng. Hơi men dần dần cũng đẹp và Thoát Hoan không nóng nảy nữa. Tín nhiệm của phụ hoàng, sự mong đợi của triều đình, uy phong của quân đội, và thanh danh của Trấn Nam Vương, tất cả những ý tưởng ấy bỗng nhiên thắng thế và Hoan xăm xăm đi lại trưởng gấm, nghiêng rặng trong một quyết định phi thường.

Chàng vén màn bước vào trong trướng: bốn bề tịch mịch, trên đệm hồng An Tư nằm thiêm thiếp giấc nồng, trắng một cách dị thường giữa những sắc đỏ ối và lộng lẫy chung quanh. Má hồng nàng ửng đào, tóc trôi như mây biếc trên gối thêu, bàn tay kiều diễm để lả lơi trên đệm, và bàn chân xinh xắn chùng lên nhau, gót tròn đỏ thắm như cánh sen. Hoan nhìn đã lâu, ba lần định với chiếc kiếm treo trên tường, rồi lại thôi. Chàng cho là một tội lớn khi không đâu phạm đến một sắc đẹp mà muôn đời hóa công mới lại đúc một lần.

Hoan thở dài, lại càng không nỡ. Chàng dăm dăm nhìn công chúa:

— Đẹp quá thể! Sao nàng lại đẹp đến nhường kia?

Công chúa trở mình, dáng mỗi mệ, ngây thơ, vô tội. Vô ý thức, Hoan bỗng cầm lấy tay nàng, lóng lánh một chiếc nhẫn ngọc, cổ tay rực rỡ mấy chiếc xuyên vàng, chạm trổ rất tinh vi. Và cầm tay êm mát như nhung, chàng mơ màng, để cho tư tưởng phiêu nhiên du ngoạn trên gió ái tình. Chàng nói một mình:

— Ô Mã Nhi tướng quân phải là một người vô tình quá lắm. Tướng quân có ở địa vị ta mới thấy việc hạ thủ giai nhân là khó. Ta có thể xông pha muôn trận, chém tướng đoạt cờ, chịu đựng muôn lao khổ và hiểm nguy, nhưng bắt ta làm việc con con này, thực là quá sức ta. Ta thực không nỡ.

Cũng vừa lúc ấy, thì An Tư bừng mở mắt nhìn chàng, dịu dàng, to đẹp. Hoan cười một cách khó chịu, rồi cầm hai tay ngà ngọc kéo nàng lên, gục đầu bên ngực giai nhân và lắng yên nghe con tim đập nhẹ, và say mê trong hương thơm kỳ dị, loại hương rất tự nhiên của nàng công chúa má hồng. Chàng để mặc cho chiếc thân anh dũng nghỉ ngơi trên cánh tay êm ái của người yêu, lòng dục nổi lên như tiếng ca vang của chiến trận, trong mạch máu tràn trề nhựa mạnh của thanh niên.

Trong phút giây thiêng liêng, khi nhạc ái tình tấu lên khúc nghệ thường của dục vọng, một người bỗng sấn sổ bước vào, quân sĩ ngăn cản không nổi. Người ấy vén màn, nghiêng rặng tức giận, đôi mắt tròn xoe, lạnh lùng nhìn giận dữ, và bàn tay to lớn như bóp nát đốc gươm. Một lúc lâu người ấy bước ra, mặt hầm hầm, mắt sáng ngời như ánh chớp. A Thích chạy lại hỏi:

— Ô tướng quân không nên kinh động Thái tử.

Mã Nhi nói:

— Ta sắp vào Nam, phải giết con tiện tỳ mới được.

Thoát Hoan đã ngủ yên trong trướng, An Tư vén màn bước ra. Ô Mã Nhi đã bước xa, trông thấy vậy khắp khởi mừng thầm bèn tốt gươm nhảy lại. An Tư thét lên một tiếng, luống cuống không dám vén màn, chạy chung quanh trướng. Ô Mã Nhi sấn lại. A Thích thất kinh, cũng tốt gươm chống đỡ cho An Tư. Mã Nhi thét A Thích:

— Mày bước ngay, tặc tử không biết dơ. Mày không biết cái họa ở sau lưng mày sao?

A Thích vừa chông vừa đỡ, miệng bảo công chúa:

— Công chúa chạy đi, mau lên. Thái tử, xin người tỉnh dậy cho.

Mã Nhi nghiêng rặng kèn kẹt, chém A Thích lia lịa, A Thích chỉ giơ gươm chống đỡ, thở hỏn hển, nhưng vẫn nhất định che chở cho An Tư. Tiếng binh khí, tiếng thét lác om xòm làm cho Thoát Hoan choàng tỉnh dậy. Hoan với lấy bảo kiếm xông ra, lạnh lùng và nghiêm nghị. Ô Mã Nhi nói:

— Tiểu tướng đến đây giúp Thái tử lấy đầu An Tư. Xin Thái tử lượng xét.

A Thích bỏ chạy và Ô Mã Nhi sấn đến gần An Tư, như một con hổ dữ sắp vồ con dê nhỏ. Thoát Hoan thét lên một tiếng kinh hãi, chỉ một bước đã đứng giữa Mã Nhi và An Tư, giơ kiếm đỡ lưỡi kiếm

sắp giáng xuống nàng. Kiếm của Thoát Hoan bắn ra xa. Hoan giờ ngực bảo Mã Nhi:

— Người có giỏi thì giết ta đi.

Mã Nhi dừng lại, tra gươm vào vỏ, lạy chủ tướng và nói:

— Xin điện hạ lấy toàn quân làm trọng...

— Người khác thì đã mất đầu rồi. Ngay bây giờ, người về chiêu năm trăm nghìn quân, đem binh thuyền vào Nghệ. Sai nhờ, ta sẽ chiếu quân pháp trị tội không dong thứ nữa.

Mã Nhi thất vọng, cúi chào Thoát Hoan bước ra, rầu rầu lên ngựa. Hoan quay lại, thấy An Tư nằm thiếp trên bãi cỏ bên bày thị nữ. Chàng bước lại bên tình nhân, mắt còn nhìn theo Ô Mã Nhi, A Thích dâng gươm cũng không biết.

Chương VI

Khi xuân đã hết, và mùa hè đã trở lại với ngày nắng chang chang, với đêm sáng đầy sao. Mùa hè năm ấy, mà cả dân tộc Việt Nam đều đợi chờ, đã đến hơi chậm chạp nhưng chứa chan hi vọng. Họ mong mỏi đã quá lâu, mùa của khôi phục. Và khi chim vẹt cất tiếng đầu tiên, trong trẻo cả nước, từ vua cho đến dân, đều thở khoan khoái.

Nhời đoán của nhà tiên tri Phùng Tá Chu, quẻ bói của Trần Thời Kiến, đều nói mùa hè mới có lợi cho quan quân; chính Quốc công cũng chỉ mong đợi mùa hè. Tướng sĩ đã nghĩ đến những ngày nhộn nhịp lên đường, với cái chết thơm tho kèm bên, phảng phất mối sầu vĩnh biệt. Và cỏ cây, và ánh sáng, và tiếng ve, và nhờ gió, như vẫy chào, như đón gọi những tráng sĩ đang ồn ào sửa soạn.

Hôm nay, mồng một tháng tư, Quốc công lập đàn cho tướng sĩ ăn thề. Đàn đã dựng lên cao cả giữa một rừng kỳ xí và gươm đao. Thanh Hóa đã thành một ngày hội với những màu rực rỡ. Quốc công sau khi tế cáo Trời Đất, đứng ra trước đàn. Quan Trung thư tuyên thệ:

— Ôn vua nợ nước, giặc dữ thù chung, ai ăn ở hai lòng, xin trời tru đất diệt.

Quốc công uống một hớp rượu máu rồi lui xuống. Vua Thiệu Bảo cũng lên đàn thề, rồi đến trăm quan, rồi đến tướng sĩ.

Khi mọi người đã tuyên thệ xong, trong một bầu không khí trang nghiêm lặng lẽ, đây đến lễ xin âm dương mà quan chấp chính đã loan báo cho mọi người biết trước: Quốc công sẽ gieo trước đài hai đồng tiền đúng một trăm lần, nếu quả trời còn tựa người Nam, thì lần nào cũng một đồng sấp một đồng ngửa, hòng một lần cũng là hòng cả.

Bấy giờ Quốc công đã đứng trước đàn, uy nghi trong bộ phẩm phục. Quan Tham tán Trương Hán Siêu đã đến thấp hương đốt nến. Trầm bốc lên nghi ngút. Chiêng trống một hồi cử lễ. Quốc công quỳ xuống. Trương đã tới trước đàn, tiếp lấy giá văn tế, cất giọng sang sảng đọc lên. Văn tế do Trương làm bằng chữ nôm, nhờ nhẽ thống thiết và rõ ràng. Trong phút thiêng liêng mọi người đều hồi hộp, lo sợ như những thí sinh. Một trăm lần gieo mà được cả thì có là dị kỳ. Họ chỉ còn biết cầu Trời, Đất, Quỷ, Thần trông đến nước Nam đau khổ.

Mất họ đồ dòn cả lên đàn, Quốc công đã lấy chiếc bát sứ đặt trên một cái khay gỗ, dâng lên ngang mày, kính cẩn cúi đầu, tay cầm hai đồng tiền gieo xuống. Trống ngực ba quân đánh mạnh, họ thì thào:

— Lạy Trời! Lạy Đất!

Nhưng quan chấp chánh đã bước xuống đàn, nét mặt vui vẻ, đưa các đại biểu của ba quân xem: mất mọi người đều hoa cả lên; quẻ đầu đã được. Quân sĩ đứng vây vòng trong vòng ngoài đều nghẹn cổ chờ kết quả. Thấy nét vui của đoàn đại biểu, họ hoan hô reo mừng. Quan chấp chính lại bước lên đàn, và bốn tráng sĩ đứng bốn góc bắc loa truyền ra:

— Tôi xin trình: quẻ đầu được.

Mọi người đều hớn hởi, nói chuyện rào rào:

— Còn chín mươi chín quẻ nữa!

Quan Chấp chính cứ bước lên bước xuống, và bốn chiếc loa cứ lần lượt báo cho bốn phía tin mừng. Trong suốt quan quân, chạy một luồng sóng vui mênh mang.

— Còn một lần nữa, lạy Trời, lạy Trời!

Mất mấy vạn người long lanh, vừa vì vui mừng, vừa vì lo sợ. Chỉ một lần sau cùng hòng cũng đủ xóa bỏ hết chín mươi chín lần trước. Họ run run, nghẹn thở. Quan Trung thư dâng bát cho Quốc công cũng lộ rõ ràng vẻ cảm động. Duyệt Quốc công vẫn quỳ, lặng yên như núi, nét mặt chăm chú và chân thành. Lần sau cùng sao mà lâu thế? Quan quân không còn đề sót một cử chỉ nào của những người đứng trên đàn. Tiếng gieo đã dứt, và quan chấp chính lần này bước xuống sao mà lặng lẽ! Người ta thấy nét mặt ngẩn ngơ của quan chấp chính, đều nói:

— Chết rồi! Chết rồi!

Trống ngực đánh mạnh như trống đê. Lo sợ tới cực điểm. Đang lúc hồi hộp, chợt thấy đoàn đại biểu nhảy lên sung sướng. Như say sưa, như điên cuồng, họ nắm tay nhau, họ ôm lấy nhau, họ đánh vật nhau. Bốn chiếc loa báo có phân to hơn những kỳ trước và long trọng biết bao:

— Tôi xin trình: quẻ một trăm cũng được.

Mắt mấy vạn người đều trào lệ vui mừng. Sóng nhiệt liệt dâng lên không sức gì ngăn nổi, cử chỉ trở lên cuồng loạn. Tay khua, chân múa, tiếng cười, tiếng hát, họ đan tay nhau thân mật, say mê trong một cuộc ca vũ tung bừng.

— Trời tựa nước Nam, chứ có lẽ nào gieo một trăm quẻ mà đều được tằm tấp như một. Vạn tuế! Vạn tuế! Quan gia vạn tuế!

Đồng thời, tiếng “Sát Thát” cũng nổi lên, điệp khúc mạnh mẽ trong bản ca ồn ào náo nhiệt. Cái vui của quan quân thực là hoàn toàn. Khi Quốc công ở trên đàn bước xuống, mặt oai nghiêm nhưng hiền hậu, giữa quan Tham tán và quan Trung thư, trong khi tinh kỳ bay vẫy như chào mừng, mấy mươi vạn mắt thân yêu đều hướng cả vào Quốc công, phục tùng và quyến luyến. Trên trán bình tĩnh của Quốc công đã ửng ánh bình minh của chiến thắng, và tiếng trống vang lừng báo lễ tết, như đã vang vọng trước tiếng khai hoàn.

Một tiệc khao đã dọn, vĩ đại nhưng sơ sài. Vậy mà quan quân thấy tràn ngập một nguồn vui vô tận, người nào người ấy nhẹ nhàng như thêm cánh bay tới cung mây. Mãi đến canh khuya họ mới đi ngủ, óc lảng vảng bình minh của kinh thành cổ kính, tai mơ hồ nghe những tiếng chan chát của binh đao. Họ mong Tiết chế ra ngay lệnh xuất chinh, để họ được vui lòng hiến thân cho nước.

Sáng hôm sau, tỉnh Thanh Hóa lại tung bừng hơn hôm trước. Hôm ấy là ngày đầu tiên, kể từ ngày vua tôi vào Thanh, tới nay đã được ngót hai tháng trời, có cuộc diễm binh của khắp các bộ đội. Vì thế nên tướng sĩ ai nấy đều hết sức ganh đua nhau để được vừa mắt Quốc công.

Trong một thung rộng sương mai còn ẩm ướt, đỉnh núi còn mù mịt mây mờ, cơ nào đội ấy đã chỉnh tề, đứng xếp hàng theo thứ tự mà quan Chấp chính đã định trước. Những chiến sĩ đứng trong hàng im lìm như phỗng, mang binh khí sáng trưng, các tướng ngồi trên mình ngựa, đứng đầu hàng quân đội của mình.

Một hồi trống đánh vang trong thung lũng. Thượng hoàng, vua Thái Bảo và Quốc công tể ngựa đi ra, theo sau là Tả Thiên Vương Đức Việp, Chiêu Văn Vương Nhật Duật, đại tướng Lê Phụ Trần, cùng nhiều các quan văn võ khác. Các vị tiến ra đứng trước ngọn cờ đại. Ánh sáng của bình minh càng làm cho gươm giáo sáng lòa, giáp trụ tề chỉnh, và tinh kỳ thêm sắc sỡ.

Hung Đạo Vương có đôi phần gầy gò hơn xưa, và già hẳn đi. Vậy mà không bao giờ quân sĩ thấy chủ tướng đẹp như hôm ấy, họ đổ nhìn người có gan sắt đá, lạnh lùng trước những nguy biến gớm ghê.

Rực rỡ nhất là quân tứ thiên, tứ thánh, tứ thần, đoàn chính thức của Triều đình, quân Quân thánh dực do đại tướng Nguyễn Thức trông nom. Kém uy phong, nhưng nhanh nhẹn hơn là nghĩa binh của các vương hầu: người ta chú ý đến bộ thức của Chiêu Văn Vương, gồm người tứ xứ, cả người Mán, người Lào, người Chăm, người Trung quốc, một đạo binh kỳ quặc và nhiều màu sắc. Lánh hẳn ra một nơi là đoàn Tinh Cương của Chiêu Thành Vương, đoàn sáu trăm vô địch của Hoài Văn Hầu, hai đạo quân trẻ nhất và táo bạo nhất. Những bộ ngũ còn sót lại của những tướng đã qua đời như Hưng Đức Hầu, Nhân Đức Hầu, Bảo Nghĩa Vương, đều mang khăn trắng và hợp thành một đạo quân riêng. Đối với những đạo quân kia, họ trông ử rữ, âm thầm, thỉnh thoảng họ lại nhìn lên lá cờ trắng mà họ đã nêu bốn chữ: “Sát Thát – Phục thù”.

Theo hiệu cờ lệnh trong tay Quốc công, cơ nào đội ấy theo thứ tự diễu đi, rồi theo hiệu cờ, lại trở về chỗ cũ muôn vạn người như một; lúc động nhẹ như gió, khi tĩnh im lìm như một tòa thành. Từ sáng tới trưa, đoàn anh dũng tỏ rõ trước mặt Quốc công một kỷ luật gang thép, một sự am tường chiến pháp đến triệt để. Chiều đến trong quân lại tổ chức những cuộc đấu võ, đánh vật, múa binh khí, thi chạy nhảy, so bắn tên.

Xem những cuộc biểu diễn, ngắm bắt thịt nỏ nang của những lực sĩ, vua Thiệu Bảo rất lấy làm khâm phục Hưng Đạo Vương và nói:

— Luyện tập mà được đến thế, thực là công phu vô cùng. Trẫm xem khí thế quân sĩ, lấy làm vững tâm, không lo ngại như trước nữa.

Hưng Đạo tâu:

— Quan gia ban khen, lão phu rất lấy làm cảm kích. Nhưng thật sự ra, quân ta có cái khí thế như ngày nay, trên là nhờ uy vũ của quan gia, dưới là do lòng phần nộ của tướng sĩ. Sĩ khí không có thì lão phu tốn công cũng bằng vô ích. Lão phu xét mình, thực không có công đức gì. Dân tâm dâng lên như sóng, mình chẳng qua chỉ là một kẻ ngồi trên thuyền thuận lái mà thôi...

Đương lúc trong suốt cõi Thanh Hóa, chỗ nào người ta cũng chỉ nói đến sự khôi phục nay mai, thì chợt có thư của Chiêu Minh Vương báo tin Toa Đô không đánh nổi Nghệ An đã kéo binh thuyền ra Bắc để hợp sức với Thoát Hoan. Vua hỏi:

— Nay Quốc công định sao?

— Lão phu dự liệu tất cả việc này. Toa Đô vượt biển trèo non, qua vùng Hoan, Ái, đường sá gập ghềnh, quân sĩ tất cả mệt mỏi lắm rồi. Nay phải kéo quân ra, thì thế lực đã cùng, Cứ như ý lão phu, ta nên sai một tướng dẫn binh thuyền ra chặn đường Toa Đô, dĩ dật đãi lao, thế nào cũng được.

— Quốc công bàn rất phải, nhưng liệu ai có thể đi được?

— Cơ hội khôi phục được hay không, là ở trận này cả. Cứ như ngu ý, chỉ có Chiêu Văn Vương cũng đánh được.

— Chính trẫm cũng có ý ấy.

Bấy giờ tin Trần Quang Khải đánh lui được Toa Đô đang làm chấn động các vương hầu tướng tá. Tuy chưa phải là một trận thắng, nhưng trong suốt ba tháng trời, đem một số quân hơn một vạn, cùng một ông lão già với một người tướng bạch đỉnh trẻ tuổi, mà giữ vững được vùng Nghệ An trước làn sóng mãnh liệt của mười vạn quân Toa Đô, hợp với mười vạn quân Chiêm Thành, để cho Thanh Hóa được ung dung sửa soạn một cuộc phục thù, Chiêu Minh Công quả đã lập được một kỳ công.

Các tráng sĩ sôi nổi vì cuộc thắng lợi ấy. Họ ca tụng Chiêu Minh Vương, Bạch Liễu, Phạm Ngũ Lão. Chiêu Thành Vương và Hoài Văn Hầu thì lại càng nóng nảy.

Quốc công cho triệu hết các vương hầu tướng sĩ lại bàn kế tiến binh, và nói:

— Nay tình thế đã khá hơn trước, quân giặc đã có bề uể oải. Và ở kinh thành và suốt cả vùng Bắc, vì dân ta đã phá hủy hết cả hoa lợi, sự tiếp tế lại khó khăn, quân giặc đang lâm vào cảnh thiếu lương. Lại gặp tiết trời nóng nực, nhiều người chán nản, bệnh dịch đã bắt đầu phát sinh; đây là những triệu chứng suy nhược của quân giặc. Cái cơ hưng phục của ta nay đã đến rồi.

Toa Đô không đánh đổ Nghệ An, phải kéo quân ra Bắc. Trong ba tháng đánh nhau không lúc nào nghỉ, đạo quân của Toa Đô dầu là da đồng xương sắt cũng đã kiệt lực. Toa Đô dù là dũng mãnh, cũng không đáng sợ nữa. Ta chỉ cần một tướng đem quân ra chặn đường Toa Đô, ngăn không cho nó hợp với Thoát Hoan. Đánh được Toa Đô, tức là thế cờ bên giặc tan vỡ. Vương hầu có ai dám lĩnh trọng trách này không?

Các vương hầu nhìn nhau, không phải vì sợ, nhưng vì đã lượng hết tính cách trọng đại của công việc. Chỉ nhằm một chút, có thể làm tan hết bao nhiêu công lao sửa soạn.

Một người bên sau vua Thiệu Bảo bỗng bước ra:

— Quốc công có lòng tin, tôi xin cáng đáng việc này.

Nhờ nói rắn rỏi, các tướng nhìn ra thì là Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, người anh hùng đã vỗ yên giặc dữ ở Đà Giang, mà không thiệt một mũi tên, một cái giáo. Nét mặt hòa nhã vui vẻ của vương hình tượng cả một lòng khinh rẻ khó khăn. Hưng Đạo Vương tươi cười nói:

— Chính bản chức đã nghĩ đến vương; chính Thượng hoàng và quan gia cũng muốn nhờ vương. Có vương đảm nhận cho, còn gì hơn nữa? Toa Đô là dũng tướng, lại có Ô Mã Nhi giúp sức, phải có một tướng khỏe để đối địch với chúng mới được. Vương đã nghĩ đến ai chưa?

— Khi nhà Tống mất, có người tướng là Triệu Trung không chịu thân phục quân Mông Cổ, đem gia quyến và ba trăm bộ hạ sang lánh mình bên nước ta. Triệu Trung là một dũng tướng, có tài vạn nhân địch, nay ta dùng làm tướng đánh Toa Đô chắc được. Hiện Trung là môn khách của tôi.

— Xin vương cho đòi ra đây xem.

Một lúc Triệu Trung quỳ lạy dưới thềm. Quả nhiên người cao lớn, dữ dội át hẳn vẻ mảnh dẻ của quân nhà. Hưng Đạo Vương cho thử sức khỏe. Trong sân có một cột đá nhón và dài, Triệu Trung cúi xuống giơ lên, đi đi lại lại mười vòng quanh sân sắc mặt không biến. Cho thử mười tám ban võ nghệ, Triệu đều tinh thông. Các tướng bảo nhau:

— Thực là lực sĩ, anh em ta không kịp. Chắc thừa sức địch Toa Đô.

Hưng Đạo truyền cho Triệu Trung lại gần, ủy lạo một hồi và nói:

— Nay tề quốc chiến tranh với rợ Thát, muốn nhờ tướng quân giúp sức cho, tướng quân nghĩ sao?

— Bẩm Quốc công, suốt từ mùa đông đến nay, rợ Thát tàn phá quý quốc, chúng tôi vẫn lấy làm công phần. Quốc công là bậc anh hùng, chúng tôi vẫn mộ đại danh và vẫn mong được theo hầu gót ngựa. Nhà Tống chẳng may không có một người như Quốc công, ví bằng có, thực không có lý nào mất được. Chúng tôi được Quốc công dùng đến, thực là may mắn. Huống chi nhà Tống chúng tôi mất, hoàng đế và triều đình đều bị giặc Thát tàn hại. Chúng có phải đâu chỉ là quân thù của nước Nam, chúng là quân thù của con dân nhà Tống, chúng là thù chung của hai nước. Chúng tôi được giết chúng để rửa thù thì còn gì sung sướng bằng? Riêng chúng tôi trong mười năm trời xa tổ quốc, được nhờ vương gia đây dung nạp, gây dựng cho cả gia đình, trông nom suốt đến bộ khúc khiến cho chúng tôi nhà tan mà vẫn được yên, nước mất mà không đến nỗi nhục nhã lòng trượng nghĩa khinh tài của vương gia, thực là hiếm có. Ân tái tạo chúng tôi thực ghi trong phế phủ.

“Mà có phải một mình chúng tôi được dung thân ở đất nước này đâu. Đồng bào chúng tôi, kể từ mùa đông năm Giáp Tý, bị rợ Thát ức hiếp, phải đem của cải xuống thuyền, vượt bể sang đây, được hoàng đế cho ở đất Hời. Đến năm Kỷ mao quân Thát bức vua chúng tôi ở Nhai Sơn, quan thừa tướng Lục Tu Phu công vua chúng tôi nhảy xuống bể; cung tần quan quân tuần tiết kể hàng mười mấy vạn người. Thân nổi lên trên bể Đông, được Quốc vương cho vớt lên đem mai táng. Kẻ sống đã được vớt về, kẻ chết cũng được mát mặt, đều là nhờ lòng nhân ái của Quốc vương và tình lân tuất của quý quốc.

“Nay vừa là lúc chúng tôi rửa thù, vừa là dịp chúng tôi đáp lại ơn nước Nam. Chúng tôi xin coi việc quý quốc như việc nhà, nguyện đem hết tâm can sức lực ra đánh trận này. Dù chúng tôi có chết, chúng tôi cũng vui lòng. Thấy quân sĩ nước Nam mà chúng tôi thẹn. Nếu quân Tống cũng đồng tâm như thế thì đâu đến nỗi! Dầu sao, chúng tôi cũng học thói Trương Lương, mang thù Dự Nhượng. Được chém đầu giặc dữ để tạ tội với triều xưa, tôi cũng không đến nỗi ô nhục mỗi hận xuống tuyên đài, và có gặp Văn trạng nguyên và Lục thừa tướng, chúng tôi cũng không bề mặt.

“Vậy xin Quốc công cho phép chúng tôi được theo vương gia, chúng tôi ra Bắc, Tử đệ của chúng tôi có ba trăm người, đều quyết một lòng đem chiếc thân lưu lạc ra trả nợ núi sông. Chúng tôi chỉ xin Quốc công có một điều, cúi xin Quốc công chuân y cho”.

— Xin tướng quân cho biết tôn ý.

— Chúng tôi từng chinh, nghĩa vì quý quốc, tình vì non sông. Chỉ xin Quốc công cho chúng tôi được mặc quốc phục, gọi là còn thấy uy xưa, cũng như chúng tôi đánh theo hiệu cờ nước. Quốc công là một bậc anh hùng, thương nước thế nào, chắc đã hiểu tâm sự của chúng tôi và thấu tình cảnh của dân di thần vong mệnh.

Triệu Trung nói dứt lời, cảm xúc quá mạnh, không nói được nữa. Mọi người đứng đấy, đã bùi ngùi vì lời nói của Triệu, lại ái ngại cho cảnh huống của người tráng sĩ giang hồ. Hưng Đạo nói:

— Lòng trung dũng của tướng quân chúng tôi rất lấy làm cảm phục. Chúng ta cùng chung một cảnh. Chúng tôi đánh cho nước, tướng quân cũng đánh cho nước, có lẽ nào tướng quân xin có một việc nhỏ như thế, tôi lại không ưng sao? Điều tướng quân thỉnh cầu, thực là tình chí thiết, tấm lòng quân ái quốc đáng làm gương sáng cho anh em chúng tôi. Vậy xin tướng quân cứ tự tiện cho. Chúng tôi cũng định

bụng như thể mong tướng quân hiểu cho.

Triệu Trung cúi rạp xuống thêm tạ ơn và nói:

— Quốc công thực là bậc chính nhân quân tử. Chúng tôi tâm niệm mong Quốc công chóng diu dắt non sông ra khỏi vùng đầm đuối, chúng tôi được nghe tiếng trống khải hoàn, thực cũng thơm lây.

Hung Đạo Vương truyền dọn rượu khoản đãi Triệu Trung, Triệu nói:

— Xin Quốc công miễn cho, chưa làm việc gì, chúng tôi đâu dám nhận? Khi lập công xong sẽ không dám chối từ. Xin Quốc công cho chúng tôi về thu xếp lên đường, cũng còn phải dặn dò tử đệ. Trung này còn lại còn phải tạ từ Quốc mẫu chúng tôi để khỏi nhớ việc khởi hành.

Hung Đạo ngạc nhiên hỏi:

— Quốc mẫu ở đâu, sao chúng tôi không được biết?

Triệu Trung ngập ngừng một lúc thưa:

— Bẩm Quốc công, đây là một chuyện riêng. Vả Quốc mẫu chúng tôi đã về rồi... Trước khi khởi hành, chúng tôi muốn ra đền Quốc mẫu ở đây, cầu người phù hộ chúng tôi thành công. Bình sinh người là bậc thông tuệ, chết (***) . Thành đáng anh linh. Người sẽ chứng giám cho anh em chúng tôi.

*(***) Đoạn mất trong bản thảo*

Nói xong, Triệu Trung lập tạ Hung Đạo Vương, về trại riêng, ăn mặc chỉnh tề rồi cùng ba trăm tử đệ tiến ra bờ bể.

Trông ra bể, trên một mỏm núi cao, ít người qua lại có một ngôi chùa hẻo lánh. Họ tới trước một cái đền con làm bằng gỗ, mái lợp gianh, vẽ sơn sài tiều tụy. Triệu Trung thấp hươu, rồi quỳ xuống khấn. Lâu lâu đứng ra một bên, để ba trăm tử đệ nối nhau vào làm lễ, bể reo ầm ầm dưới chân, như cùng khóc theo những tráng sĩ không nhà rớt lại của những trung thần nhà Tống.

Hung Đạo Vương hỏi mọi người, Chiêu Văn Vương nói:

— Khi vua Tống tử tiết, hoàng hậu nhà Tống cùng với một nàng công chúa trốn xuống một chiếc thuyền lênh đênh hơn tháng trời, hai mẹ con đã lả đi. Cũng may thuyền dạt vào bờ bể Thanh Hóa. Vị su trụ trì ở đây vội cùng mấy chú tiểu vớt lên. Cứu cấp mãi mới hồi tỉnh. Tống hậu là một người tuyệt sắc. Vị sư là bậc chân tu, nhưng chưa dứt bụi trần, cố đem thuyết Phật đánh đổ tà ý, đã không đẹp được, cùng quá có ý định muốn đi, để Tống hậu yên thân nương nấu ở chùa. Tống hậu rõ chuyện, bực mình vì nhan sắc còn để lụy cho người, suốt một đêm khóc nước, thương chồng, rồi sáng tinh sương, bà nhảy xuống bể để cho tròn giá sạch. Công chúa không hiểu vì sao, thương mẹ cũng gieo mình xuống nước. Không ngờ mối tình của mình chưa lộ đã làm thiệt hai mạng người không chết vì sóng gió mà lại kết liễu dưới mái từ bi, nhà sư giận mình như nhuốc, cũng đâm đầu xuống bể. Các tiểu cảm thương, lập một nếp đền gianh thờ Tống hậu cùng công chúa và nhà sư. Đền linh ứng lắm, và người Tống qua lại thường vào lễ để cầu thuận buồm xuôi gió.

Hung Đạo Vương nói:

— Thế mà tôi không biết. Ta nên biểu tấu để triều đình sắc phong cho một trang tiết liệt để đỡ tủi gái Bắc phương.

Trong khi ấy thì các tráng sĩ Đại Việt tấp nập sửa soạn. Chưa biết ai được đi, nhưng ai cũng tưởng như sắp được nhẹ gánh quan ăn, và sắp được dịp trở tài cùng quân giặc.

Nhất là quân bản bộ của Chiêu Văn Vương, quân Tinh Cương và sáu trăm trai của Hoài Văn Hầu thì lại càng sôi nổi.

Chiêu Văn Vương đã mấy lần muốn vào yết kiến Hung Đạo Vương để xin đi đánh mà không được vào. Bấy giờ chánh tướng đã chọn rồi, nhưng Quốc công chưa cử ai đi giúp Chiêu Văn Vương. Người ta xì xào nói đến Chiêu Thành Vương, đến Hoài Văn Hầu, đến tướng quân Nguyễn Khoái. Chiêu Thành Vương thì hồi hộp nhất. Thủ đoạn lầy lùm của Phạm Ngũ Lão làm cho vương ghen tức bao nhiêu, thì cái ý ra Bắc để cứu người yêu lại làm cho vương hi vọng bấy nhiêu. An Tư đi, đã hơn một tháng trời; tin tức về nàng không có mấy, chàng vẫn hàng ngày nóng ruột, không hiểu nàng ra sao. Ở giữa hang hùm, đã đành là tiết trinh của nàng chẳng vẹn, nhưng liệu nàng có toàn tính mệnh để đợi chàng không?

Đêm đêm chàng thường giật mình lo cho số phận người yêu, nhất là mấy bữa gần đây, nghe tin bệnh dịch tả đã bắt đầu phát ở kinh thành, chàng ngồi đứng không yên; chiếc thân đào tơ liễu yếu, mà bao nhiêu nguy hiểm quanh mình! Chàng chỉ mong chóng được kéo quân ra Bắc, dẫn mình trong vòng gươm giáo, tiến vào chỗ nàng bị giam cầm. Miễn là cứu được nàng ra khỏi trùng vi, thì muôn trùng ngăn cản, muôn bầy hiểm nghèo chàng cũng vượt hết.

Các tráng sĩ mong mỗi ngày xuất trận một thì chàng mong mỗi mười. Nhiều đêm, những người thân tín thường bắt gặp chàng nói trong mơ:

— An Tư công chúa! Chì đây ư? Đợi tôi ra đánh tháo cho công chúa!

Chờ đợi bao lâu, nay đã đến ngày, chàng lại thêm cái lo không biết Quốc công có cử mình đi không? Chàng tự nhủ: “Có lẽ nào ta lại không được đi? Quốc công đã biết cảnh ngộ ta, Quốc công chắc cho ta theo Chiêu Văn Vương, không khi nào Quốc công lại nỡ giữ ta. Không khi nào cả!”

Cho nên chàng sẵn đón nhất.

Chàng cứ đưa thoi từ trại mình đến dinh Quốc công. Nhưng chỉ thấy cửa dinh đóng im lìm. Quốc công vẫn còn hội đàm với Chiêu Văn Vương. Chắc hai vương đang cắt cử những tướng sĩ.

Đương lúc nghe ngóng, chợt thấy Trần Quốc Toàn, nhanh như cắt, tươi như bông hoa, chạy lại hỏi:

— Chú đã biết tin tức chưa?

Vương nắm đốc kiếm, hồi hộp:

— Chưa? Việc gì? Tôi có được...

— Cháu được đi rồi.

— Thế à? Sao biết? Còn tôi?

— Hình như có.

Vương nhảy lên:

— Sướng quá. Thực không? Tôi chỉ sợ không được đi.

— Cháu cũng thế. Nhưng mới nghe thấy đôn thể thôi. Chú đừng nói ra, việc quân nhờ ra Quốc công...

— Tôi biết rồi. Phải.

Tuy vậy, vương không giấu nổi cảm động. Vương hấp tấp chạy về trại bảo quân sĩ sửa soạn. Mừng quá, vương không nói lên nhờ. Chợt có tướng lệnh của Quốc công vờ vương lên. Đang dẫn dò mọi người, vương bỏ đấy, theo sứ đi ngay. Tới nơi, đã thấy đông đủ các tướng tá trước sân dinh Tiết chế. Vương đứng nép bên Hoài Văn Hầu khi ấy đang mãi nhìn lên thềm. Bốn bề im lặng. Quốc công bỗng truyền ra:

— Triều đình đã cử Chiêu Văn Vương làm chánh tướng ra Bắc. Ta lại nhờ được Triệu tướng quân giúp sức đánh Toa Đô.

Trong hàng tướng tá, ta đã xin cử tướng quân Nguyễn Khoái, Hoài Văn Hầu và Chiêu Thành Vương làm tiền bộ tiên phong. Cơ khôi phục non sông đã tới. Các ngươi là những người tâm huyết, ngày đêm nằm gai nếm mật, nay là lúc nỗ lực hi sinh cho quốc gia. Đuôi được giấc hay không, ta trông cậy vào trận này. Các ngươi đừng nên phụ lòng ta tin cậy.

Các tướng còn đang nhìn nhau, Chiêu Thành Vương đã nhanh nhẩu bước ra thưa:

— Quốc công đã có lòng tin, cho chúng tôi đi trước anh em, thực là vinh hạnh cho chúng tôi. Trước mặt Quốc công chúng tôi xin thề tử chiến: nếu không thắng trận này, chúng tôi xin gửi đầu về tạ tội Quốc công.

Ngày hôm đó Chiêu Văn Vương khởi hành, kéo binh thuyền ra Bắc. Vương dụ tướng sĩ:

— Ta trông quan gia, Quốc công và mọi người, nét mặt ai nấy đều hơn hớn. Ta đoán là có tin mừng. Từ ngày thua ở Khả li, Lộc Châu, chúng ta nằm gai nếm mật, bây giờ ta mới lại được cùng chúng giao chiến. Quân giặc đã đến buổi vận cùng. Các ngươi mong tuyết hận, đây đã đến ngày tuyết hận. Các ngươi nên cô một phen, để cái tiếng của đoàn quân ta vang lừng trong trận này. Ta có đoàn ca nữ, chúng theo ta vào đây, nay cũng tình nguyện theo ta ra Bắc để hát mừng quan quân ngày thắng trận. Các

người đừng để họ chê cười.

Mọi người đều nói:

— Khăn yếm còn biết nghĩ thế, huống chi bọn râu mày chúng tôi.

— Chúng tôi được theo đại vương, như đã cầm sẵn chiến thắng trong tay. Đại vương không phí một tên quân, bình định được loạn Trịnh Giốc Mật thì đại vương cũng chắc thắng được Toa Đô. Chúng tôi quyết không phụ lòng chị em.

Sau Quốc công Hưng Đạo, vương là người được quốc dân trọng nhất: có cái đảm lược ôn hòa, vương đã được ví dững như Quan Vũ và Lạn Tương Như. Vương tinh thông thao lược, đã từng đề tựa cho cuốn Bình thư của Hưng Đạo Vương. Nhưng vương không ưa chiến tranh, chỉ thích học các tiếng nước ngoài. Vương muốn làm nhà bác ngữ hơn làm trang võ tướng. Vậy mà khi cầm quân thì không ai mau lẹ, táo bạo như vương. Trước khi ra Bắc, vương gọi vợ con hãy ghi ngày vương ra đi làm ngày cúng giỗ, để tỏ cho mọi người cái ý quyết liệt với quân thù.

Dưới quyền chỉ huy của một đại tướng đã có một huân công kỳ lạ và có những đức tính làm mê lòng người như thế, các tướng sĩ kéo binh thuyền ra Bắc, mắt anh hùng dăm dăm như khuất phục cả còn sóng bạc đầu...

Trong khi ấy, ở Thanh Hóa người ta sống như con sốt rét đợi chờ. Ngày ngày đã nổi nhau ra đi, vô vị và lạnh lùng. Bể ngoài khơi vẫn réo và cái nóng kinh người vẫn làm chúa khắp nơi. Hoàng hậu và các cung tần phi chúa thì đi lễ các đền chùa, cầu nguyện các đấng linh thần ủng hộ đoàn quân của Đức Ông Tư. Thượng hoàng và vua Thiệu Bảo tỏ ý sốt ruột, ngày nào cũng hỏi ý kiến. Hưng Đạo Vương tâu:

— Xin Thượng hoàng và quan gia cứ yên tâm. Lão phu liệu thể giặc, xin cam đoan rằng trận thắng về ta. Chỉ vài hôm nữa có tin mừng.

Quốc công là người bình tĩnh nhất trong đợi chờ. Nhưng đêm đêm ngài vẫn cúi xuống cái bản đồ của Vũ Trí Thắng, liệu những đường lối mà Toa Đô thế tất phải qua, và nơi gặp gỡ giữa quân mình và quân địch. Ngài yên trí:

— Chỉ còn đợi xem trận đánh ra sao. Nhưng quân sĩ là những quân tinh nhuệ, tướng tá toàn là những kẻ có đảm lược, có tài trí, không thể thua được.

Ngày cứ lặng lẽ trôi, vua tôi thấy bất mãi tin, đều lấy làm lo lắng, Quốc công phải nói:

— Thua trận này, không những Chiêu Văn Vương phải nộp đầu, mà chính ta cũng vậy.

Và tướng sĩ đánh đổ nhau:

— Một là quân Toa Đô không gặp quan quân và đã hội với quân của Thoát Hoan, hai là quân Chiêu Văn Vương đã gặp quân địch và đã phá tan. Khi vương đi, đã dặn lại rằng nếu có sứ về thì tức là thắng, mà không tức là thua. Vì thế nên càng đợi lâu bao nhiêu thì người càng lo ngại bấy nhiêu. Người ta chỉ được chút yên tâm là thấy Quốc công rất vững, Quốc công đã quyết thế nào, thì thường trăm phần đúng cả, nhất là về việc hành binh thì ngài sáng suốt vô cùng. Trắng rằm đã lặn, rồi trăng mười sáu, rồi trăng mười bảy, rồi trăng mười tám. Tính ra Chiêu Văn Vương đi đã được mười lăm ngày.

Một hôm, giữa lúc đợi chờ đã đưa người ta đến một chán nản, gần như thất vọng, thì một người lính canh ngoài bờ bể báo tin:

— Thuyền Hoài Văn Hầu!

— Hoài Văn Hầu đã về!

— Có thực không?

— Hoài Văn Hầu đâu?

Và tin Hoài Văn Hầu về chỉ trong chốc lát đã lan đi khắp nơi. Tuy kỷ luật nghiêm minh, người ta cũng đổ ra nghe ngóng tin tức. Những người đi chậm, đã nghe thấy tiếng reo ầm ầm, rồi thấy tướng sĩ xúm xít vây quanh Trần Quốc Toản, khiến cho ngựa chàng không sao tiến lên được. Người thì hoa chân múa tay, người thì nhảy lên bạn hữu, người thì tung khăn giơ kiếm, ai nấy đều mặt đỏ bừng bừng, mắt sáng như điên, tiếng hoan hô om xòm, át cả tiếng bể gầm:

— Thắng rồi! Đại thắng! Hàm Tử Quan! Quân giặc thua rồi! Toa Đô tan vỡ! Quân giặc thua rồi! Toa

Đô tan vỡ! Thắng rồi! Đại thắng rồi!

— Sướng quá! Đại thắng! Đại thắng! Khôi phục Thăng Long! Vạn tuế! Vạn tuế! Sát Thát! Khôi phục Thăng Long.

Người ta còn nhận rõ những tiếng hô Quốc công, Chiêu Văn Vương, Chiêu Thành Vương, Hoài Văn Hầu, Nguyễn Khoái, Triệu Trung, như những tiếng pháo nổ trong ngày rước đám.

Hoài Văn Hầu nói:

— Để ta vào bẩm mệnh Quốc công đã. Ta mang tướng lệnh của Chiêu Văn Vương, hãy để ta đi, các người.

Những nét vui vẻ hiện rõ trên nét mặt những vị tướng, nụ cười duyên nở trên môi, cổ kìm giữ nỗi mừng, bảo quân sĩ:

— Anh em hãy dạt ra để Hoài Văn Hầu đi đã. Việc quân nhờ ra thì phải làm thế nào?

Lại tiếng hô:

— Hàm Tử Quan! Cho chúng biết mặt trai nước Nam. Hàm Tử Quan! Đánh cho chúng không còn một mảnh giáp. Khôi phục Thăng Long phen này đến lượt anh em chúng ta.

Và họ giãn ra cho Hoài Văn Hầu đi. Người thiếu niên vừa tể ngựa, vừa ném ra bốn phía cầu:

— Đại thắng ở Hàm Tử Quan!

Lời nói của chàng trong và nhẹ như tiếng suối ròn reo, đượm vẻ ngây thơ hào hùng. Hầu đã tiến vào dinh Quốc công, Thượng hoàng, vua Thiệu Bảo cũng hấp tấp chạy ra và hoàng đệ Tá Thiên đại vương Đức Việp đang tập trận cũng chạy về xem tin mừng có thực. Trong khi ấy các tướng sĩ cơ nào đội ấy, trở về đội mình, sửa soạn tập nập, yên trí là đến lượt họ đi khôi phục Thăng Long nay mai... Những tiếng ca, tiếng huyên náo trong các dinh trại nổi lên, hòa với tiếng đao kiếm chạm nhau, tiếng thử cung tên và tiếng hô “Sát Thát”...

Hưng Đạo Vương hỏi Hoài Văn Hầu:

— Cháu về chắc có tin mừng cho chú?

Hoài Văn Hầu quỳ dưới thềm, thưa:

— Cháu vâng tướng lệnh Chiêu Văn Vương, về dâng tin thắng trận. Hiện có thư của Văn Vương và sổ công lao, trình hai Thánh và Quốc công.

Hưng Đạo Vương cho Hầu đứng lên, tiếp lấy thư và sổ, thân mật hỏi Quốc Toản:

— Cháu lập công đầu chứ?

— Bẩm Quốc công, cháu chỉ làm quân chân tướng sĩ. Công đầu là ở Triệu Trung tướng quân cả. Thực là một hổ tướng anh hùng.

Thượng hoàng phán:

— Hoài Văn Hầu có mặt ở trận nào là thắng trận đó.

— Tâu Thượng hoàng, đó là hồng phúc của quốc gia, thần vũ của hai Thánh, chứ hạ thần có công cán gì.

Vua Thiệu Bảo chỉ một cái ghế và phán:

— Hầu ngồi đây, trẫm muốn hỏi chuyện vài câu.

Hoài Văn Hầu bái tạ, ngồi xuống ghế. Thượng hoàng, vua Thiệu Bảo và Quốc công Hưng Đạo cũng xúm lại xem thư của Chiêu Văn Vương, Thượng hoàng tươi cười phán:

— Đợi mãi mới có ngày nay. Quốc công liệu định thật đúng như nhờ. Được có ngày nay đều nhờ Quốc công cả.

Vua hỏi Hoài Văn Hầu:

— Trận đánh ra sao? Trẫm phiên Văn Hầu kể lại tường tận cho nghe.

Hầu nói:

— Thưa quan gia, ngày mùng ba quân ta lên đường, Chiêu Văn Vương sai ngả cờ im trống, truyền lệnh cho quân sĩ mặc đồ như thường dân, chia làm nhiều toán, ngày thì tản mát đi, đêm thì tụ lại; lại lập nhiều đội binh liên lạc các toán để cho toàn quân không rời rạc. Chiêu Thành Vương và tiểu tướng

được lệnh đi trước để tụ tập những chiến thuyền, vùi ngày vào Nam, Quốc công đã ký thác cho những đại, tiểu tư xã các làng ở vùng Trảng An, Lý Nhân, Thiên Mạc.

Văn Hầu nhìn Quốc công để tỏ lòng cảm phục rồi lại tiếp ngay:

— Chiếu trong sổ, không có một chiến thuyền nào thiếu, các đại tiểu tư xã còn đóng sẵn nhiều chiến thuyền cung cấp cho quan quân. Vào các đình nào cũng thấy họ đã sửa soạn từ lâu. Chỉ một tiếng mả rao, là dàn ra như kiến, sung vào đội ngũ, tình nguyện tòng chinh. Khí giới, quân nhu, nhất nhất đều sẵn sàng, ai nấy đều có thích chữ “Sát Thát” ở cánh tay. Tiểu tướng không ngờ lòng dân hăng hái đến bực ấy.

Vua ngạc nhiên bảo Hưng Đạo Vương:

— Trẫm cũng không ngờ.

Hưng Đạo chậm rãi nói:

— Lão phu đã biết lòng dân, nên trong buổi ba đào, lão phu vẫn không nản chí.

Hầu lại tiếp:

— Thành thử quân của triều đình chỉ có một vạn người, và các chiến thuyền lớn nhỏ có đến ba trăm chiếc. Vừa tới Hàm Tử, thì có tin Toa Đô đang đánh lên, chỉ còn cách hai mươi dặm. Chiêu Văn Vương trở khúc sông và bảo các tướng sĩ:

— Ta chết sống ở chôn này. Không cho Toa Đô qua nữa. Toa Đô sa vào lưới của Quốc công rồi. Tướng sĩ! Các người đừng làm uổng bao nhiêu công lao trù tính của Quốc công. Dịp may này chỉ có một lần, ta nên sống chết ở chôn này, các người nên tận lực.

Tiếng hô “Sát Thát” vang lên. Vương chia binh thuyền phục sẵn các ngành sông. Sau khi đã bày binh bố trận đâu đây cả rồi, vương thân dẫn một chiếc thuyền con đi thanh tra các nơi cho thực chu đáo. Rồi vương về thuyền riêng, cùng Triệu Trung đánh cờ. Bấy giờ là tảng sáng ngày 13 tháng 4. Theo lệnh vương, quan quân được nghỉ ngơi từ sáng đến gần trưa.

Trưa 13 thì có tin Toa Đô đã gần. Quân ta nhìn nhau, nghẹn thở vì vui mừng. Trời như thiêu như đốt, nắng chang chang. Thăm tử báo quân Toa Đô đều mệt nhoài và người chết bị quăng xuống sông nhiều lắm. Chúng nghiêm nhiên đi, chiến thuyền lộn xộn, cờ hiệu không tề chỉnh, và tiếng trống nghe ra cũng chênh mảng. Không phải kỷ luật họ không nghiêm, chính thực thì họ không phòng bị. Họ không ngờ quân ta đón đường. Mà quả vậy. Dù bắt gặp mấy chiếc thuyền của ta đi trinh sát, họ cũng không để ý, cho là thuyền đánh cá hay thuyền chở hàng không đáng quan tâm.

Quân Toa Đô đương vô tình, thì một tiếng pháo lệnh nổ ran, quân ta nán chờ từ bao nhiêu ngày tháng, nhất tề lẫn xả vào thuyền giặc. Triệu tiên sinh và ba trăm tử đệ đi trước, nêu cao ngọn cờ nhà Tống. Triệu tiên sinh mỗi tay cầm một ngọn kích, gạt những tên bắn quanh mình, hăng hái mở đường cho quân ta. Chiêu Văn Vương đã tuyển một nghìn quân ta cũng cho ăn bận theo lối quân nhà Tống, phao tin lên rằng quân Tống đã khôi phục được nước và nay đem viện binh sang giúp nước Nam đánh bại quân Mông Cổ. Quân Toa Đô trông thấy Triệu tiên sinh, có người nhận ngay ra là một tướng cũ nhà Tống. Tướng nhà Tống đã khôi phục được nước Tàu rồi, họ sợ hết vía, kêu khóc như ri, hoang mang không có lòng đánh trận nữa; lại thêm mệt mỏi, họ không nghĩ cả đến việc chống cự. Triệu Trung cứ thúc thuyền sấn sang trận giặc, và chỉ nháy mắt, mười chiếc thuyền tiên đội của Toa Đô bị đánh đắm.

Quân ta càng nô nức đánh ủa xuống. Tiểu tướng cùng Chiêu Thành Vương nhảy sang một thuyền giặc, chém được một đầu mục, vớt đầu lâu ném sang một thuyền khác, đánh ngã luôn mấy đứa quăng xuống sông. Vận may đã đến, sức đánh rất hăng, gươm giáo cũng khôn ra. Tướng sĩ vui mắt đua nhau làm theo, tha hồ chém giặc như bằm dưa, đoạt được đến sáu chục chiến thuyền lớn. Toa Đô xông xáo, hét quân đứng lại, sai chèo thuyền sấn lại đánh Triệu tiên sinh. Hai tướng đấu nhau thực là vui mắt. Thấy vậy, quân Nguyên Mông nổi loạn thêm. Oai phong lấy lại bình tĩnh chúng đánh rất hăng, không nhường một bước. Bấy giờ quan quân mới thực là gặp địch thủ. Triệu tiên sinh quả là hết lòng với nước Nam, trở hết thân y đánh với Toa Đô. Quan quân không tiến được mấy nữa và chật vật mãi mới đánh chìm được một chiếc chiến thuyền. Ba trăm tử đệ của Triệu tiên sinh đánh hăng hơn cả quân nhà; họ chết đã

quá nửa, nhưng những người còn sống vẫn thản nhiên. Nghĩ mình đánh cho mình, chết là phải rồi, nhưng thấy họ chết cho người, thực là ân hận thay cho họ... Chiêu Thành Vương và tiểu tướng thấy Triệu tiên sinh đánh mãi Toa Đô không đổ, xông lại giúp, nhưng các tướng Mông Cổ đổ cả ra đối địch, phứt chốc trên mũi thuyền toàn là các tướng đánh nhau.

Đang lúc bắt phân thắng phụ, người nổi lên bênh trên mặt nước và máu đỏ loang sông, thì viện binh Ô Mã Nhi tới. Quân Nguyên càng thêm hăng, quân ta cũng chẳng kém, bảo nhau:

— Thách cả Ô Mã Nhi, chúng ta khôn cần, anh em cứ vững tâm.

Ô Mã Nhi sẵn lại đánh Chiêu Thành Vương, mười tướng xúm lại mà đỡ, thấy đều loạn choạng, rút cả xuống. Mã Nhi thực có một sức khỏe thiên thần, đang hăng máu nó càng hung mãnh.

Tướng sĩ vẫn cứ lặn xả vào chống Ô Mã Nhi để Triệu tiên sinh đánh Toa Đô, nếu không có tiên sinh, thì thế trận của ta vỡ từ bao giờ. Toa Đô thực là vô địch. Đang lúc quân ta có phần núng thế, thì tiếng chiêng trống vang lừng nổi lên: Chiêu Văn Vương và Nguyễn Khoái dẫn đại binh, lén đi một ngành sông khác đánh vào sườn quân Toa Đô. Thuyền tướng quân Nguyễn Khoái đi nhanh như gió. Đứng trước mũi thuyền, Nguyễn Khoái nói to:

— Anh em cứ vững tâm đánh đi, giặc mắc mưu vương gia rồi. Khoái đến đây thì trăm Ô Mã Nhi cũng không đáng sợ.

Thấy Chiêu Văn Vương quân sĩ đã nức lòng, lại thấy có Nguyễn Khoái mọi người lại càng vững. Quân ta reo vang lừng:

— Tướng quân Nguyễn Khoái, mau đến đây đánh Ô Mã Nhi giúp anh em, không có thì hỏng cả.

Chỉ một nháy mắt thuyền Nguyễn Khoái đã lặn với thuyền giặc. Biết Nguyễn Khoái là tướng giỏi. Mã Nhi không dám luyến chiến với những người khác. Xoay ra đánh với Nguyễn Khoái. Chiêu Văn Vương đứng trước mũi thuyền thúc trống. Các tướng sĩ như thêm sức, và những người đã mệt mỏi bỗng thấy mình khỏe lại. Thuyền nhà và thuyền giặc lẫn lộn nhau, có khi thuyền nhà quân giặc dùng, có khi quân ta đứng trên thuyền giặc, hét đâm chém, đến giằng co nhau mẩu gươm mẩu giáo, hay cầm mũ trụ phang nhau, hay vật lộn nhau trên mạn thuyền, ngã lặn cả xuống sông mà không bỏ nhau ra, cào cấn nhau cho đến khi cả đôi cùng chìm lìm xuống dưới nước. Dân quân cũng như quân triều đình đánh cũng không kém. Có người đã cụt một cánh tay, ngã vật xuống nước, còn một tay vẫn cố bơi đến thuyền giặc, nghiêng răng chuyễn hết sức bình sinh lôi cả chiến thuyền, tuy không làm đắm được nhưng cũng làm trông trành khiến cho quân giặc loạn choạng, giở tay không kịp bị quân ta giết chết.

Lại vừa may, Ô Mã Nhi hụt chân bị Nguyễn Khoái đánh ngã vật vào trong khoang thuyền. Khoái định nhảy sang. Nhưng Toa Đô đã rõ cơ nguy, đành bỏ Triệu Trung xông qua cản Nguyễn Khoái. Triệu tiên sinh thừa cơ, vẩy lá cờ lệnh, hô quân tiến sang. Trận giặc vỡ hẳn và chiến thuyền của ta âm âm kéo sang, quân Nguyên không còn chống đỡ gì. Chúng kêu khóc như rì. Quân ta khi ấy hung hơn quân Mông Cổ. Giặc cùng đường nhảy cả xuống sông, lóp ngóp chạy lên bờ. Chỉ ân hận để Toa Đô và Ô Mã Nhi trốn thoát và cứu được nhiều chiến thuyền đi. Khi quân giặc đã chạy xa, quan quân tra gươm vào vỏ trông thấy ánh nước đỏ ngầu, anh em nhìn lên trời mới biết trắng mọc từ lâu. Nhìn nhau ai nấy bết be những máu, quần áo rách rưới. Nhưng vui không biết thế nào kể được. Người nhẹ như bay lên chín tầng mây, ai cũng muốn báo ngay cho triều đình biết tin mừng. Ba tiếng “Hàm Tử Quan” nghe êm hơn nhời ru. Không ai muốn bỏ khúc sông ấy. Lòng say sưa đến nỗi không ai nghĩ đến việc đi tắm gội, thay quần áo và rửa đồ binh.

Chiêu Văn Vương điểm tướng sĩ, thiệt mất hơn vạn người, nhưng ước lượng số giặc chết và bị bắt tới hơn ba vạn. Chiến thuyền bắt được hơn trăm chiếc và binh khí tinh kỳ chất đống lên bên bờ sông, thành ba ngọn đồi. Tính ra có năm vạn người, ta đã bại được mười vạn quân Mông Cổ. Chiêu Văn Vương ủy lạo mọi người. Dân quanh vùng đem trâu bò và rượu ra thết quan quân. Vui quá và mệt quá, không ai ăn được, xem ý dân gian sung sướng hơn quan quân nhiều. Ngay sáng hôm sau, Chiêu Văn Vương trao thư và sổ công lao cho tiểu tướng về báo tiếp.

Vua Thiệu Bảo nói:

— Nghe hầu nói mà vui, chắc sự thật còn vui hơn nhiều lắm. Hôm nay hầu cùng trăm ăn một bữa tiệc chung, gọi là mừng một tráng sĩ. Hầu không được từ, ý trăm đã quyết.

Hầu thưa:

— Quan gia ban ân, tiểu tướng lẽ nào dám từ. Chỉ nghĩ tiểu tướng đã không có công trạng gì, lại cướp cả công lao của anh em ngoài mặt trận, thực không phải nhẽ.

— Cái đó không hề gì. Trăm biết cả rồi. Tin của hầu đem về cũng đã đáng thưởng rồi.

Hoài Văn Hầu lạy tạ. Vua lại hỏi Hưng Đạo Vương:

— Ta đã thắng ở Hàm Tử, Toa Đô đã lui; ta nên làm gì bây giờ, xin Quốc công chỉ giáo cho.

Quốc công nói:

— Quân ta mới thắng, sức lực đang hăng, quân Nguyên mới thua, tất cũng chột dạ. Cứ như ý lão phu, ta nên sai một đại tướng đem binh thuyền ra Bắc, khôi phục Thăng Long được rồi!

Thượng hoàng và vua mừng rỡ. Vua hỏi:

— Việc khôi phục Thăng Long không phải là việc dung dị. Nhỡ một chút thì uổng cả trận Hàm Tử Quan. Ta phải chọn một đại tướng có thật tài, ngõ hầu mới xứng đáng được việc lớn ấy. Quốc công định cử ai? Hay truyền lệnh cho Chiêu Văn Vương đánh lên?

— Không được. Văn Vương phải ở đây giữ rịt Toa Đô không cho hợp với Thoát Hoan. Việc này rất quan trọng. Nhỡ ra thì hỏng hết.

Việc khôi phục Thăng Long phải giao cho một người khác, lại cần phải người có tài cầm quân hơn Chiêu Văn Vương mới được. Việc này phải gọi Chiêu Minh Vương về. Phi Chiêu Minh Vương không ai làm nổi.

Vừa nói dứt lời thì quân báo Thượng tướng Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải ở Nghệ An về, sắp tới hành cung. Vua Thiệu Bảo cùng Thượng hoàng và Hưng Đạo Vương dẫn các quan và tướng sĩ ra đón. Quang Khải ở xa tể ngựa lại, nhảy xuống phủ phục trước ngựa Thượng hoàng và vua, miệng hô vạn tuế.

Thượng hoàng cùng mọi người xuống ngựa. Thượng hoàng cầm tay em và nói:

— Một dải Nghệ An, nhờ hoàng thúc lo liệu được yên, nghĩ hoàng thúc thực là gian lao vất vả.

Vương nói:

— Lão thần có công cán gì đâu, ấy là nhờ tướng sĩ cả.

Nói xong, gọi Phạm Ngũ Lão lại. Ngũ Lão cúi lạy bên vệ đường. Vua truyền cho đứng dậy. Vương chỉ Ngũ Lão và tâu:

— Bạch trạng nguyên lo mưu trong trướng, Phạm tướng quân đây tử chiến với Toa Đô, không có hai người ấy và các tướng sĩ thì cơ hồ không giữ được Nghệ An và cũng không lui được giặc Hồi.

Vua truyền cho mọi người lên ngựa, cùng đi cùng nói chuyện, lại quay lại bảo Ngũ Lão:

— Một trận đánh Toa Đô làm cho quân Mông Cổ khiếp đảm, người Chiêm Thành chán nản, người thật là thần tướng.

Lão ấp úng không nói lên nhờ. Vua lại đòi xem mặt Bạch Liêu. Quang Khải nói:

— Trạng nguyên nói mọi việc đã có Quốc công lo liệu, thắng lợi chỉ còn đợi ngày, có ra cũng ích lợi gì, vì thế xin ở lại Nghệ An chăm bón mấy gốc lan.

Vua nói:

— Đồ đến trạng nguyên, có tài đại lược mà không chịu ra làm quan, coi công danh phú quý như mây nổi, người ấy thực là cao sĩ.

Thượng hoàng kể lại chuyện Chiêu Văn Vương đánh Toa Đô ở Hàm Tử Quan cho Chiêu Minh Vương nghe và ngờ ý muốn cất quân ra khôi phục Thăng Long.

Quang Khải tâu:

— Nay em Tư đã lập đại công, lão thần ở Nghệ An, công ít tội nhiều, nguyện xin cho ra khắc phục Thăng Long để chuộc tội. Chỉ xin đem tướng sĩ ở Nghệ An cũng đủ. Lão thần đã quen đánh trận với tướng cũ và nhất là với Phạm tướng quân đây.

Vua cả mừng, một tướng cũng bước ra tâu:

— Tiểu tướng xin theo Thượng tướng đi đánh Thoát Hoan.

Nhìn ra thì là Hoài Văn Hầu. Chiêu Minh Vương nói:

— Được cháu cùng đi nữa, ta tất thắng Thoát Hoan.

Sau khi Hưng Đạo Vương cùng Chiêu Minh Vương bàn luận về việc khôi phục Thăng Long, ngay hôm đó, Quang Khải dẫn năm vạn quân, thẳng đường bẻ ra Bắc.

Chương VII

Trong điện Tập Hiền, đèn nền sáng trưng, ánh sáng tỏa cả ra ngoài sân rồng. Nhạc nữ mặc áo màu, tay chên, vũ nữ cũng mặc áo màu tay thụng, thị nữ bận toàn trắng đi đi lại lại, tay cầm bình vàng rót rượu hầu quan khách. Tiếng ca quân nhịp nhàng, và những dải lụa của vũ nữ dưới thềm bay phất phới trong những bàn tay nhỏ bé, tạo nên một giấc mơ màng chung quanh những thân hình yếu điệu. Những mâm thịt và đồ nhắm do những hỏa đầu lực lưỡng bung lên liên tiếp, mùi thơm ngào ngạt. Trời oi bức vô cùng vì bấy giờ đã sang đầu tháng năm. Vì thế nên mặc dầu cảnh huy hoàng của đêm tiệc, không khí trong điện rất nặng nề. Các nhạc nữ đỏ mồ hôi, áo ướt như tắm. Và những hỏa đầu quân to béo cũng nhầy nhụa như những tượng đồng rở giọt.

Thoát Hoan ngồi chủ tiệc vui, những quạt lông phe phẩy quanh mình Thái tử. Tính vốn thích yến tiệc, Hoan thường hay tổ chức những cuộc vui. Nhất là từ khi vào thành Thăng Long Hoan lại càng xa xỉ. Lúc mới hạ kinh thành. Trần Nam Vương không diệt được toàn quân Trần Hưng Đạo cũng có chút lo âu, nhưng sau dần dần nỗi lo cũng nhạt. Tin tức phần nhiều có lợi cho quân Mông Cổ. Quân sĩ của vua Trần cũng tản mát đi nhiều, các quan và tướng ra hàng cũng mỗi ngày một đông, và giữa Thượng hoàng và Hưng Đạo lại có sự bất hòa: triều đình và nhất là các tôn thất và cả đến quân sĩ từ xưa đến nay đều vẫn trung thành với Trần Quốc Tuấn nay cũng sinh lòng nghi kỵ, ngay cả dân gian cũng không phục vị Quốc công mà trước kia họ coi như thần thánh. Dưới sức mạnh ghê gớm của quân Mông Cổ, dưới những sự chém giết tàn ác, những trừng phạt vô cùng khốc liệt, dân Nam cơ hồ đã kém sức kháng chiến và đã chịu cúi đầu quy thuận những tráng sĩ ở Bắc phương. Những kẻ cứng đầu cứng cổ đã bị bêu đầu ở chợ kinh thành, kẻ có hàng mấy vạn đầu lâu vút thành đông cao ngoài bãi, dân gian sợ chết khiếp đi, không dám cưỡng lại nữa, chỉ một lệnh của Thoát Hoan, họ lại phải về kinh thành phục dịch quân Nguyên, mặc dù sự đòn đánh rất là tàn nhẫn, để mưu lấy sự sống cho mình và cho gia đình. Vì những sự báo thù của quân Mông Cổ rất đáng sợ: kẻ nào trái lệnh, khi bị bắt đều bị phanh thây, và tất cả gia đình sẽ bị hãm dưới lưỡi gươm đao phủ.

Tuy Ô Mã Nhi đã đi mà sự giết chóc cũng không giảm mấy và càng về hè, sự tàn nhẫn của quân Nguyên lại càng tăng phần khốc liệt.

Hoan càng ngày càng thấy vững địa vị của quân mình, và càng ngày càng thấy rõ sức yếu của quân địch. Nhất là từ khi có An Tư, Hoan lại càng không lo nghĩ gì nữa, và khinh quân địch cho là không giờ trò gì được nữa. Hoan sung sướng cứ ở lì trong Cảnh Linh cung cùng An Tư, hay sóng ngựa cùng đi dạo chơi trong vườn Thượng uyển. Đương độ trai trẻ, lại say sưa vì chiến thắng và người tràn trề một sức khỏe phì nhiêu, Hoan thấy dễ chịu trong cái tự do mà chàng được hưởng ở đất xa xôi này. Ở đây chàng được toàn quyền hành động, chàng là sự kính nể của quân sĩ, chàng là mối kinh khủng của mấy triệu dân bị trị, ở đây chỉ một tiếng ho của chàng cũng làm cho bao nhiêu kẻ run rẩy. Và ở đây sau hết, chàng thấy sự giàu sang sự thỏa mãn, lên trên tất cả là một giai nhân xinh đẹp vào bậc nhất gầm trời mà vó ngựa chàng đã ruổi qua. Lòng kiêu ngạo của Thoát Hoan được dâng lên như nước biển không bờ bến, và trong thâm tâm, chàng nảy ra cái ý tưởng ở lì nước Việt, không muốn về Trung Quốc nữa.

Và như thế suốt hai tháng nay, Hoan sống một cuộc đời vương giả mà chưa có mấy người được hưởng. Bao nhiêu vàng bạc, bao nhiêu kỳ hoa dị thảo, đều được những tướng sĩ hay những hàng thần hay dân gian xu phụng đem tiến cống Thoát Hoan, không hề thiếu một thứ gì, cả những vị thuốc bổ và những món ăn ngon ngọt trên đời.

Hôm nay có người cống chàng một đôi voi rất quý, lông trắng như tuyết mượt như tơ, trông đẹp vô cùng. Lại có lâu và bành thêu cực kỳ hoa lệ. Hoan thích lắm, cùng An Tư ngự trên lầu voi, đi thăm quân sĩ và rong ruổi khắp kinh thành, lại ra tận điện Linh Quang ở Đông Bộ Đầu để nhận sự chúc

mừng của dân gian. Bắt chước vua Trần, Hoan ra đây nghỉ mát, hỏi chuyện thân mật mọi người và hòa nhã tiếp lấy chén trà thơm và miếng trầu ngon mà dân đem dâng, như hồi vua Trần thuở trước. Tục ấy rất thịnh hành, và điện Linh Quang còn có tên nữa là Trà điện, nơi hội họp rất thân mật của nhà vua và bách tính. Muốn lấy lòng dân, Hoan cũng theo cái tục thuần nhã ấy: mặc thường phục, không đeo kiếm, chàng cùng giai nhân ngự voi ra đây hứng mát suốt ngày xem xét dân tình. Trong khi lòng kiêu ngạo lên đến cực điểm, Hoan không nhận ra những sự giả dối giấu sau thái độ cung kính của đám dân đen và khỏe mắt cảm hờn, loang loáng như luồng kiếm sắc.

Chiều hôm ấy, ở điện Linh Quang về, Hoan thiết tiệc mặc cho khí trời oi ả như nung như nấu. Trong tiệc, Hoan cười nói vui vẻ, hết bắt vũ nữ múa, lại bắt tráng sĩ ra múa kiếm, cùng bắt người hát bội Lý Nguyên Cát ra làm trò tiêu khiển. Hoan rất vui, tướng tá và quân sĩ cũng rất vui, quên cả nực nội. Giữa lúc mọi người hoan lạc, Chiêu Quốc Vương Ích Tắc đứng lên dâng Thoát Hoan một bài thơ chúc tụng, lời lẽ vô cùng chải chuốt. Tuy là võ tướng, khinh thi phú từ chương, và nhất là khinh những lời chúc tụng của các hàng thần, nhưng Hoan xem thơ cũng lấy làm mừng, đưa cho cử tọa xem, ai nấy đều thán phục là thần bút. Hoan sai nhạc công ngay lúc ấy, phổ lời thơ vào nhạc và bắt ngay nhạc nữ, ca nữ hát bài nhạc mới. Hoan trong lúc say sưa và tự đắc đến cực điểm cũng lấy tay gõ nhịp vào kiếm hát và cử tọa cũng đều hòa nhịp hát theo.

Mọi người hể hả, duy một người không vui, rầu rầu nét mặt. Ấy là Phàn Tiếp. Từ khi Ô Mã Nhi lên đường vào Nghệ, Tiếp là người duy nhất lo việc quân. Tiếp đã trông rõ cái hiểm tượng của tình thế và chỉ đợi dịp là khổ gián. Nhưng không mấy khi gặp Thoát Hoan và muốn vào Cảnh Linh cung thì không sao được phép. Tiếp biết rằng sau Toa Đô, Ô Mã Nhi thì mình là người Trấn Nam Vương nể nhất, và vì thế nhất định quyết lời chủ ra khỏi cơn mê.

Tiệc rượu đang vui, Tiếp thừa lúc lên đi, rồi lẩn lút vào ẩn dưới bên một cây cổ thụ ở dọc đường về tới Cảnh Linh cung. Tiếp định đi nữa vào tận Cảnh Linh cung để giết An Tư, nhưng lại sợ bại lộ, vì có tiếng A Thích đi tuần, vì thế đành ở lại đây chờ Thoát Hoan. Bấy giờ tuy là đầu tháng năm, nhưng sao mọc xin xít, trời nhưng đỉnh ức triệu hòn ngọc chuốt nên đêm cũng hơi sáng. Vả trên các đường đi về cung Cảnh Linh thường treo các đèn lồng bằng gấm, nên càng sáng hơn, nhìn quanh Phàn Tiếp bắt giắc thờ dài:

— Thực là một nơi kỳ tú, mới hay sắc đẹp cạm bẫy con người và cảnh xinh dễ luyến. Đòi tráng sĩ mà chìm đắm trong những sa ngã ấy, thì còn tung hoành thỏa chí tang bồng sao được? Thái tử là bậc anh minh, có sao sang đến nước này lại mê muội đến mức ấy. Xin Thái tử thấu lòng cho tiểu tướng.

Đợi đã lâu, chợt thấy hai con hạc trắng đi qua, báo tin Thoát Hoan sắp tới. Một lúc, Hoan ngất ngưởng trên mình ngựa về cung, có hai tráng sĩ dắt gươm đi trước. Tiếp tự nhủ:

— Đây là lúc ta đền ân Thái Tử. Nhưng dù có chết, ta cũng không hổ phận làm tỳ tướng. Lòng ta đối với chủ, xin trời đất chứng minh cho.

Sẵn sàng với cái chết, Phàn Tiếp nhảy từ trên cây xuống, chạy lại trước mặt Thoát Hoan, quỳ xuống, miệng hô thiên tuế. Hoan rút kiếm, nhưng định thần nhìn lại, thấy Phàn Tiếp, Hoan hỏi:

— Tướng quân sao lại vào đây? Có việc gì mà đêm khuya khoắt còn muốn tìm ta vậy?

Hoan rất tức, nhưng đối với Phàn Tiếp, không nỡ có những lời mắng mỏ. Hoan định gọi A Thích để hỏi có làm sao lại để có người vào nơi nghiêm cấm này, thì Phàn Tiếp nói:

— Cúi xin Điện hạ cứ giết một mình Tiếp này là đủ. Tiếp này đã định vào thì A Thích có tài thánh cũng không biết được. Tiểu tướng mạo muội vào đây, chỉ vì đã tìm hết cách mà không gặp Thái tử để nói về tình hình quân ta và quân giặc. Cúi xin Thái tử cho phép Tiếp này được giải bày, rồi Tiếp này xin chịu chết trước mặt Điện hạ, không cần để gươm Điện hạ bắn nhor. Điện hạ chưa biết chăng, quân ta suy nhược lắm rồi!

Nhời nói của Tiếp chí thành chí thiết. Hoan nghe cảm động, lại sẵn lòng yêu Tiếp là một tướng nhiều cơ mưu lại rất thực, hết lòng với mình, nên Hoan cũng nguôi giận, tra gươm vào vỏ và bảo Phàn Tiếp:

— Cho tướng quân đứng dậy. Ngày mai, tướng quân đến điện Quang Minh. Có điều chi cứ nói.

— Bẩm Điện hạ, tiểu tướng chỉ có một câu chuyện nhỏ muốn đặt lên Điện hạ ngay đêm nay. Tình thế cấp bách, không thể trì hoãn được nữa.

Hoan ngần ngại một lúc, tuy đang mải về cung Cảnh Linh để gặp người yêu, nhưng Hoan cũng không nỡ làm phật ý một người tướng giỏi mà Hoan thường gọi là cánh tay phải của mình. Ít lâu nay, tuy không ra coi việc quân – mọi việc giao cả cho Phàn Tiếp – nhưng những tin tức vẫn đến tai chàng, có nhiều điều không lợi: quân Nam đã tập trung ở Thanh Hóa, vì suốt từ Trảng An trở vào, dân gian đang khẩn trương sửa soạn sự khôi phục. Còn quân nhà chỉ nghĩ đến cướp bóc tàn phá, gian dân hiếp chóc và kỷ luật rất là chênh lệch. Hoặc vì đam mê tử sắc, hoặc vì tinh thần mỏi mệt, vì sức nóng thiêu đốt của trời hè, tuy Thoát Hoan có biết đến, nhưng cũng không xét, bao nhiêu thư từ của các tướng cùng những lời đệ trình, Hoan đều bỏ qua, cất cả vào tráp riêng hoặc bảo Phàn Tiếp định đoạt thay...

Hoan nhìn Phàn Tiếp, thấy nét mặt nghiêm trang, lần đầu tiên từ hai tháng nay Hoan mới động lòng tự thấy ngượng ngùng. Bây giờ giữa cơn say rượu mà Hoan tỉnh ngộ, tất cả nỗi giận Phàn Tiếp nguôi dần. Hoan dường thấy tiếng gọi của chiến tranh và nhận ra trách nhiệm lớn lao của mình. Hoan nguyên không phải là một tướng nông nổi, trái lại, Hoan là người hay suy nghĩ và rất mực phục thiện. Mỗi khi có lời can gián thành thực, Hoan thường nghe ngay, nhất là những lời ngay thẳng của những tướng tâm phúc lúc nào cũng nghĩ đến vinh quang, đến chiến thắng. Cho nên Hoan ghét cả những sự xu nịnh, cho là những cái sẽ làm hại đến mình. Cũng vì cái tính phục thiện ấy mà Hoan tuy giận Ô Mã Nhi mà không bao giờ có ý tưởng giết Ô Mã Nhi và nếu Ô cũng mềm mỏng có lẽ Hoan cũng nghe như nghe Phàn Tiếp.

Phàn Tiếp cũng đoán nhận tình trạng của chủ tướng khi ấy. Hoan xuống ngựa, dắt Tiếp ra một cái tạ gần ấy, và hỏi:

— Tướng quân có điều chi muốn nói với ta?

Tiếp thưa:

— Điện hạ nên điều loát quân sĩ. Tiểu tướng thực không có đủ tài đủ sức, đủ quyền để cai trị ba quân. Giá như có Ô tướng quân ở đây thì còn nói gì. Quân ta đang mong Thái tử và chỉ một lời của Điện hạ cũng đủ làm cho họ phấn khích.

Ba quân ngày nay như kẻ mất hồn. Hai mối nguy gần, một mối nguy xa, cúi xin Điện hạ có mặt cho ngay, kéo đến thiên diên, thì tất cả công lao bách chiến bách thắng từ mùa đông năm ngoái uống phí hết cả và Điện hạ cũng phụ cả lòng ủy thác của Thánh thượng nữa. Vả lại thanh danh của quân đội ta, nếu để có mệnh hệ nào, thì thật là một điều nhục lớn. Quân ta từ xưa đến nay, tung hoành thiên hạ, được tiếng là quân bách chiến bách thắng, lỡ ra khốn ở đây thì còn mặt mũi nào về Trung Quốc nữa, các nước phiên hầu còn coi ta ra gì?

Hoan hỏi:

— Ba quân nguy ra sao?

— Quân ta đóng ở xa, đường vận tải khó khăn, việc tiếp tế lương thực rất đổi nhiều khê. Hiện nay lương thực cạn hết, mà bao nhiêu mùa màng quân giặc đã phá hết cả, quân ta chỉ còn trông vào sự cướp bóc trong các làng xóm, ngoài ra thì một phần lớn là đói cả, ấy là mối nguy thứ nhất. Quân đói quá, không tìm đâu ra miếng ăn, đã phải bắt cả chuột đem ăn, ăn uống kham khổ, lại thêm mùa hạ nóng nực, lam sơn chướng khí, bệnh dịch tả phát sinh, mới có dăm hôm nay mà đã có bốn trăm nghìn người chết, đó là mối nguy thứ hai. Quân của Toa Đô nguyên sùỵ đánh Nghệ An mãi không đổ, ta chỉ đợi hết xuân là xong cả, vậy mà ngày nay, đã phái Ô tướng quân vào giúp mà vẫn không đánh đổ; quân ta chỉ lợi ở đánh nhanh, những việc hành binh chậm chạp phần nhiều là có hại cho ta cả, đó là mối nguy thứ ba. Đó là ba mối nguy chính, ngoài ra còn nhiều tiểu tiết nữa. Điện hạ là bậc thông minh, có xét đến thì sẽ nhận ra ngay.

Hoan nói:

— Sao tướng quân đợi đến bây giờ mới nói cho ta biết?

— Đó là lỗi của ở tiểu tướng, tiểu tướng xin chịu chết. Chỉ xin Điện hạ mau mau thân ra coi việc

quân thì mới có cơ cứu vãn được tình thế. Tiều tướng đầu chết cũng không oán hận.

Tiếp rút kiếm định tự vẫn. Hoan gạt đi, cảm động vì lòng chí thiết và hy sinh của người tướng trảm nghị nhất trong quân mình. Hoan cầm tay Tiếp và nói:

— Lỗi ở ta cả. Ta có hỏi tội tướng quân đâu.

Hoan tự trách mình nhu nhược. Đã có mấy lần nghĩ đến, nhưng cứ coi thường, và cứ để nay lần mai lửa đến cái kết quả tai hại ngày nay.

Hoan sóng vai cùng Phàn Tiếp ra ngoài cửa cung, đi thăm quân sĩ. Hoan đã đem chút nhiệt tình cho mọi người, nhưng chàng đã nhận thấy một cách lo ngại về một nhọc uể oải, trên những nét mặt hốc hác xanh xao. Đâu đâu cũng hiện ra vẻ chán nản gần thành thất vọng. Quân sĩ ốm yếu nhiều không biết thế nào mà kể và những xác chết khiêng ra nhiều kẻ có hàng trăm, và những người hấp hối kêu rên nghe thảm thiết. Mắt người nào cũng ngơ ngác sợ hãi, đợi chờ cái bệnh khủng khiếp đến lôi đi. Họ, những chiến sĩ vinh quang thường làm chúa trên sa trường! Thà họ được chết dưới mũi tên hòn đạn! Một mùi hôi thối, nồng nực xông ra khắp mọi nơi. Dưới ánh sáng của ngọn đuốc dẫn đường, Hoan đi suốt các trại, hỏi han, an ủi quân sĩ, và gọi các thầy lang trong quân phải trông nom bệnh nhân chu đáo. Thấy nét mặt chủ tướng, quân sĩ thấy đều phấn khởi: những kẻ hấp hối còn nhoèn miệng cười bằng lòng. Hoan chợt thấy thương hại quân sĩ, lênh đênh nơi đất khách quê người, đi tìm chút vinh quang, bỗng phải chết một cách vô cùng tủi nhục!

Hoan buồn rầu, nén sự ghê tởm, biết bệnh truyền nhiễm rất mạnh, mà cũng không từ nguy hiểm, tự cho rằng sức mạnh tinh thần của mình có thể thắng được bệnh gớm ghê kia. Hoan về, cầm tay Phàn Tiếp và nói:

— Ta hỏi không nghe Ô tướng quân tiến binh, để đến nỗi này, nếu có làm sao, thì còn mặt mũi nào trông thấy Phụ hoàng nữa? Tướng quân là người trung nghĩa, lại cẩn thận, nên giúp ta việc này: trước hết phải để những quân còn lành mạnh ra ở chỗ riêng, còn những người có bệnh ở một chỗ riêng; sau thì phải chôn cất cho kín, giấu quân giặc, kéo chúng hay tin thì bất lợi cho quân ta. Liệu Quốc Tuấn có biết không?

— Bẩm Điện hạ, Quốc Tuấn chỉ lừa ta đến nước cờ bí này, dù giấu cũng không được. Cứ như ngu ý, ta cần phải tiến binh ngay, đánh tràn đi, họa may mới có cơ cứu vãn tình thế. Chỉ hiềm...

— Quân sĩ đói khát, xem ra không mấy người còn sức phấn đấu nữa. Người nên chọn những quân sinh lực đợi ta phát lạc.

Hoan định không trở về cung Cảnh Linh, nhưng ngẫm nghĩ một hồi, vẫn quyến luyến An Tư, lại đánh ngựa vào. Bấy giờ đã gần sáng, cảnh vật yên tĩnh, tứ phía không một bóng, không một tiếng người, mà trời oi như lò lửa khó chịu vô cùng. Lòng Hoan rối như canh hẹ, lại thêm khí hậu nóng nực, người chán nản và óc mỗi mệt. Hoan không nghĩ ra một cách gì đối phó với tình thế. Mặt Trần Nam Vương ngẩn ngơ như một kẻ mất hồn. Giữa cái hỗn độn của tư tưởng, Hoan thấy hiện cả cái ý định giết An Tư để được yên chí lo việc quân. Tuy quân sĩ không nói ra, nhưng có một cái chắc chắn là không mấy người bằng lòng An Tư, tuy họ vẫn ngưỡng mộ sắc đẹp của nàng. Hoan xăm xăm trở về Cảnh Linh cung, tay cương quyết nắm chặt đốc gươm.

Gần đến cửa Thái Thanh, chợt nghe có tiếng giọt nước trên hồ Ngọa Thiềm. Hoan dừng bước lại. Nấp sau một bụi cây trông vào. Dưới ánh sáng tối xanh của đêm tàn, một cảnh tượng vô cùng huyền ảo hiện ra. Không một chút gió, trời oi như một cái hầm. Cây cối chung quanh hồ như im lặng, say sưa nhìn một mỹ phẩm của hóa công. Trên bậc đá hoa ăn xuống hồ, nàng xỏa tóc, khỏa thân trắng như tuyết, đang cầm gáo gội lên vai tròn trặn. Nước chảy trên mình như một làn lụa mỏng, che mờ màng người ngọc và cả vẻ đẹp trong sáng, lặng yên, mềm mại và khêu gợi lộ ra với những đường cong như nặn, cánh tay như bột, đôi ngọc nhũ đương cương, chiếc quần lụa mỏng không đủ che thân dưới nhường thốc mách với mắt thêm thòu chổ sâu kín, mờ hồ và đẹp nhất của người mỹ nữ đương tợ.

Dáng nàng vội vã. Trong khoảnh khắc, nàng đã thay quần áo và chạy vào trong cung Cảnh Linh. Hoan ngậy người nhìn mãi vào chỗ bậc đá còn phảng phất bóng tiên nga. Từ hai tháng trời, nay là buổi đầu

tiên Hoan được ngắm nàng trong toàn thịnh của mỹ miều và nảy nở, trong vinh quang của thân hình ngà ngọc, tràn trề nhựa sống, tràn trường và e lệ hiện lên như trong giấc mơ màng. Hoan thở dài, qua cổng Thái Thanh, trèo lên cầu, trời đương oi bức, mà hương thừa của mỹ nữ quanh quất bên hồ mơn mớn giác quan trắng sứ như một luồng gió mát. Hoan vén màn, chạy thẳng đến giường An Tư, và tê liệt bên nàng công chúa dịu dàng, mát mẻ thơm tho...

An Tư đã tỉnh dậy, thân tuyệt phẩm còn đang mang dấu vết những dục vọng đã man và điên cuồng của Thái tử nhà Nguyên. Cổ tròn trắng như tuyết của nàng còn phập phồng vì then thùng, đau đớn và tức giận. Nàng ngắm nhìn kẻ thù nằm bên mình, chỉ định vớ lấy kiếm đặt trên bàn đầu giường kết liễu đời Thoát Hoan trước rồi đời mình sau. Nhưng nàng thở dài không dám; không bao giờ nàng thấy trọng thân như trong khắc ấy.

Mùa hè đã tới, và đây đã bước sang tháng oi bức của cái mùa khó chịu nhất phương Nam. Cái ngày chờ mong đã tới, vậy mà tháng tư đã qua, không có một tin tức gì về quân nhà cả. Lo cho quốc gia cũng có, mà lo cho chính thân nàng thì nhiều. Rồi đây ra sao? Nếu cứ kéo dài mãi cuộc đời mãi dâm bên mình tướng Mông Cổ? Đã hai tháng bị giày vò, thân nàng ê chề, nhơ nhuốc. Nàng không có một hứng thú gì, ngoài những lúc cuồng mê của xác thịt trong những cuộc ái ân vô độ và điên cuồng của người đàn ông đã làm chúa tể thân thể nàng. Nàng cố đem những lời cao thượng của Chiêu Thành Vương, khi nàng cùng chàng từ biệt ở Thanh Hóa để an ủi mình, thân tuy nhơ, lòng nàng vẫn không bội, nhưng nàng cảm thấy cái ý tưởng ấy không sao đứng vững được, và mỗi ngày, càng tụt sâu xuống dốc trụy lạc, nàng cảm thấy buồn chán và như mang tội với tình lang.

— Thôi thế là hết. Ôi vương gia, chàng bắt ta chờ, có biết đâu để ta mang nặng mãi nỗi ê chề đau đớn? Ôi vương gia, ôi vương gia, tình ta đã chết, duyên ta đã vỡ, hẹn nhau đến kiếp tái sinh thôi.

Nàng đã bao nhiêu lần khóc thầm trong vụng trộm. Và cũng đã nhiều lần Thoát Hoan bắt gặp. Hoan đã một lần uống hàng lệ mặn và bảo nàng:

— Công chúa làm sao lại âu sầu làm vậy? Ta không bỏ công chúa đâu. Ta trông công chúa hôm nay, không khác chi nàng Lý Thị khóc buổi gia vong quốc phá. Nhưng công chúa đẹp hơn Lý Thị nhiều. Công chúa ở với ta không mất cái gì cả, việc không đáng âu sầu, sao công chúa lại phải âu sầu.

Và từ đây Hoan càng chiều nàng, và có thể làm được cái gì, Hoan đều chuẩn y những điều thỉnh cầu của người đẹp. An Tư không lấy thế làm vui. Tựa như con chim bạch yến được nuông chiều nhưng lúc nào cũng nghĩ đến tổ ở rừng xa, chỉ đến lúc sổ lồng là bay thẳng về chốn xưa quen thuộc. An Tư không sao quên được cuộc đời mà nàng chịu ép một bề, và cũng không sao quên được cái tình thâm trọng đối với Chiêu Thành Vương, tình muôn thuở, thiêng liêng, đã chiếm đoạt cả linh hồn lẫn xác thịt nàng, đã ăn vào những thói sâu kín của người nàng, đã đào một luống sâu cho bánh xe nàng đi, không bao giờ chệch ra được nữa.

Gió nồm đã thổi, gió tây đã hun, nắng vàng đã gắt, mưa rào đã sang và con chim tu hú đã gọi hè; bao nhiêu sự đổi thay của trời đất, mà sao vẫn thấy biết vô âm tín? Nghe đâu quân Mông đã uể oải, bệnh dịch đã phát sinh, giờ báo phục đã hiệu mà vẫn không thấy một bóng quân nhà. Quốc công có sai hẹn bao giờ đâu? Cái chiến thuật của Quốc công đã rõ, không có lẽ nào Quốc công mà nàng tin phục lại để lỡ cơ hội này. Đã có lúc nàng muốn báo tin cho quân nhà biết tình thế quân giặc, nhưng không có cách nào. Rồi đợi mãi, mà chiếc thân mỗi ngày một nhục nhã, nàng sinh lo, nàng thất vọng, thất vọng cho quân nhà. Hay quân ta đã thua bại ở Nghệ An? Và Chiêu Thành Vương biết đâu không bỏ thân ở một chiến trường nào?

An Tư thiếp đi trong những suy nghĩ miên man và nỗi lo âu đè nặng. Khi tỉnh dậy, mồ hôi nàng ướt như tắm, và người nàng khó chịu một cách lạ lùng. Lẳng tai nghe ngoài cung chỉ thấy tiếng ồn ào của bữa tiệc mà Thoát Hoan thết tướng sĩ. Dần dần tiếng nói cười cũng im bật, canh khuya yên tĩnh như trời sao. Gần đến sáng cũng không thấy Thoát Hoan về, nàng đồ rằng Hoan có việc quân cần kíp, và sẽ không vào Cảnh Linh cung nữa. Không sao chịu được và cũng không muốn phiền đến bọn cung nữ lấy nước tắm, nàng se sẽ ra hồ Ngọa Thiêm, trông trước trông sau, không có bóng người, mới cởi xiêm y

giội vài gáo nước trông lây mát, rồi lại vội vã chạy vào trong cung. Nỗi lo phiền rạo rức, nỗi đau đớn hoài nghi của nàng cũng dịu đi được một vài phần. Nhưng đương phút êm ả tạm bợ trong lòng, người nàng cũng nhẹ nhàng trong bộ quần áo lụa mới thay, nàng thiu thiu ngủ, thì Thoát Hoan trở về, lôi kéo nàng vào trong cơn dục vọng dã man, ô uế và hung tợn.

Mỗi một quá mà không ngủ được, đầu rức, chân tay buồn bã, An Tư lúc bấy giờ thực có ý tưởng mãnh liệt muốn quyên sinh; nàng chỉ còn tự ngăn được vì lời nàng đã hứa đợi chờ Chiêu Thành Vương, trong phút giây lâm biệt. Nàng đoái lại nhìn Thoát Hoan, thấy nét mặt có phần hốc hác, nước da cũng hơi xanh xanh, đây là tình cảnh của một viên tướng mà quân Nguyên vẫn tôn phục là xương đồng da sắt có thể chịu đựng được hết những vất vả và thống khổ trên đời mà không biết nhọc và động tâm. Nhìn kỹ người ngoại quốc, An Tư chợt thấy có cái vẻ gì như lo sợ không yên, và cái mặt lạnh lùng nham hiểm ấy trên môi có điểm một vết đau thương. Không bao giờ, từ hai tháng nay, An Tư lại nhận thấy sự thay đổi trên nét mặt Trần Nam Vương như thế.

Nàng có chút vui mừng. Dầu chẳng có tài phi thường như Tây Tử, An Tư cũng được chút an ủi như đã gây được sự suy đồi rõ rệt kia. Và bỏ những ý nghĩ lo phiền và hoài nghi vô căn cứ, nàng bước xuống giường, sai thị nữ đem nước thơm để nàng tắm gội theo lệ ngày thường. An Tư cho đây là một cách rửa gột nhuốc nhơ, trong suốt thời kỳ chờ đợi người anh hùng tình nặng...

Thoát Hoan hôm ấy mệt quá, mãi đến trưa mới ra coi việc quân. Hôm ấy bệnh dịch lại càng dữ, người chết gấp hai hôm trước, và luôn hai hôm sau chết có đến hàng vạn quân. Thoát Hoan lo nghĩ, lại thêm lương thực cạn hết, trừ các tướng còn đủ ăn, quân sĩ thì thiếu thốn rất nhiều. Ngóng chờ thì lương thực chưa tới. Vào các làng mạc, dân gian không hề một thứ gì, trâu bò lợn gà, ngô thóc khoai đậu cho đến các thứ hoa quả đều hết cả, thậm chí quân Nguyên phải giết ngựa đem ăn. Mà ngựa cũng gầy yếu. Mấy mươi vạn ngựa không có đủ cỏ ăn, chỗ nào cỏ cũng bị dân ra cắt hết hay đốt cháy sạch, đã đem mấy trăm người cắt trộm như thể hành hình để thị uy mà vẫn không sao trừ tiết được cái nạn ấy. Quân Mông Cổ vốn trọng cỏ, thờ cỏ như một vị thần, vì cỏ nuôi sống ngựa là súc vật tùy thân của họ trên đường trường, nên tin tưởng rằng chỗ nào có cỏ là thắng, chỗ nào thiếu cỏ cho ngựa ăn là thua. Vì thế, lại thấy ngựa chết đi nhiều, họ đâm nản thêm, và thất vọng lan dần quân sĩ.

Bệnh dịch mỗi ngày một hoành hành, tính ra có nửa tháng trời, chết năm sáu vạn người, Thoát Hoan lo nghĩ, không biết dùng mưu gì, muốn tiến binh, thì quân sinh lực chỉ còn mười vạn, mà khắp nơi có những cuộc dân gian âm mưu nổi loạn. Quân sĩ lại càng xao xuyến, Thoát Hoan phải đem chém mấy chục người để làm gương mà vẫn không yên.

Lại gặp một trận bão lớn nhất từ xưa đến nay, ròng rã bốn năm hôm trời, quân sĩ không đi đâu được để tìm lương thực, ro ró nằm trong trại nhìn trời mưa mù mịt, bão cuốn tung trời, suốt cõi kinh thành như chìm dưới biển nước, nỗi buồn của khách sa trường càng thêm thấm thía và nỗi tư hương trong những ngày dài dằng dặc, không có việc gì nên nặng nề xâm chiếm lòng chiến sĩ mạnh mẽ đến nỗi họ đều có ý tưởng muốn lui binh và bàn tán lẫn nhau:

— Nước Nam nhiều vượng khí, chưa chắc đã lấy được đâu. Chính Ô tướng quân anh hùng là thế, mà độ trước thấy một tên sứ giả của chúng đối đáp cứng cỏi, cũng phải cảm phục và khen nước Nam nhiều người tài chưa dễ đánh được nữa là.

Sau trận bão, tuy được dễ chịu hơn đôi chút trong một hai hôm, nhưng lại nắng gắt ngay, người chết vì bệnh dịch vẫn nhiều và quân sĩ càng thêm suy nhược. Cũng vừa lúc ấy, thì một tin như sét đánh làm chấn động hết cả quân Nguyên. Toa Đô thua lớn ở Hàm Tử Quan, quân sĩ chết có hàng vạn, binh thuyền mất cả hàng trăm, đạo quân ấy đã bị hãm vào một tình thế nghiêm trọng; đồng thời Trần Quang Khải kéo đại đội chiến thuyền đã ngược sông Nhị Hà kéo lên, tướng sĩ người nào cũng thể thu phục Thăng Long, khí thế rất là mạnh mẽ.

Hoan triệu tập tướng sĩ bàn kế chống cự. Phan Tiếp nói:

— Quân giặc đi vòng từ Thanh Hóa về đây, đường trường vất vả, cứ như ngu ý, Thái tử nên đợi cho binh thuyền chúng đến gần, dĩ dật đãi lao, ắt là được trận.

Thoát Hoan nghe lời, sai Phàn Tiếp, Áo Lỗ Xích, Tích Lê, Cơ Ngọc, dẫn chiến thuyền ra phục ở bên Chương Dương đợi quân Trần Quang Khải.

Bấy giờ quân Chiêu Minh Vương đã qua cửa Nam Triệu, vào sông Thái Bình, sang sông Nhị Hà, thuyền đi vun vút như tên bay. Quân sĩ thực sống như một ngày hội, tiếng ca hát tung bừng. Trước khi lên đường, họ đã thề độc:

— Kẻ nào lùi một bước, thì ba họ tiết diệt, con cháu muôn đời không sao mở mày mở mặt được...

*(***) Mất một đoạn trong bản thảo. BS.*

Và dân quân và binh tướng của triều đình, hòa hợp dưới quyền chỉ huy khôn khéo của Chiêu Minh Vương, tiến thẳng về phía Thăng Long, kể có hàng nghìn chiến thuyền, hàng mười vạn người, cờ rong trống mở, đèn đèn đèn đuốc sáng trưng, tướng sĩ ca hát vang lừng, hoặc bài “Nam quốc sơn hà”, hoặc bài “Việt Vương Câu Tiễn”, hoặc những câu trong bài Hịch Tướng sĩ; đọc đến những câu “Nhu hà nghịch lỗ lai xâm phạm, Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”, hay “Tráng sĩ hoàn gia tận cảm y”, đoàn anh hùng thấy hợp cảnh hợp tình lại càng sảng khoái, gõ mạn thuyền lách đi lách lại như một điệp khúc, ý tứ rất hào hùng. Thuyền như lá tre, quân đông như kiến, thanh thế rất là lừng lẫy. Tin ấy báo về Thăng Long, quân Mông Cổ xao xuyến nao động cả lên. Thoát Hoan suốt đêm ngày ở trong quân bàn kế chống giữ, không có lúc nào rảnh việc về Cảnh Linh cung. Và An Tư cũng mong manh tin quân nhà sắp tới, lòng nàng hồi hộp, nửa tin nửa mừng nửa thẹn, lại lo cho quân nhà, lo cho tình lang, nàng đứng ngồi không yên, muốn sai thị nữ đi thì chúng không tin được, muốn tự mình ra đi thì không có cách mà ra lọt. Nàng nóng ruột nhưng vẫn phải cố trấn tĩnh để khỏi lộ tình ý. Đây là giờ giải phóng cho dân tộc, đây là giờ giải phóng cho nàng. Không có cách gì hơn là cầu trời khẩn Phật phù hộ cho quân tướng triều đình, nàng tâm tâm niệm niệm trong lòng cầu nguyện. Nhưng thỉnh thoảng nghĩ đến số phận mình nhơ nhục, nàng lại tự hỏi:

— Ta có nên sống không? Có nên đem cái thân thất tiết, hôi tanh dâng hiến khách anh hùng? Không gì hơn là nói rõ thực tình cho chàng nghe, rồi từ tạ cuộc đời cho xong một kiếp vô duyên.

*(***) Mất một đoạn trong bản thảo. BS.*

Mất nàng giàn giụa, thồn thức một mình, rồi ren trong đau đớn:

— Vương gia hỡi! Cầu trời Phật độ trì cho vương gia.

Nhưng nàng lại thoáng thấy vương tử cười trước mặt, cung Cảnh Linh vẫn yên tĩnh và đêm vẫn bình thường. Nàng lầy lẹm sao nàng lại có những ý nghĩ gở như thế trong khi không điều chi đáng lo ngại. Nhưng nàng chỉ yên lòng được một lúc, rồi tinh thần lại hoảng hốt như cũ.

Và trong lúc ấy thì binh tướng và dân quân của Chiêu Minh Vương tiến gần đến bến Chương Dương. Quân sĩ hoan hô như những khách trẩy hội đã đến đất thiêng liêng. Bấy giờ là đêm mùng chín tháng năm. Trần Quang Khải mật gọi Chiêu Thành Vương và Hoài Văn Hầu nói:

— Quân sinh lực của Thoát Hoan là ở cả bến Chương Dương, ta thân dẫn chiến thuyền cùng giặc tử chiến ở đây. Phá xong binh thuyền giặc, ta sẽ cho quân đổ bộ tiến vào Thăng Long, Thoát Hoan tất đem quân ra cự địch, em và cháu hãy đem quân lên bộ ngay đây, ăn vận giả trang, tới phía nam kinh thành phục sẵn ở đây, đợi khi Thoát Hoan ra thì dẫn quân đánh vào thành, ta ở Chương Dương đánh lên, hai chú cháu ở kinh thành đánh xuống, quân giặc thế nào cũng vỡ.

Hai tướng vâng lệnh, dẫn quân bản bộ và một vạn dân quân liên hiệp, ăn mặc giả trang tản mát đi, hẹn cùng tiến về phía nam kinh thành. Chiêu Thành Vương rất khâm phục cái thâm ý của Chiêu Minh Vương: Quang Khải muốn dành cho chàng cái công đầu vào thành để cứu công chúa. Lại cho chàng cái đặc ân được đánh bên Hoài Văn Hầu: người đương thời ai cũng khen hai chàng đánh giỏi và nhanh, và nếu cùng tiến binh bên cạnh nhau, thì thường thu được sự toàn thắng. Hai người thanh niên ấy đã ăn ý nhau và thỏa hiệp với nhau về cách tiến binh hăm trận.

Sau khi hai tướng đi rồi, Quang Khải hỏi mọi người xem ai tình nguyện lĩnh tiên đội xông vào trại giặc, lại nói:

— Binh thuyền giặc rất nhiều, quân giặc ở Chương Dương toàn là quân tinh nhuệ, phá được quân

giặc ở đây, thì việc khôi phục Thăng Long đã xong một nửa. Ta phải tử chiến ở đây, một là còn hai là mất; đây là ván cờ quyết liệt, ta dốc toàn quân đánh trận này. Thành công hay không là ở các người vậy. Nay ta đã trữ những đồ dẫn hỏa trong mười chiếc thuyền, cần nhất là phải có người cảm tử dẫn mười chiếc thuyền ấy đến sát thủy trại của giặc, tung lửa đốt phá, mới mong thủ thắng được. Các người còn nhớ trận Trung Vũ Vương hỏa công phá thuyền giặc ở bến Đông Bộ Đầu, ta cũng phải đánh như ông cha ta mới được. Ai dám vì ta lái mười chiếc thuyền dẫn hỏa kia.

Tráng sĩ tranh nhau xin nhận công việc nguy hiểm ấy, kể có hàng ngàn người. Quang Khải chọn lấy năm trăm tráng sĩ cho họ xuống thuyền, rồi sai nổi hiệu trống tiến quân. Quang Khải bẻ một mũi tên the rắng:

— Nếu tôi lùi một bước, xin chết như mũi tên này.

Rồi cho người đi loan báo khắp ba quân việc ấy, mọi người đều nói:

— The chết thì thôi, không lùi một bước.

Ngon cờ ngả về đằng trước. Trống trận nổi lên, tiếng ca nổi lên, thuyền vun vút như lá tre tiến về phía Chương Dương. Bấy giờ đã mờ mờ sáng ngày mùng mười tháng năm. Tiếng ca của đoàn tráng sĩ vừa dứt; xa xa mập mờ đã thấy bóng thuyền giặc. Mười chiếc thuyền cảm tử đi đầu. Một tiếng nổ kinh thiên động địa, tức thì từ thuyền Mông Cổ súng đại bác bắn ra như mưa, khói bốc lên mù mịt. Trong nháy mắt hai thuyền dẫn hỏa của Chiêu Minh Vương đã chìm dưới đáy sông. Đạn rào rào lướt qua các mũi thuyền, tráng sĩ tối tăm cả mắt mũi, nhưng trông xa mập mờ vẫn thấy lá cờ lệnh ngả về đằng trước. Thuyền vẫn tiến lên, mặc dầu những mũi, những cột buồm bị tàn phá đổ gãy, thuyền trông trắng trẻo như sắp ụp. Lắng nghe trong bão đạn, có tiếng hô:

— Tiến lên, anh em ơi! “Sát Thát”, anh em ơi! Tiến lên! Quân giặc thua đến nơi rồi.

Người ta thấy thuyền Phạm Ngũ Lão vượt lên trước. Ngũ Lão tay cầm cờ, mình đeo kiếm, đứng trước mũi thuyền, nghiêm nhiên như không, mặc đạn bắn vượt qua hay rơi chung quanh. Đoàn quân của Ngũ Lão tiến theo chủ tướng, sau đó thì đến đoàn dân quân của Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Chuyên hai anh em. Say mê như người uống rượu không tự chủ được, quân các đạo rầm rộ tiến sang. Lá cờ lệnh vẫn ngả về đằng trước. Tiếng ca hoàn toàn hết, chỉ còn tiếng reo hò hăm trận và tiếng đạn gào, tiếng tên bay như rít bên tai. Ba chiếc thuyền cảm tử đã chìm, những tráng sĩ lóp ngóp bò lên. Một chiếc nữa phát hỏa, bốc lên và đã sát đến hàng đầu thuyền giặc. Trong lửa bốc, người ta nhận thấy những chiến sĩ bị thiêu xém cả râu tóc, và cháy cả áo quần. Thuyền ấy đã lao cả vào thuyền giặc, lửa bốc lên ngàn ngút, và một chiến sĩ nhảy tót lên thuyền mới cháy, vung kiếm sáng đánh quân thù. Nhưng một ngọn giáo lao trúng ngực, chàng đã ngã lặn xuống nước. Bốn chiếc thuyền dẫn hỏa sau đã tới, chỉ trong nháy mắt, hàng thuyền đầu của giặc cháy bùng lên, cả khúc sông cũng đỏ rực, và lửa chạy tung hoành trên mặt sông.

Quân Nam reo ầm lên:

— Thuyền giặc cháy rồi. Tiến lên anh em ơi!

Gió nồm lại trợ lực cho quân mình. Chiêu Minh Vương nói:

— Ba quân cố gắng một phen. Trời đã tựa ta, nổi trận gió nồm, ba quân đừng phụ lòng trời. Dịp may có một, ta đừng để lỡ.

Tráng sĩ reo hò ca tụng Chiêu Minh Vương, khắp các thuyền nổi lên câu:

— Anh em xin tận lực.

Tiếng “Sát Thát” nổi vang lên. Thuyền giặc cháy lan sang nhau, và năm chiếc thuyền con cảm tử len lỏi giữa hạm đội quân thù, dần dần đã chìm hết, và năm trăm quân tiền đội chỉ còn độ dăm chục người, còn cố tung những đồ dẫn hỏa vào các thuyền địch khác. Lửa cháy sáng rực cả một góc trời, cột buồm, thừng chèo, cờ quạt, dần dần đổ rãng rạc, tàn bay theo gió đưa xa.

Phàn Tiếp sợ lửa cháy bén sang đại đội chiến thuyền mình, bèn hạ lệnh cho hạm đội lùi xa những thuyền đã cháy. Quang Khải nhận rõ cử động của địch, gọi Phạm Ngũ Lão nói:

— Đây chính là lúc giặc đang rối loạn, ta đánh tất là được. Tướng quân dẫn binh thuyền, vượt đoàn

thuyền cháy sầm vào giữa hạm đội giặc, ta đem đại binh tiến sau.

Phạm Ngũ Lão vâng lệnh, chia thuyền làm ba đạo cùng anh em Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Chuyên kéo thuyền qua khúc sông đang cháy rực trời, xông vào đánh đại quân của Phàn Tiếp. Quân Nguyên đang lúc hoang mang, không kịp chống đỡ, quân Nam thừa thế đánh sang. Trông thấy Phạm Ngũ Lão, người địch thủ của Toa Đô, Ô Mã Nhi, quân giặc thất kinh, không đánh mà lui, hỗn loạn đã gần hoàn toàn. Ngũ Lão đứng giữa, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Chuyên hai bên, hô quân xông lên chém giết. Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc liều chết xông ra chống cự cùng ba tướng. Thuyền của hai bên đã lẫn lộn cung nhau, tráng sĩ giáp lá cà, ánh kiếm sáng lòe, đầu văng tung tóe, binh khí cờ quật đồ ngùn ngụt. Quân Nam đánh hăng quá, người trước chết thì người sau tiếp theo, trong lúc giao tranh ác liệt, quân Nguyên bỗng thấy quân nhà Trần nhiều không biết bao nhiêu mà kể, mà mỗi một chiến sĩ sức khỏe tưởng gấp đôi. Phàn Tiếp không địch nổi Phạm Ngũ Lão và hai anh em Nguyễn Khả Lạp và Nguyễn Chuyên cũng trở hết thần uy, giao chiến với Tích Lệ, Cơ Ngọc, hai danh tướng nhà Nguyên không sao hạ được hai người đứng đầu đoàn quân nghĩa dũng ấy. Thuyền giặc mỗi lúc mỗi lùi xa, và trời đã sáng từ lúc nào. Nắng gắt rất là khó chịu. Xa xa, đoàn thuyền cháy vẫn bốc lên rừng rực, và từ chỗ ấy đến thuyền Phạm Ngũ Lão, chiến thuyền của Trần Quang Khải vẫn kéo sang, đông không biết thế nào mà kể, cờ bay phát phới, chiêng trống vang lừng, bội phần thanh thế.

Nắng lên, quân Nguyên Mông phần thì mệt mỏi, phần thì hốt hoảng, không còn hăng hái đánh nhau nữa. Mà quân Nam càng đánh càng hăng. Phạm Ngũ Lão hét lên một tiếng, trở hết sức bình sinh, nhảy sang thuyền Phàn Tiếp, Tiếp không sao chống cự nổi, chạy vào trong khoang, quân các thuyền tưởng chủ tướng đã chết, kinh tâm thất đảm, không còn hồn vía nào, đổ xô nhau chạy trốn. Hỗn loạn thực là hoàn toàn. Quân Nam thừa thế tràn sang, quân Nguyên tan vỡ. Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc, chạy được thoát thân. Bảy giờ anh hùng đánh hăng quá, quân giặc tưng thế chạy cả lên bờ, bao nhiêu chiến thuyền đều bị mất vào tay quân Chiêu Minh Vương. Xác trôi trên sông nhiều không biết bao nhiêu mà kể cho hết. Trận thắng thực là hoàn toàn.

Chương VIII

Thoát Hoan đã cùng đại tướng là A Bát Xích, Áo Lỗ Xích và tỳ tướng là Lý Hằng, Lý Quán khởi hết quân trong thành ra để giữ Thăng Long, và ngăn không cho quân Chiêu Minh Vương lên bộ. Vương cười và nói:

— Thoát Hoan trúng kế ta rồi. Mươi Thoát Hoan cũng không ngăn nổi ta chứ đừng nói một Thoát Hoan. Chầy ra là đêm nay, ta cùng ba quân uống rượu mừng ở kinh thành.

Vương truyền đổi tiền đội là hậu đội, và nói:

— Nay đến lượt trung quân và hậu quân lập công.

Các tráng sĩ dạ ran. Trời nóng như lửa thiêu, mọi người đều đổ mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Mặc dầu quân Thoát Hoan sắp tới, Chiêu Minh Vương cũng cho quân lên bộ và truyền:

— Trận này mà thua thì trận Chương Dương thật uổng. Xin ba quân cố sức cho. Sau lưng là sông, trước mặt là giặc, tiến lên là sống, lùi lại là chết. Thành công ở cả trận này, ba quân nên cố gắng.

Quân dân nhất tề lên bộ, ngựa giam đã lâu dưới thuyền được thả ra, vui mừng hí vang trời. Quang Khải nhảy lên mình ngựa, phi đi khắp cơ đội dặn dò mọi người. Ngọn cờ Phục quốc, Sát Thát vẫn tung bay dưới bầu trời buổi trưa xanh biếc, không một bóng mây âm. Quân đang lên bộ thì Thoát Hoan ập tới. Quân dưới thuyền bắn tên ra tua tủa để hộ vệ quân đang lên. Thoát Hoan cùng A Bát Xích, Áo Lỗ Xích và các tỳ tướng mặc tên bắn, hô quân đánh xuống. Quang Khải cũng phát cờ cho quân đánh lên. Phạm Ngũ Lão té ngựa đi đầu, quân sĩ hò reo theo lên, xông thẳng vào chỗ Thoát Hoan đứng chỉ huy, thế như hổ nhảy. A Bát Xích, Áo Lỗ Xích té ngựa lại ngăn cản. Ngọn giáo múa như bay, Ngũ Lão một mình chống cự với hai tướng, đang lúc hăng hái, sức chàng tăng gấp bội. Chỉ trong nháy mắt, một mũi thương đâm trúng Áo Lỗ Xích, mặt trận hở ra, các tướng Nguyên xúm lại, nhưng không một người nào chịu được sức khỏe thiên thần của người tráng sĩ. Ngũ Lão hét quân xông lên, ở sau Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Chuyên thúc quân đánh rát, hai bên hỗn chiến, gươm giáo mù mịt, tiếng reo hò vang động cả một vùng. Phạm Ngũ Lão đi đến đâu giặc tan ra đến đấy, quân Nguyên chết như rạ, và một mình Ngũ Lão đã chuyển được tình thế bất lợi của quân nhà thành một tình thế thuận tiện. Quân dưới sông đã dần dần lên được hết, lẫn xả cả vào quân thù. Cứ người nọ tiếp người kia, lớp này đến lớp khác, mạnh hơn sóng biển, ào ào như gió họ không sợ nhảy vào chỗ chết. Quân kỵ của Thoát Hoan cũng không sao tiến lên được trên vũng lầy người ấy. Người thì nhảy xô lên chém giặc, người thì lao thân vào chặt chân ngựa, họ say sưa trong phấn đấu không còn tiếc gì đến thân. Khi thì lớp sóng Thoát Hoan dềnh xuống, khi thì lớp sóng quân Nam nhô lên, suốt từ trưa đến chiều hai bên đánh nhau cực kỳ khốc liệt. Mặc dù quân Nam liều chết, cũng chưa chọc nổi chiến thuyền của Thoát Hoan.

Hai bên đương cầm cự nhau, thì một tin đột ngột đến làm cho Thoát Hoan thất kinh: Bấy giờ Chiêu Thành Vương và Hoài Văn Hầu đến sát chân thành, lừa lúc Thoát Hoan ra khỏi, nổi hiệu đánh vào. Trong thành duy còn có một vạn quân, đặt dưới quyền chỉ huy của tướng A Thích. Quân Nguyên không dám khinh chiến. Trên mặt thành, họ đặt súng đại bác và nỏ cứng nhất tề bắn xuống rào rào không lúc nào ngừng. A Thích cười ngựa đi đi lại lại trên mặt thành chỉ huy quân sĩ:

Các tráng sĩ ta bảo nhau:

— Trước kia nghe tiếng súng đại bác của quân giặc sao mà sợ thế. Bây giờ, quái lạ, không coi ra mùi mè gì cả.

Lá cờ Tinh Cương và lá cờ sáu chữ dựng cao. Đây đã đến mục đích mà chàng theo đuổi từ mấy tháng nay, Chiêu Thành Vương bỗng cảm thấy trong lòng một nỗi buồn không duyên cớ. Chàng quay lại nhìn đoàn dũng sĩ trung thành của chàng, chàng nhớ rành rọt từng cái tên, những dáng điệu cử chỉ của họ, cả lúc chết của những người bạn đường; trong óc mình mãi lạ thường của chàng họ lần lượt hiện lên, tươi cười quyến luyến, không sót một người nào. Trong số hai nghìn quân bản độ, chết đã quá nửa rồi,

chàng bỗng thương những người còn sống sót mà lòng nhiệt thành với vua với nước với chủ tướng, vẫn vẹn toàn như xưa. Chàng nhìn hết mọi người một lúc lâu, mỉm miệng cười với mọi người, mắt chàng bỗng đượm một vẻ buồn kỳ lạ. Có tiếng Hoài Văn Hầu:

— Đánh chứ, chứ?

Vương giật mình, chàng bỗng ghen với người thiếu niên kia, và ghen cả với sáu trăm trai tử đệ của Trần Quốc Toản. Trông toàn đội, từ Hoài Văn Hầu trở xuống, họ mới nhanh nhẹn, họ mới vui vẻ, họ mới hồn nhiên biết bao.

Nghe Hoài Văn Hầu hỏi, Chiêu Thành Vương gắt:

— Hầu đánh trước đi.

Ai cũng lấy làm lạ. Mấy bữa nay, vương nóng nảy và cáu gắt lạ lùng. Trần Quỹ bỗng nhìn vương, thấy mắt vương mờ ám khác thường. Vương định giục ngựa, thì con ngựa nâu chồm chồm quay lại, vương mắng:

— Mày muốn chết phải không?

Trần Quỹ hỏi vương:

— Vương gia làm sao thế?

Tiếng nghe âu yếm, khiến vương tỉnh lại. Vương hồi đã có vẻ không lịch sự với Hoài Văn Hầu. Nhưng nhìn sang, vẫn thấy hầu điềm nhiên và mắt vẫn đầy một nguồn thân mật. Chợt hầu trở roi lên mặt thành, nói gần như rú:

— Ai kia?

— Trời ơi! Công chúa!

Mọi người đều rú lên. Một tiếng hô Sát Thát, vương và hầu cùng té ngựa trong vòng mưa đạn.

Và trên mặt thành, im lìm như một pho tượng, trong bộ áo lính nhà Nguyên, An Tư công chúa nhìn xuống, hai hàng lệ lăn trên gò má. Thôn thức vì vui mừng, vì lo sợ, vì cảm động, vì thương thân, nàng phải vịn vào một cán cờ phấp phới bay trên tòa thành. Tên đạn bắn ra như mưa, trông xuống dưới chân thành, tối như đêm dày, nhưng mắt người thiếu nữ vẫn nhận ra được bóng người yêu thấp thoáng trong cơn bão thép.

Mấy hôm nay Thoát Hoan không về Cảnh Linh cung, và tin báo quân Nam đã về khôi phục. An Tư lại bị hãm vào một tình thế nguy ngập. Có một bọn tướng sĩ thân cận của Ô Mã Nhi, nhân lúc Thoát Hoan đi vắng và A Thích bận ngoài thành, vây chặt lấy cung cấm, nhất định giết An Tư mà chúng cho là người đã gây ra cuộc thất bại của chúng ngày nay. An Tư cũng muốn nhân dịp này quyên sinh cho hết kiếp, công việc của nàng đến đây đã kết thúc rồi, nàng có quyền được chết. Nhưng nàng không dám bội ước với Chiêu Thành Vương, đã hẹn gặp nhau, có lẽ nào đến giờ tái hợp, nàng lại trái lời. Nàng còn phải gặp chàng. Và lại, mặc dầu tủi thân tủi phận, nàng vẫn muốn gặp mặt người mình yêu, sự muốn ấy tha thiết như một cầu mong. Cho nên nàng tìm hết cách thoát khỏi vòng vây của quân Ô Mã Nhi để trốn ra ngoài thành. Nàng chắc người tướng đến Thăng Long trước nhất phải là Chiêu Thành Vương, và thế nào nàng cũng gặp được chàng, thỏa tấm lòng tưởng nhớ. Vì thế, sẵn trong cung có một bộ áo lính, nàng mặc vào, và vì thế ra được khỏi cung Cảnh Linh, và cứ mặc thế, nàng xăm xăm lên cửa Nam, trong khi súng nổ ầm ầm và quân sĩ réo nhau inh ỏi. Không ai để ý đến nàng. An Tư vui vui, nghe xa xa có tiếng quen quen, tiếng của tráng sĩ quân nhà mà nàng nhận ra ngay.

Khi lên đến mặt thành, nhìn xuống, quả nhiên thấy cao cao lá cờ Tinh Cương và lá cờ sáu chữ. Nàng lảo bảo:

— Bao giờ cũng hai chú cháu đi với nhau. Sao người hợp nhau thế.

Cũng vừa lúc ấy, thì mắt tinh nhanh của Hoài Văn Hầu nhận được nàng. Vương cũng ngược mắt nhìn lên, ôi bộ mặt của người yêu muôn thuở. Nàng cố nhìn cho rõ, nhưng xa quá, và khói bay mù mịt, rồi vương xông vào trong vòng đen tối, không nhận ra nữa, chỉ thấy bóng ngựa nhấp nhô và lá cờ Tinh Cương và sáu chữ nhồi lên trên biển khói.

A Thích cũng vừa tới chỗ An Tư. Chưa kịp hỏi han, thì có tiếng người gọi ở đằng xa, Thích lại rào

bước chạy lại. Bấy giờ Trần Thông và Trần Quốc Toản cứ tề ngựa trong mưa đạn, đã hai lần đánh lên thành và hai lần họ bị đánh lui, quân sĩ chết như rạ trước mặt thành.

Chợt thấy có tiếng reo:

— Đại quân của Chiêu Minh Vương đã tới. Cố lên anh em, không thì mất hết giá trị. Cố lên anh em.

Nhận ra là tiếng Hoài Văn Hầu, Chiêu Thành Vương vẩy kiếm thúc ngựa, đánh lên mặt thành, và tiến gần nhất. Quân Nguyên chĩa cả cung nỏ bắn vào chủ tướng quân Tinh Cương, tên bay chung quanh như châu chấu ngày mùa. An Tư lo sợ, muốn kêu để chàng lùi lại, nhưng trong lúc say sưa, chàng không biết đến nguy hiểm quanh mình. Trần Quỹ tề ngựa đi bên chủ tướng, nói:

— Quân giặc chĩa cả cung nỏ vào vương gia, vương gia nên giới ý.

Vương chưa kịp nói gì, thì một mũi tên bắn phập vào vai, vương rút ra cười với Trần Quỹ. Nhưng một mũi tên khác bắn theo, trúng giữa ngực, vương ngã lặn xuống ngựa, máu tươi bắn cả lên mặt. Quân giặc reo âm cả lên. An Tư đau nhói đến tim, nằng thét lên:

— Vương gia!

Và nàng ngã vật xuống bên trong thành, mê man bất tỉnh.

Cùng lúc ấy, Chiêu Thành Vương đã nghiêng rãnh chịu đau, rút mũi tên ra, xé bào bọc lấy ngực, rồi tuốt kiếm chạy đến bên con ngựa nâu bấy giờ đang lồng lên. Vương định nhảy lên mình ngựa, nhưng chàng loạng choạng không đứng vững, chàng lả vào tay Trần Quỹ. Thấy trên mắt Trần Quỹ long lanh hàng lệ, vương nói:

— Ta có làm sao không? Có lẽ nào ta lại chết ở đây được. Công chúa có trông thấy ta không?

Mặt vương tái nhợt. Vương cố gượng cũng không được nữa. Quỹ đỡ vương nằm dưới một gốc cây đa ở trước thành. Vương bảo Quỹ xoay cho vương nhìn vào phía thành xem quan quân đánh lên, vương nói:

— Có lẽ nào? Có lẽ nào?

Hoài Văn Hầu đã tiến sát đến chân thành, nghe tin dữ về Chiêu Thành Vương, liền quay ngựa về. Tới gốc đa, thấy vương nằm bên Trần Quỹ, máu chảy đầy người, hầu nhảy xuống ngựa, khóc rằng:

— Chú làm sao?

Chàng cởi áo bào xem chỗ bị thương, mũi tên ăn gần suốt ngực. Hầu nhìn vương thất vọng. Vương nói:

— Tôi không đau đớn gì. Có lẽ nằm một lúc lại dậy được. Hầu đừng bận tâm về tôi. Đánh lên thành mau. Quân giặc đã yếu thế rồi. Đạn đã thừa, tên đã ít. Hầu lên trước đi, tôi xin theo sau.

Vương nhướn miệng cười với hầu, giục hầu ra trận. Thấy hầu dùng dằng, vương gắt không bằng lòng. Hoài Văn Hầu gạt lệ bước lên ngựa, và bảo ngầm với Trần Quỹ:

— Ta chỉ lo không kịp chứng kiến lúc hoàng thúc lâm chung.

Chàng kêu lên:

— Trời ơi! Có lẽ nào hoàng thúc lại đến nước ấy được. Ta không ngờ. Ta không ngờ.

Chàng nghiêng rãnh, thề giết hết quân giặc để báo thù cho bạn đồng ngũ. Và chàng biến vào trong trận, phút chốc chàng đã tiến lên hàng đầu.

Nổi giận, nổi tức, nổi thương Chiêu Thành Vương làm cho người chiến sĩ táo bạo thêm liều. Bấy giờ quân Thoát Hoan tan vỡ, đại binh của Trần Quang Khải đã kéo tới, một tướng đi đầu, ấy là Phạm Ngũ Lão. Quân Tinh Cương lúc ấy cũng muốn ở bên chủ tướng, nhưng Chiêu Thành Vương nhất định bắt họ theo quan quân đánh lên.

Trời đã về chiều. Mặt trời hướng tây đỏ rực như máu. Trong bóng hoàng hôn, đoàn tráng sĩ của Chiêu Minh Vương nỗ lực đánh lên thành. Chợt có tiếng Chiêu Thành Vương rú lên một tiếng reo vui mừng, và vận hết hơi tàn, cố nhòm dậy nhìn về hướng Thăng Long. Trần Quốc Toản đã nhảy lên bờ thành, vung kiếm đánh tan quân địch, và nhổ một cây cờ của giặc vứt đi, cắm ngọn cờ Tinh Cương vào đó. Quan quân nhất tề xông lên, tưởng như châu chấu, trong khi quân giặc trên thành ngã xuống hào, hay cắm đầu chạy trốn.

Chiêu Thành Vương cố nhìn cho rõ, nhưng mắt chàng đã mờ, chàng nằm ngả ra, mắt trào lệ vì sung sướng thấy bóng cờ của mình phát phới trên bờ thành. Chàng lắm bảm:

— Tinh Cương! Tinh Cương! Ôi phụ vương!

Chàng đau quá thể, nhưng nghiêng rặng để không lộ nỗi đau. Ngược mắt mờ nhìn Trần Quý, chàng hỏi:

— Có lẽ nào ta chết! Trời hỡi trời! Công chúa ơi! Công chúa! An Tư! Chị Liễu! Có lẽ nào tôi chết!

Chàng thoáng qua thấy hình dáng An Tư. Và bóng người từ mẫu và đàn em đại cũng lần lượt đi qua mắt chàng.

Vương bảo Quý:

— Ta chết mất. Ta chết đến nơi rồi. Quân ta đã đánh đến đâu? Quân ta đã vào được thành chưa? Sao người lại khóc? Anh hùng không được khóc! Quân ta toàn thắng chưa? Nói cho thực. Ta không trông thấy gì nữa.

Trần Quý thưa:

— Quân ta đã vào đến thành. Cửa thành đã mở, Chiêu Minh Vương cũng đã tiến vào. Trên mặt thành toàn cờ hiệu nước nhà. Và trên kỳ đài đã dựng lá Quốc kỳ...

— Thôi được rồi. Thôi, ta chết cũng không ân hận nữa. Kiếm ta đâu?

— Bẩm đây.

— Người đặt bên mình ta cho thẳng. Người giở túi gấm của ta ra, lấy ra ba bức thêu, giơ lên trước mặt ta xem.

Quý giơ lên, vương không trông thấy gì nữa, và kêu:

— Người để cả lên ngực cho ta. Ta đã thắng quân thù, toại được chí của mẹ; ta đã giết giặc nước, đấu với Ô Mã Nhi, vừa ý công chúa, ta có chết cũng không uổng nữa. Người đặt cả lên trước ngực ta đây.

Quý khóc vâng lời, rồi không cầm lòng được, ôm lấy vương:

— Vương gia! Vương gia! Sao vương gia lại bỏ con! Vương gia đương độ đầu xanh tuổi trẻ. Có lẽ nào Vương gia? Vương gia, vương gia.

Chiêu Thành Vương cười và nói:

— Trần Quý sao người lại đàn bà đến thế. Người đặt ta cho thẳng, cho ta nhìn thẳng về phía hoàng thành. À ta dặn người. Khi ta chết rồi, phải chít khăn đại tang cho ta trở mẹ ta, nghe chưa.

Trần Quý dạ dạ. Vương run run tay quờ quạng chiếc kiếm bên mình, lại sờ lên ngực, rồi nói:

— Khi ta chết rồi, hãy khiêng xác ta vào thành đã rồi hãy đem chôn. Như thế cũng như ta đã vào được đến thành.

Nói xong, vương ngả đầu vào tay Trần Quý, ú ớ không nói được nữa. Cũng vừa lúc ấy, ba kỵ mã té ra: ấy là Chiêu Minh Vương, Hoài Văn Hầu và An Tư công chúa. Ba người cùng xuống ngựa; tuy trời sáng trắng, nhưng ánh sáng nhờ nhờ nên Chiêu Minh Vương sai quân đốt đuốc đem theo. An Tư chạy lại, quỳ xuống bên chàng. Hoài Văn Hầu cũng quỳ xuống một bên. Vương đã hấp hối, miệng phì phèo, như gọi mẫu thân, có lúc lại như gọi An Tư. Chiêu Minh Vương đứng trước mặt, dưới ánh sáng hai ngọn đuốc, Trần Thông trông không có vẻ gì là người chết. Mặt chàng yên tĩnh, cằm kiêu ngạo hơi vênh lên, và môi mấp mí trong một cử chỉ anh hùng khiêu khích. Râu tơ lún phún trên mép và cằm, càng làm bật nổi một vẻ đẹp ngang tàng trai trẻ.

An Tư nghẹn ngào không nói được, và Trần Quý và Hoài Văn Hầu thốn thức sụt sùi. Đoàn quân Tinh Cương khi ấy cũng đã ra, lần lượt sụp lạy trước thân chủ tướng và đứng vòng quanh xác vương, khóc nức nở như khóc như bậc chí thân.

Theo lời trời lại của Chiêu Thành Vương, người ta chít khăn đại tang cho chàng, quân Tinh Cương khiêng xác chàng vào thành Thăng Long và điếu đi khắp ba quân. Không ai không ngậm ngùi cho người tráng sĩ, và trông thấy An Tư mặt hoa tiều tụy, nước da tái tái, không ai không ái ngại cho nàng và cho cuộc tình duyên. Nàng đã tự ý mặc áo đại tang trở chàng, và suốt đêm hôm ấy cùng Hoài Văn hầu, Trần Quý và quân Tinh Cương đứng canh bên linh cữu. Vì bấy giờ không biết Khâm Thiên Vương phu

nhân và gia quyến phiêu dạt ở đâu nên không báo tin được.

Ngày hôm sau, Chiêu Minh Vương nhân danh là đại tướng khâm sai của triều đình, thân làm văn tế và đứng chủ tế những tướng sĩ đã bỏ xác trên sa trường. Lời văn thống thiết, ba quân thương cảm bạn trường, lệ hoen nét mặt dạn dày vì mưa gió.

Suốt ngày hôm ấy, sau khi đi đưa đám Chiêu Thành Vương mà người ta tạm táng bên bờ sông, cùng với mấy vạn tử sĩ. An Tư đóng cửa nằm trong cung riêng, Nàng không về Cảnh Linh sắc mùi ô uế và về chốn cũ, lại nhớ đến người xưa, tâm nàng như đứt hết. Nàng như phảng phất ngày xuân cũng ở cung này, tiễn chàng ra trận, và khi ấy chàng trai trẻ, uy dũng biết bao nhiêu. Mới có ngót sáu tháng trời! Thương chàng và tủi phận, nàng gục đầu xuống gối khóc như mưa, gối đã ướt đầm đĩa lệ ngọc. Bây giờ nàng ao ước chàng sống, dù phải đem thân như nhuốc hiến dâng chàng, miễn là chàng được sống. Càng nghĩ càng xót xa, lắm lúc nàng nghiêng rặng hồn oán, hay đứng lên vùng vằng như muốn phá những ngang trái của hóa công, lắm lúc nàng ngồi bần thần, nghĩ lại hình ảnh người yêu, hùng tráng trên con ngựa nâu, lừng lừng bên mình thanh bảo kiếm. Ý nàng đã quyết. Đến đây, không còn điều chi ràng buộc nàng với đời nữa.

Ngoài thành quan quân đang tấp nập mở tiệc ăn mừng chiến thắng. Chiêu Minh Vương bận việc, nhưng cũng thỉnh thoảng sai người vào hỏi han nàng. Vương cũng có ý sợ em gái có những cử chỉ liều lĩnh. Nàng cố giấu giếm dự định của nàng.

Đêm đã đến. Tiệc khao quân vẫn tung bừng náo nhiệt. Nàng ăn mặc cực kỳ lộng lẫy lên bước đi tìm con ngựa bạch. trông thấy quân sĩ vui mừng chiến thắng, nàng lại không cảm được lệ, nước mắt khóc người dừng cảm vô duyên, uống phí tâm can, mà đành uống giận dưới chân thành, không toại nguyện bình sinh. Chỗ nào cũng là đèn đuốc, cờ bay phất phới, chưa có hội nào náo nhiệt như thế. Lại thêm ánh trăng vàng vạc, sáng tỏ như ban ngày, chiếu thêm nét mặt những anh hùng đặc chí.

Nàng thu mình giữa đám vui, thân đang chịu một cái tang đau đớn, nàng không dám lưu luyến, sợ không được chân thành với người quá cố. Và chính tiệc khao quân tung bừng náo nhiệt đã xua đuổi nàng đi, người duy nhất không có quyền được hưởng cái vinh quang ấy. Mặt tai tái, nàng nhảy lên mình ngựa té thẳng ra bờ sông, giữa những mô chiến sĩ hữu danh hay vô danh lần đến mộ chàng, có tấm bia đề bảy chữ: Tinh Cương chủ tướng Chiêu Thành chi mộ. Nàng xuống ngựa, thấp hương, rồi rập đầu trên nắm đất mà khóc rũ rượi, hết con này đến con khác. Tuần hương đã hết, nàng đứng dậy, trông lại nắm mô, nước mắt nói:

— Tiệc vui riêng vương gia không được hưởng, thiếp xin xuống vàng cùng vương gia tái hợp, cho vương gia đỡ tủi. Vương gia sống khôn chết thiêng, xin đợi chờ thiếp đây.

Nàng trông lại phía thành, cờ thẳng phất phới bay dưới ánh trăng sao vàng vạc. Tiếng ti quản đưa đến tai nàng. Nàng xăm xăm chạy ra bờ sông. Chợt quay lại, nghe rõ tiếng ca vang lừng:

«Đoạt sáo Chương Dương Độ

Cầm Hồ Hàm Tử Quan

Thái bình nghị nỗ lực

Vạn cổ thử giang san.»

Tiếng ca như lụt trời, quện vào trăng sao mây gió, đầy một ý khí hào hùng. Nàng quay lại nắm mô phảng phất hình người dừng cảm đã có một phần công trong những trận thắng oanh liệt nhắc trong thơ. Lời ca vẫn âm vang bên tai nàng, nàng bỗng cảm có chút vui lây. Ánh trăng bàng bạc, nàng mê man như ngày ruổi ngựa cùng chàng vào Thanh. Nàng đã đến bờ sông Cái, và không ngần ngại văng mình xuống nước.

Trên bờ sông, con ngựa bạch ngơ ngác, đánh hơi tìm chủ nhân, lòng lộn hướng ra lòng sông, dưới bóng trăng khuya, hí lên một hồi tuyệt vọng... (18-12-1943).



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>